

Số: 607 /QĐ-CTHN-ĐT

Hà Nội, ngày 27 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chương trình đào tạo ngành Dược trình độ Cao đẳng

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ THƯƠNG MẠI HÀ NỘI

- Căn cứ Quyết định số 7273/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 11 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng bách nghệ Tây Hà (nay là trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội);
- Căn cứ thông tư số 01/2024/TT/BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
- Căn cứ Điều lệ Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng;
- Căn cứ biên bản thẩm định chương trình đào tạo của Hội đồng Thẩm định họp ngày 22 tháng 04 năm 2025;
- Theo đề nghị của bà Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Y Dược.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành chương trình đào ngành Dược trình độ Cao đẳng

Tên ngành

Mã ngành

Trình độ đào tạo

Dược

6720201

Cao đẳng

(Có chương trình kèm theo).

Điều 2: Chương trình đào tạo được ban hành và sử dụng để đào tạo tại trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các Phòng, Khoa, Viện có liên quan triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Các Phó hiệu trưởng;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.



TS. Đoàn Thị Thu Hương

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 607/QĐ-CTHN-ĐT ngày 27 tháng 05 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà Nội)

Tên ngành: Dược
Mã ngành : 6720201
Trình độ đào tạo: Cao đẳng
Hình thức đào tạo: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo: 3 năm

1. Giới thiệu chương trình/ mô tả ngành, nghề đào tạo

- Ngành Cao đẳng Dược là chương trình đào tạo thuộc khối ngành chăm sóc sức khỏe, nhằm cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức và kỹ năng cơ bản trong lĩnh vực dược học. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cử nhân Cao đẳng Dược và có thể hành nghề theo quy định của pháp luật như: công tác dược bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp, trung tâm/viện kiểm nghiệm, nhà thuốc, công ty phân phối, doanh nghiệp kinh doanh đồng thời có thể tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các viện, trường.
- Chương trình học thường kéo dài 3 năm, tập trung vào đào tạo thực hành, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng nhanh, chất lượng và sát với thực tiễn.

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo các Dược sĩ trình độ cao đẳng là những người có đạo đức tốt, có kiến thức khoa học cơ bản và y dược học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên môn cơ bản để tư vấn về sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, hiệu quả; để sản xuất, quản lý và cung ứng thuốc tốt; có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học nâng cao trình độ chuyên môn, góp phần đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- Trình bày được các nguyên lý cơ bản về: Hóa học, sinh học, sinh lý học, giải phẫu học và bệnh học.
- Trình bày được các nguyên lý hoạt động của cơ thể người và cơ chế sinh bệnh để ứng dụng vào dược lý và điều trị.

- Trình bày được cơ chế tác dụng, chỉ định, chống chỉ định, tương tác và tác dụng phụ của thuốc.
- Phân tích và đánh giá được chất lượng thuốc, dược phẩm và mỹ phẩm.
- Trình bày được các kiến thức cơ bản về dược lâm sàng, chăm sóc dược, dược cộng đồng và quản lý dược.
- Trình bày được kiến thức về đạo đức hành nghề và các quy định của pháp luật trong ngành Dược.
- Trình bày được các kiến thức về nghiên cứu khoa học và công nghệ liên quan đến ngành Dược.

2.2.2. Kỹ năng

- Tổ chức được và thực hành tốt trong các lĩnh vực: sản xuất, kiểm nghiệm, tồn trữ, phân phối và tư vấn sử dụng đối với nguyên liệu làm thuốc, các dạng thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm chức năng.
- Thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quy định, pháp luật về dược.
- Xây dựng và triển khai kế hoạch về công tác dược trong các cơ sở y tế, cộng đồng và trong các chương trình y tế quốc gia.
- Hướng dẫn, tư vấn chuyên môn dược cho các thành viên y tế khác.
- Thông tin thuốc và tham gia giáo dục cộng đồng về thuốc.

3. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên bán thuốc tại nhà thuốc tư nhân hoặc quầy thuốc bệnh viện.
- Nhân viên sản xuất thuốc, đóng gói, kiểm tra chất lượng tại công ty dược phẩm.
- Nhân viên tư vấn sản phẩm dược (trình dược viên).
- Kỹ thuật viên tại các trường học,...

4. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học

Số lượng môn học, mô đun: 39

Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 108 tín chỉ (2625 giờ).

Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ

Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 65 tín chỉ (1215 giờ)

Khối lượng các môn học chuyên môn: 1215 giờ (704 giờ Lý thuyết; 464 giờ thực hành, thực tập, thí nghiệm/bài tập/ thảo luận và 47 giờ kiểm tra)

5. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề

TT	Mã năng lực	Tên năng lực
I	Năng lực cơ bản (năng lực chung)	
1	NLCB-01	Thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.
2	NLCB-02	Sử dụng máy tính thành thạo
3	NLCB-03	Làm việc hiệu quả trong nhóm

4	NLCB-04	Thực hành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày
5	NLCB-05	Sử dụng tiếng Anh giao tiếp ở cấp độ cơ bản
6	NLCB-06	Duy trì kiến thức ngành nghề
7	NLCB-07	Thực hiện rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức
8	NLCB-08	Nhận biết các loại dược liệu
9	NLCB-09	Tham gia các hoạt động ngoại khóa
II Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)		
10	NLCL-01	Tư vấn và phân phối thuốc
11	NLCL-02	Theo dõi và hướng dẫn sử dụng thuốc
12	NLCL-03	Kiểm tra và bảo quản thuốc
13	NLCL-04	Xử lý sơ cấp cứu
14	NLCL-05	Áp dụng quy định pháp luật về dược
15	NLCL-06	Suy luận thống kê y học để giải quyết vấn đề trong thực hành nghề nghiệp
16	NLCL-07	Thực hiện ứng dụng của cơ học, nhiệt động học, tĩnh điện, từ trường vào sản xuất, kiểm nghiệm dược phẩm
17	NLCL-08	Phân tích các đặc điểm di truyền trong một số bệnh lý trên lâm sàng và ứng dụng vào trong theo dõi, điều trị cho bệnh nhân
18	NLCL-09	Trình bày được tính chất của một số hợp chất hữu cơ quan trọng liên quan đến ngành Dược
19	NLCL-10	Đánh giá chất lượng của nguyên liệu và chế phẩm thuốc.
20	NLCL-11	Nhận định được các kiến thức cơ bản về các loại vi khuẩn, vi rút, ký sinh trùng gây bệnh, khả năng gây bệnh, cơ chế gây bệnh
21	NLCL-12	Nhận diện được các đặc điểm của cơ, xương khớp, mạch máu thần kinh của các vùng trên cơ thể con người trên các mô hình hoặc tranh ảnh
22	NLCL-13	Áp dụng được quá trình chuyển hóa và biến đổi các chất sinh học trong thực tế sản xuất.
23	NLCL-14	Thực hiện hỗ trợ tư vấn, bán hàng, sắp xếp tủ thuốc tại các nhà thuốc, quầy thuốc
24	NLCL-15	Thực hiện các văn bản, các quy định pháp lý cơ bản có liên quan đến lĩnh vực Dược – Luật Dược.
25	NLCL-16	Nhận thức đúng đắn về vai trò của thực vật trong nền y học.
26	NLCL-17	Xây dựng quy trình bào chế thuốc đơn giản trong phòng thực hành
27	NLCL-18	Nhận thức được nhóm thuốc chính dùng trong điều trị
28	NLCL-19	Hướng dẫn sử dụng một số dược liệu thường dùng trong ngành dược

29	NLCL-20	Xây dựng quy trình kiểm nghiệm dược liệu theo phương pháp vi phẫu và hóa học.
30	NLCL-21	Làm quen và thực hiện công việc sản xuất, đóng gói, bảo quản thuốc tại các doanh nghiệp sản xuất dược.
31	NLCL-22	Chế biến thuốc cổ truyền theo một số phương pháp chế biến cơ bản.
27	NLCL-23	Phân tích cơ cấu vốn, hạch toán giá thành, phân tích hoạt động kinh doanh dược, hoạch định chiến lược trong quản trị.
28	NLCL-24	Phân tích được công năng chủ trị 60 - 70 vị thuốc hay dùng.
29	NLCL-25	Xây dựng quy trình kiểm tra chất lượng thuốc, công tác tiêu chuẩn hóa và kiểm nghiệm thuốc theo tiêu chuẩn.
30	NLCL-26	Nghiên cứu khoa học, thực tập tại các nhà máy sản xuất thuốc, các công ty dược phẩm
31	NLCL-27	Phân tích được các phương pháp sử dụng trong nghiên cứu dược liệu.
III Năng lực nâng cao		
32	NLNC-01	Phân tích và đánh giá chất lượng dược phẩm: Khả năng sử dụng các phương pháp hiện đại để kiểm tra, đánh giá chất lượng thuốc, đảm bảo an toàn và hiệu quả trong sử dụng.
33	NLNC-02	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới: Tham gia vào quá trình nghiên cứu, cải tiến và phát triển các sản phẩm dược phẩm mới, đáp ứng nhu cầu thị trường và điều trị.
34	NLNC-03	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dược học: Sử dụng phần mềm và công nghệ mới trong quản lý thông tin dược phẩm, hỗ trợ công tác nghiên cứu và phát triển.
35	NLNC-04	Hiểu biết về quy định và chuẩn mực quốc tế: Nắm vững các quy định, tiêu chuẩn quốc tế trong lĩnh vực dược, đảm bảo sản phẩm và hoạt động phù hợp với yêu cầu toàn cầu.
36	NLNC-05	Thích ứng với chuyển đổi số: Áp dụng công nghệ số trong các hoạt động dược học, từ nghiên cứu đến quản lý và phân phối sản phẩm.
37	NLNC-06	Thực hành xanh và bền vững: Thực hiện các hoạt động dược học theo hướng bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên hiệu quả và phát triển bền vững.

6. Nội dung

T T	Mã MH, MĐ	Tên môn học	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
				Tổng số	Trong đó		
					Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Kiểm tra
1. Các môn học chung/ đại cương			19	435	157	255	23
1	MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
2	MH02	Tin học	3	75	15	58	2
3	MH03	Pháp luật	2	30	18	10	2
4	MH04	Giáo dục thể chất	2	60	21	36	3
5	MH05	Tiếng anh cơ bản 1	2	60	21	36	3
6	MH06	Tiếng anh cơ bản 2	2	60	5	51	4
7	MH07	Giáo dục Quốc phòng- An ninh	3	75	36	35	4
2. Các môn học chuyên ngành			65	1215	704	464	47
2.1 Môn học cơ sở			19	360	200	145	15
8	MĐ08	Tiếng anh chuyên ngành	2	45	14	29	2
9	MH09	Thống kê y dược	1	15	14	0	1
10	MH10	Vật lý đại cương	1	15	14	0	1
11	MH11	Sinh học và di truyền	1	15	14	0	1
12	MĐ12	Hóa học vô cơ - hữu cơ	2	45	14	29	2
13	MĐ13	Hóa phân tích định lượng	3	60	29	29	2
14	MH14	Vi sinh- Ký sinh trùng	2	30	29	0	1
15	MĐ15	Giải phẫu – Sinh lý	3	60	29	29	2
16	MĐ16	Hóa sinh	2	45	14	29	2
17	MH17	Bệnh học	2	30	29	0	1
2.2 Môn học chuyên môn			44	825	476	319	30
18	MH18	Pháp chế dược	2	30	29	0	1
19	MĐ19	Thực vật dược	4	90	29	58	3
20	MĐ20	Bào chế 1	3	60	29	29	2
21	MĐ21	Hóa dược 1	3	60	29	29	2
22	MĐ22	Dược liệu 1	3	60	29	29	2
23	MH23	Dược lý học 1	4	75	44	29	2
24	MĐ24	Dược lâm sàng	3	60	28	29	3
25	MH25	Đảm bảo chất lượng thuốc	3	45	43	0	2
26	MH26	Kinh tế dược	2	30	29	0	1
27	MH27	Dược học cổ truyền	3	45	43	0	2
28	MH28	Kiểm nghiệm thuốc	2	30	29	0	1
29	MĐ29	Bào chế 2	2	45	14	29	2
30	MĐ30	Hóa dược 2	3	60	29	29	2
31	MĐ31	Dược liệu 2	2	45	14	29	2

T T	Mã MH, MĐ	Tên môn học	Số TC	Thời gian học tập (giờ)			
				Trong đó			
				Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận	Kiểm tra
32	MĐ32	Dược lý học 2	3	60	29	29	2
33	MH33	Marketing dược	2	30	29	0	1
2.3. Môn học tự chọn (chọn 1 trong 4 môn)			2	30	28	0	2
34	MH34	Đạo đức hành nghề	2	30	28	0	2
35	MH35	Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sức khỏe	2	30	28	0	2
36	MH36	Dược cộng đồng	2	30	28	0	2
37	MH37	Dược xã hội học	2	30	28	0	2
3. Thực hành, thực tập nghề nghiệp/ Thực tập tốt nghiệp			19	855	0	835	20
38	MĐ38	Thực hành thực tập nghề nghiệp (tại bệnh viện, trạm y tế)	9	405	0	395	10
39	MĐ 39	Thực tập tốt nghiệp (tại bệnh viện, Công ty dược và nhà thuốc)	10	450	0	440	10
4. Thi tốt nghiệp			5	120	28	87	5
40	MĐ40	Hóa dược nâng cao	2	45	14	29	2
41	MĐ41	Dược liệu nâng cao	2	45	14	29	2
42	MĐ42	Bào chế nâng cao	1	30	0	29	1
Tổng cộng			108	2625	889	1641	95

7. Hướng dẫn sử dụng chương trình

7.1. Căn cứ để xây dựng chương trình đào tạo

7.1.1. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành.

- Chính trị thực hiện theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp.

- Pháp luật thực hiện theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp.

- Tin học thực hiện theo Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp.

- Giáo dục thể chất thực hiện theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp.

- Giáo dục quốc phòng và an ninh thực hiện theo Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp.

- Tiếng Anh thực hiện theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp.

7.1.2 Các môn học cơ sở ngành, môn học chuyên ngành, thực hành, thực tập nghề nghiệp/thực tập tốt nghiệp:

- Căn cứ theo thông tư 54/2018 TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2018 (Ban hành quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng các ngành, nghề thuộc lĩnh vực sức khỏe và dịch vụ xã hội);

7.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy, quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở;

- Tham gia các hoạt động bổ trợ khác để rèn luyện sinh viên;

- Thời gian và nội dung hoạt động giáo dục ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa như sau:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng; - Sinh hoạt tập thể.	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện: Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Bồi dưỡng kỹ năng mềm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng phỏng vấn, tìm việc ...	Trong giờ sinh hoạt khoa 01 giờ/tháng.
6	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần (nếu có thể)

7.3. Hướng dẫn thi kết thúc môn học

- Sinh viên nếu có đủ điều kiện được quy định trong “Quy chế đào tạo” của Nhà trường thì sẽ được tham dự thi kết thúc môn học.

- Phương pháp thi hết môn học:

+ Các môn học chung, các môn học cơ sở: Tùy theo điều kiện cụ thể có thể tổ chức thi bằng các phương pháp tự luận, vấn đáp hoặc trắc nghiệm, bài tập, tiểu luận.

+ Các môn học chuyên môn ngành: Có thể tổ chức thi bằng các phương pháp như: Bài thi lý thuyết (tự luận hoặc trắc nghiệm); thi vấn đáp và bài thực hành riêng hoặc bài thi tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

- Nội dung thi kết thúc môn học: Nội dung phải bao trùm toàn bộ các kiến thức và kỹ năng cơ bản nhất của môn học đã xác định trong chương trình đào tạo.

7.4. Tổ chức thi tốt nghiệp hoặc hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

- Thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/03/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ.

- Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp và công nhận danh hiệu cử nhân Được thực hành theo quy định.

Hà Nội, Ngày 27 tháng 05 năm 2025

KHOA Y DƯỢC
PHÒNG TRƯỞNG KHOA PT



ThS. Phạm Thị Thu Hồng



HIỆU TRƯỞNG

TS. Đoàn Thị Thu Hương

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã môn học: MH01

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ (lý thuyết: 41 giờ; thảo luận: 29 giờ; kiểm tra: 05 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; hình thành thế giới quan, nhân sinh quan khoa học và cách mạng cho thế hệ trẻ Việt Nam; góp phần đào tạo người lao động phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam và những nhiệm vụ chính trị của đất nước hiện nay; nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào giải quyết các vấn đề của cá nhân, xã hội và các vấn đề khác trong quá trình học tập, lao động, hoạt động hàng ngày và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Chương mở đầu	2	2		
2	Chương 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác – Lênin	14	9	4	1
3	Chương 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	14	9	4	1

STT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
4	Chương 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	3	2	
5	Chương 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam	6	3	2	1
6	Chương 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	10	5	5	
8	Chương 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay	7	3	3	1
10	Chương 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam	7	3	4	
11	Chương 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc	6	3	3	
12	Chương 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	4	1	2	1
	Tổng cộng	75	41	29	05

2. Nội dung chi tiết

Chương mở đầu

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Chương 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, nội dung cơ bản, vai trò của chủ nghĩa Mác - Lênin trong nhận thức và thực tiễn đời sống xã hội

- Bước đầu vận dụng được thể giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin vào giải quyết các vấn đề của cá nhân và xã hội.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Một số nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Chương 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số điểm cơ bản về nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;
- Có nhận thức đúng đắn, vận dụng tốt các kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức và phong cách của cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, nguồn gốc và quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh

2.1.1. Khái niệm

2.1.2. Nguồn gốc

2.1.3. Quá trình hình thành

2.2. Một số nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2.1. Tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại

2.2.2. Tư tưởng về quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

2.2.3. Tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân

2.2.4. Tư tưởng về phát triển kinh tế và văn hóa, không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

2.2.5. Tư tưởng về đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

2.2.6. Tư tưởng về chăm lo bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Chương 3: Những thành tựu của cách mạng Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;
- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng

2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng

2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc

2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Chương 4: Đặc trưng và phương hướng xây dựng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được đặc trưng và phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam;
- Có nhận thức đúng đắn và niềm tin vào việc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Đặc trưng của xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.1.1. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh

2.1.2. Do nhân dân làm chủ

2.1.3. Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp

2.1.4. Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

2.1.5. Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện

2.1.6. Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

2.1.7. Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo

2.1.8. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

2.2. Phương hướng xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

2.2.1. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường

2.2.2. Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

2.2.3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội

2.2.4. Đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội

2.2.5. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế

2.2.6. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất

2.2.7. Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

2.2.8. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh

Chương 5: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, con người ở Việt Nam

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay

2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội

2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Chương 6: Tăng cường quốc phòng an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế ở nước ta hiện nay

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những quan điểm cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại của Đảng ta hiện nay;
- Tin tưởng và tích cực thực hiện tốt đường lối quốc phòng, an ninh và đối ngoại hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Bối cảnh Việt Nam và quốc tế

2.2. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đường lối quốc phòng, an ninh

2.2.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối quốc phòng, an ninh

2.3. Quan điểm và những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

2.3.1. Quan điểm của Đảng về đường lối đối ngoại

2.3.2. Những nhiệm vụ chủ yếu của đường lối đối ngoại

Chương 7: Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được bản chất, đặc trưng, phương hướng và nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Khẳng định được tính ưu việt của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam so với các kiểu nhà nước khác và xác định được nhiệm vụ của bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Bản chất và đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Phương hướng, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.1. Phương hướng xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Chương 8: Phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ tổ quốc

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được tầm quan trọng và nội dung phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc;
- Khẳng định được tầm quan trọng và thực hiện tốt vai trò của cá nhân trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nội dung

2.1. Tầm quan trọng của đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.1. Cơ sở lý luận của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của đường lối, chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2. Quan điểm và phương hướng của Đảng về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.1. Quan điểm của Đảng về đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

2.2.2. Phương hướng và giải pháp phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Chương 9: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt

2.1.1. Người công dân tốt

2.1.2. Người lao động tốt

2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phân đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng

Phòng học lý thuyết cho môn học chính trị có đủ các điều kiện cần thiết như tranh, ảnh, tủ sách chính trị, các loại báo chí được phép phát hành trong nước....

2. Trang thiết bị, máy móc

- Máy vi tính,
- Máy chiếu Projector

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình Chính trị (dùng cho hệ Cao đẳng ngành do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xuất bản, 2008).
- Các tài liệu, sách tham khảo về chính trị, về tư tưởng và đạo đức Hồ Chí Minh

4. Các điều kiện khác

Bổ trí thời gian ngoại khoá để học sinh được đi tham quan một số cơ sở đào tạo chuyên ngành về chính trị hoặc các viện bảo tàng cách mạng, bảo tàng lịch sử (Nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung: Đánh giá qua bài kiểm tra thường quy, bài kiểm định kỳ các nội dung về

- Kiến thức:
 - + Trình bày kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng CSVN;
 - + Trình bày kiến thức cơ bản về truyền thống quý báu của dân tộc, của giai cấp công nhân và Công đoàn Việt Nam.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Vận dụng kiến thức để rèn luyện trở thành người lao động mới có phẩm chất chính trị, có đạo đức và năng lực hoàn thành nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
 - + Có ý thức trách nhiệm thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật Nhà nước và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Phương pháp:

- Phần lý thuyết: Học tập trung tại phòng học
- Phần thảo luận: Phân nhóm thảo luận dưới sự theo dõi và kiểm tra của giáo viên

- Kiểm tra kết thúc môn học: Bằng phương pháp tự luận, vấn đáp hoặc trắc nghiệm

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học :

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn Chính trị là môn học được sử dụng để giảng dạy cho trình độ cao đẳng ngành, nghề Dược

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

- + Trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.
- + Sử dụng phương pháp phương pháp hợp lý để học sinh tích cực tham gia vào bài học. Cần kết hợp với tranh ảnh, báo chí, băng hình, tài liệu sưu tầm để làm rõ nội dung. Kết hợp với tình hình chính trị-kinh tế- xã hội hiện nay để làm rõ vai trò của môn học đối với đời sống.

- *Đối với sinh viên:*

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tích cực tham gia ý kiến khi học tập và thảo luận
- + Có các ý kiến phản biện với tinh thần xây dựng

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

Những vấn đề lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng các vấn đề đó vào thực tế cách mạng nước ta hiện nay

4. Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15-5-2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban

hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.

7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.

8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 7/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.

9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.

14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận- Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận – Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;

19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.

20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

Các tài liệu liên quan khác.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH02

Thời gian thực hiện: 75 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 58 giờ; kiểm tra: 2 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất: Chương trình môn học bao gồm nội dung cơ bản về máy tính và công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày và giải thích được kiến thức cơ bản về công nghệ thông tin; sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, mạng máy tính; phân loại phần mềm; lập trình; phần mềm thương mại và phần mềm nguồn mở;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản hành chính theo đúng quy định về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính các bài toán thực tế;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu được các nội dung cần thiết;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin và một số dạng truyền thông số thông dụng;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm năng khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin;
- Thực hiện đúng các quy định về an toàn bảo mật thông tin; an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng và thực hiện đúng quy định của pháp luật, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	5	3	2	
2	Chương 2. Sử dụng máy tính cơ bản	6	2	4	
3	Chương 3. Xử lý văn bản cơ bản	18	2	15	1
4	Chương 4. Sử dụng bảng tính cơ bản	29	4	25	
5	Chương 5. Sử dụng trình chiếu cơ bản	11	2	9	
6	Chương 6. Sử dụng Internet cơ bản	6	2	3	1
	Tổng cộng	75	15	58	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính, mạng cơ bản; các quy định liên quan đến việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin;
- Nhận biết được các thiết bị phần cứng chủ yếu, hệ điều hành, phần mềm ứng dụng; tuân thủ đúng các quy định trong việc sử dụng máy tính và ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.1.2. Phần mềm

2.1.2.1. Phần mềm hệ thống

2.1.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.1.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

- 2.1.2.4. Phần mềm nguồn mở
- 2.2. Biểu diễn thông tin trong máy tính
 - 2.2.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính
 - 2.2.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ
- 2.3. Mạng cơ bản
 - 2.3.1. Những khái niệm cơ bản
 - 2.3.2. Internet, Intranet, Extranet
 - 2.3.3. Truyền dữ liệu trên mạng
 - 2.3.3.1. Truyền dữ liệu trên mạng
 - 2.3.3.2. Tốc độ truyền
 - 2.3.3.3. Các số đo (bps, Kbps, Mbps, Gbps...)
 - 2.3.4. Phương tiện truyền thông
 - 2.3.4.1. Giới thiệu về phương tiện truyền thông
 - 2.3.4.2. Bảng thông
 - 2.3.4.3. Phân biệt các phương tiện truyền dẫn có dây
 - 2.3.5. Download, Upload
- 2.4. Các ứng dụng của công nghệ thông tin – truyền thông
 - 2.4.1. Một số ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trong kinh doanh
 - 2.4.2. Một số ứng dụng phổ biến để liên lạc, truyền thông
- 2.5. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông
 - 2.5.1. An toàn lao động
 - 2.5.2. Bảo vệ môi trường
- 2.6. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính
 - 2.6.1. Kiểm soát truy nhập, bảo đảm an toàn cho dữ liệu
 - 2.6.2. Phần mềm độc hại (malware)
- 2.7. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong sử dụng công nghệ thông tin
 - 2.7.1. Bản quyền/ Sở hữu trí tuệ
 - 2.7.2. Bảo vệ dữ liệu

Chương 2. Sử dụng máy tính cơ bản

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, quản lý thư mục, tập tin; phần mềm tiện ích và đa phương tiện, sử dụng tiếng Việt trong máy tính, sử dụng máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Thực hiện được việc quản lý thư mục, tập tin; cài đặt, gỡ bỏ và sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

- 2.1. Làm việc với hệ điều hành
 - 2.1.1. Windows là gì?
 - 2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows
 - 2.1.3. Desktop
 - 2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)
 - 2.1.5. Menu Start
 - 2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

- 2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng
- 2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng
- 2.1.9. Sử dụng chuột
- 2.2. Quản lý thư mục và tập tin
 - 2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin
 - 2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin
 - 2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin
 - 2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục
 - 2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục
 - 2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục
- 2.3. Sử dụng Control Panel
 - 2.3.1. Khởi động Control Panel
 - 2.3.2. Region and Language
 - 2.3.3. Devices and Printers
 - 2.3.4. Programs and Features
- 2.4. Một số phần mềm tiện ích
 - 2.4.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin
 - 2.4.2. Phần mềm diệt virus
- 2.5. Sử dụng tiếng Việt
 - 2.5.1. Các bộ mã tiếng Việt
 - 2.5.2. Cách thức nhập tiếng Việt
 - 2.5.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt
- 2.6. Chuyển đổi định dạng tập tin
- 2.7. Đa phương tiện
- 2.8. Sử dụng máy in
 - 2.8.1. Lựa chọn máy in
 - 2.8.2. In

Chương 3. Xử lý văn bản cơ bản

Thời gian: 18 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về văn bản, soạn thảo và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản, kết xuất và phân phối văn bản;
- Soạn thảo được văn bản bảo đảm đúng các yêu cầu về kỹ thuật soạn thảo văn bản hành chính; in ấn và phân phối văn bản bảo đảm đúng quy định.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản
 - 2.1.1. Khái niệm văn bản.
 - 2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản.
- 2.2. Sử dụng Microsoft Word
 - 2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word
 - 2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word
 - 2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word
 - 2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word
 - 2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn
 - 2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

- 2.2.2.3. Lưu tập tin
- 2.2.2.4. Đóng tập tin
- 2.2.3. Định dạng văn bản
 - 2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)
 - 2.2.3.2. Định dạng đoạn văn
 - 2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)
 - 2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering
 - 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
 - 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
 - 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
 - 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
 - 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
 - 2.2.3.6. Tham chiếu (Reference)
 - 2.2.3.7. Hoàn tất văn bản
 - 2.2.3.7.1. Căn lề toàn bộ văn bản
 - 2.2.3.7.2. Thêm, bỏ ngắt trang
 - 2.2.3.7.3. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản
- 2.2.5. Phân phối văn bản
- 2.2.6. Soạn thông báo, thư mời
- 2.2.7. Soạn và xử lý văn bản hành chính mẫu

Chương 4. Sử dụng bảng tính cơ bản

Thời gian: 29 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán thực tế.

2. Nội dung

- 2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)
 - 2.2.1. Khái niệm bảng tính
 - 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường
- 2.2. Sử dụng Microsoft Excel
 - 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
 - 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
 - 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
 - 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
 - 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
 - 2.2.2.2. Lưu bảng tính
 - 2.2.2.3. Đóng bảng tính
- 2.3. Thao tác với ô

- 2.3.1. Các kiểu dữ liệu
- 2.3.2. Cách nhập dữ liệu
- 2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu
 - 2.3.3.1. Xóa dữ liệu
 - 2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu
- 2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)
 - 2.4.1. Dòng và cột
 - 2.4.1.1. Thêm dòng và cột
 - 2.4.1.2. Xóa dòng và cột
 - 2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột
 - 2.4.1.4. Ẩn/hiện, cố định (freeze)/ thôi cố định (unfreeze) tiêu đề dòng, cột
 - 2.4.2. Trang tính
 - 2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính
 - 2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính
 - 2.4.2.3. Mở nhiều trang tính
 - 2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính
- 2.5. Định dạng ô, dãy ô
 - 2.5.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ
 - 2.5.2. Định dạng văn bản
 - 2.5.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền
- 2.6. Biểu thức và hàm
 - 2.6.1. Biểu thức số học
 - 2.6.1.1. Khái niệm biểu thức số học
 - 2.6.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản
 - 2.6.1.3. Các lỗi thường gặp
 - 2.6.2. Hàm
 - 2.6.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm
 - 2.6.2.2. Toán tử so sánh =, <, >
 - 2.6.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND, INT, MOD, RANK)
 - 2.6.2.4. Hàm điều kiện IF
 - 2.6.2.5. Các hàm logic (AND, OR)
 - 2.6.2.6. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR, NOW)
 - 2.6.2.7. Các hàm chuỗi (LEFT, RIGHT, MID, LEN, UPPER, PROPER, LOWER, VALUE)
 - 2.6.2.8. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)
 - 2.6.2.9. Các hàm có điều kiện (COUNTIF, SUMIF)
- 2.7. Biểu đồ
 - 2.7.1. Tạo biểu đồ
 - 2.7.2. Chỉnh sửa, cắt dán, di chuyển, xóa biểu đồ
- 2.8. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính
 - 2.8.1. Trình bày trang tính để in
 - 2.8.2. Kiểm tra và in
 - 2.8.3. Phân phối trang tính

Chương 5. Sử dụng trình chiếu cơ bản

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu các nội dung cần thiết cho một bài thuyết trình thông thường.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.1.7. Chèn Audio, Video

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương 6. Sử dụng internet cơ bản

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác xử lý cơ bản trên Internet, thư điện tử và tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.1.3. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.1.1. Thao tác duyệt web cơ bản

2.2.1.2. Thiết đặt (setting)

2.2.1.3. Chuyển hướng từ nguồn nội dung Internet này qua nguồn khác

2.2.1.4. Đánh dấu

2.2.2. Sử dụng Web

2.2.2.1. Biểu mẫu và sử dụng một số dịch vụ công

2.2.2.2. Tìm kiếm, bộ tìm kiếm (máy tìm kiếm)

2.2.2.3. Lưu nội dung

2.2.2.4. In

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3.1. Khái niệm thư điện tử

2.2.3.2. Viết và gửi thư điện tử

2.2.3.3. Nhận và trả lời thư điện tử

2.2.3.4. Quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng thư điện tử

2.3. Một số dạng truyền thông số thông dụng

2.3.1. Dịch vụ nhắn tin tức thời

2.3.2. Cộng đồng trực tuyến

2.3.3. Thương mại điện tử và ngân hàng điện tử

2.4. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.4.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.4.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.4.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.4.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

1. Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

2. Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

3. Bàn ghế giảng viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa; Các thiết bị mạng cơ bản: Bridge, Repeater, Hub, Switch, Router và Gateway.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giảng viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác.

Tham quan các phòng học chuyên dùng về tin học các nhà trường khác.(nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. *Nội dung*: Đánh giá qua bài kiểm tra thường quy, bài kiểm định kỳ các nội dung về:

- *Kiến thức*:

+ Trình bày các kiến thức cơ bản về cấu trúc hệ thống máy tính và thông tin trong máy tính, ứng dụng của tin học;

- + Phân tích được tính năng và phương thức hoạt động cơ bản của máy tính, hệ điều hành và các thiết bị ngoại vi;
- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về mạng và ứng dụng của mạng máy tính
- *Kỹ năng:*
- + Sử dụng được máy vi tính và các thiết bị ghép nối ngoại vi
- + Thực hiện được các thao tác cơ bản của tin học văn phòng trong việc soạn thảo, căn chỉnh, cắt, dán, sao chép, lưu trữ thông tin
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
- + Rèn luyện tính kiên trì, chịu khó trong học tập.
- + Hoàn thành các bài tập với chất lượng tốt
- + Chấp hành đúng nội quy phòng máy

2. Phương pháp:

Các bài kiểm tra được đánh giá qua các sản phẩm là các bài thực hành, bài tập cho mỗi sinh viên

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn Tin học được giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành, nghề Dược

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Khi giảng dạy cố gắng sử dụng các học cụ trực quan, máy tính, máy chiếu để mô tả một cách tỉ mỉ, chính xác các phương pháp..
- + Khi hướng dẫn thực hành cần sử dụng máy tính thật, giáo viên phải bám sát hỗ trợ sinh viên để giải thích và uốn nắn các thao tác cơ bản.

- Đối với sinh viên:

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tích cực luyện tập các động tác cơ bản khi thực hành với bàn phím
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực hỏi giáo viên hướng dẫn thực hành

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- + Nhận biết được tính năng công dụng của Máy tính, thao tác được các lệnh cài đặt máy tính cơ bản và soạn thảo được văn bản bằng phần mềm Word.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ

chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin

6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.

7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.

8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.

9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiến, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.

10. Joan Lambert and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.

11. Peter Weverka, Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Pháp luật

Mã môn học: MH03

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 18 giờ; Thảo luận, bài tập: 10 giờ; kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;
- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật dân sự, lao động, hành chính, hình sự; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Chương 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Chương 3: Pháp luật dân sự	5	3	2	

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
4	Chương 4: Pháp luật lao động	8	5	2	1
5	Chương 5: Pháp luật hành chính	4	3	1	
6	Chương 6: Pháp luật hình sự	5	3	2	
7	Chương 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
8	Chương 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	1	0	1
	Cộng	30	18	10	2

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Chương 2: Hiến pháp

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Chương 3: Pháp luật dân sự

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật dân sự.
- Nhận biết được quyền sở hữu, quyền khác đối với tài sản và các vấn đề cơ bản về hợp đồng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật dân sự

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự

2.3. Một số nội dung của Bộ luật dân sự

2.3.1. Quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản

2.3.2. Hợp đồng

Chương 4: Pháp luật lao động

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Chương 5: Pháp luật hành chính

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật hành chính;
- Nhận biết được các dấu hiệu vi phạm hành chính, nguyên tắc và các hình thức xử lý vi phạm hành chính.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính

2.2. Vi phạm và xử lý vi phạm hành chính

2.2.1. Vi phạm hành chính

2.2.2. Xử lý vi phạm hành chính

Chương 6: Pháp luật hình sự

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản của Luật hình sự.
- Nhận biết được các loại tội phạm và các hình phạt.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật hình sự

2.2. Một số nội dung cơ bản của Bộ luật hình sự

2.2.1. Tội phạm

2.2.2. Hình phạt

Chương 7: Pháp luật phòng, chống tham nhũng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tham nhũng

2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng

2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng

2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng

2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Chương 8: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng

2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa, nhà xưởng

Phòng học lý thuyết chuyên dùng cho môn học pháp luật có tủ sách pháp luật và các tài liệu tham khảo về các bộ luật có trong chương trình môn học

2. Trang thiết bị, máy móc:

- Máy vi tính,
- Máy chiếu Projector và phòng chiếu.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình Pháp luật (dùng cho hệ cao đẳng ngành do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xuất bản, 2008).

- Các tài liệu, sách tham khảo về hệ thống pháp luật tại tủ sách pháp luật của thư viện nhà trường

4. Các điều kiện khác.

Bố trí thời gian ngoại khoá để học sinh được đi tham quan một số cơ sở đào tạo về pháp luật và tham gia các chuyên đề về giáo dục pháp luật (nếu có điều kiện).

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung: Đánh giá qua bài kiểm tra thường quy, bài kiểm định kỳ các nội dung về:

- Kiến thức:

+ Trình bày khái niệm cơ bản về Hệ thống pháp luật và các luật cơ bản của nhà nước.

+ Phân tích các nội dung cơ bản của hiến pháp năm 1992, các nội dung cơ bản của luật lao động, luật hôn nhân gia đình, luật hình sự, luật hành chính.

+ Phân tích quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động liên quan đến các luật trên.

- Kỹ năng:

Tìm hiểu, phân tích, nghiên cứu được các luật qua hệ thống văn bản pháp luật và trên các phương tiện thông tin, tuyên truyền của nhà nước.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Luôn chấp hành nghiêm các chính sách và luật pháp của nhà nước mọi lúc, mọi nơi. Không vi phạm pháp luật.

+ Có thái độ, hành vi tôn trọng các quy định của nhà trường, đơn vị.

+ Vận động người thân chấp hành các chính sách và luật pháp của nhà nước.

+ Đấu tranh với các biểu hiện coi thường luật pháp, vi phạm pháp luật.

2. Phương pháp:

- Phần lý thuyết: Học tập trung tại phòng học.

- Phần thảo luận: Phân nhóm thảo luận dưới sự theo dõi và kiểm tra của giáo viên.

- Kiểm tra kết thúc môn học: Bằng phương pháp tự luận, vấn đáp hoặc trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Pháp luật” được sử dụng cho trình độ cao đẳng ngành, nghề Dược.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

+ Sử dụng phương pháp phương pháp hợp lý để học sinh tích cực tham gia vào bài học. Cần kết hợp với tranh ảnh, báo chí, tài liệu sưu tầm để làm rõ nội dung.

Kết hợp với cập nhật tình hình chấp hành pháp luật hiện nay để làm rõ vai trò của môn học đối với đời sống.

- Đối với sinh viên:

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học.

+ Tích cực tham gia ý kiến khi học tập và thảo luận.

+ Có các ý kiến phản biện với tinh thần xây dựng.

3. Những trọng tâm cần chú ý

+ Luật lao động, luật dạy nghề.

+ Quyền và nghĩa vụ của công dân trong chấp hành các quy định của pháp luật.

4. Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.

2. Bộ Luật lao động, 2012.

3. Bộ Luật dân sự, 2015.

4. Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
5. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
6. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
7. Luật Xử lý vi phạm hành chính, 2012.
8. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
9. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
10. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
11. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
12. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
13. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
14. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
16. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
18. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Luật Hình sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
19. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật dân sự Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
20. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật hành chính Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2015.
21. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
22. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
23. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MH04

Thời gian thực hiện: 60 giờ (lý thuyết: 21 giờ; thực hành: 36 giờ; kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật cơ bản và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần đảm bảo sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	CHƯƠNG MỞ ĐẦU	1	1		
II	Chương 1: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	13	1	12	
2	Bài 2: Điền kinh	14	1	13	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	2			2
III	Chương 2: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	30	18	11	1
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	30	18	11	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	30	18	11	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	30	18	11	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	30	18	11	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	30	18	11	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	30	18	11	1

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	30	18	11	1
	Cộng	60	21	36	3

2. Nội dung chi tiết

Chương mở đầu

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương 1: Giáo dục thể chất chung

Thời gian: 29 giờ

Bài 1: Thể dục cơ bản

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản của một số bài thể dục cơ bản;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của các bài thể dục được học.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3. Thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.1. Tác dụng của thể dục cơ bản với dụng cụ đơn giản

2.3.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: Điền kinh

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình, nhảy xa hoặc nhảy cao;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

2.3. Nhảy cao hoặc nhảy xa

Tùy theo điều kiện cụ thể, Hiệu trưởng nhà trường quyết định chọn dạy một trong hai nội dung điền kinh dưới đây: Nhảy cao hoặc nhảy xa.

2.3.1. Nhảy cao

2.3.1.1. Tác dụng của nhảy cao

2.3.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy cao

2.3.2. Nhảy xa

2.3.2.1. Tác dụng của nhảy xa

2.3.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.3.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về nhảy xa

Chương 2: Chuyên đề thể dục thể thao tự chọn

Thời gian: 30 giờ

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: Môn bơi lội

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.2.5. Kỹ thuật xuất phát

2.2.6. Kỹ thuật quay vòng

2.2.7. Kỹ thuật về đích

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: Môn cầu lông

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông.
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.2.7. Kỹ thuật đập cầu

2.2.8. Chiến thuật thi đấu

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền.
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.2.6. Kỹ thuật chắn bóng

2.2.7. Kỹ thuật đập bóng theo phương lấy đà

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: Môn bóng rổ

1. Mục tiêu

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật bắt bóng bằng một tay

2.2.5. Kỹ thuật bắt bóng bằng hai tay

2.2.6. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.7. Kỹ thuật ném rổ bằng hai tay trước ngực

2.2.8. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: Môn bóng đá

1. Mục tiêu

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá.
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

- 2.2.5. Kỹ thuật đá bóng bằng mu trong bàn chân
- 2.2.6. Kỹ thuật đá bóng bằng mu giữa bàn chân
- 2.2.7. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: Môn bóng bàn

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

- 2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn
- 2.2. Các động tác kỹ thuật
 - 2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển
 - 2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay
 - 2.2.4. Kỹ thuật bạt bóng thuận và trái tay
 - 2.2.5. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay
 - 2.2.6. Kỹ thuật tấn công và phòng thủ (thuận và trái tay)
- 2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: Môn thể dục khác

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...đảm bảo yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung

Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; videoclip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, kòi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, nhạc tập và các thiết bị khác.
- Điền kinh:
 - + Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;
 - + Nhảy cao: Nệm nhảy cao, trụ, xà nhảy cao và các thiết bị khác;
 - + Nhảy xa: Hồ nhảy xa, thước đo và các thiết bị khác.

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;
- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;
- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;
- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;
- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình các môn điền kinh (dùng cho hệ Cao đẳng ngành do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xuất bản, 2008).
- Các tài liệu, sách tham khảo về điền kinh, cầu lông, bóng đá, bóng bàn....

4. Các điều kiện khác

Bố trí thời gian ngoại khoá để học sinh có thể thi đấu thể thao giao lưu với các đơn vị khác.(Nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kỹ năng*
- + Các động tác cơ bản các bộ môn điền kinh, thể dục cơ bản, thể thao
- + Các kết quả thi đấu theo nhóm hoặc cá nhân khi kiểm tra các bộ môn
- + Thời gian hoàn thành bài tập
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*
- + Tích cực, chịu khó trong học tập, rèn luyện
- + Chấp hành đúng quy định học tập, rèn luyện
- + Luôn nêu cao tinh thần đoàn kết, tinh thần đồng đội
- + An toàn trong luyện tập, thi đấu

2. Phương pháp

- + Học tập trung tại sân, bãi thể thao
- + Giáo viên làm động tác mẫu, phân tích các động tác
- + Sinh viên được phân nhóm luyện tập dưới sự theo dõi và kiểm tra của giáo viên
- Kiểm tra kết thúc môn học: Bằng phương pháp thực hiện các bài tập thực tế

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học “Giáo dục thể chất” được sử dụng cho sinh viên Trình độ cao đẳng ngành, nghề Dục.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- *Đối với giáo viên, giảng viên*
- + Giáo viên trước khi dạy cần phải căn cứ vào mục tiêu và nội dung của từng bài học, chọn phương pháp giảng dạy phù hợp, đặc biệt quan tâm phương pháp dạy học ngoài trời trên sân bãi. Ngoài phương tiện giảng dạy truyền thống, nếu có điều kiện giáo viên nên sử dụng máy chiếu projector
- + Trong khi giới thiệu các động tác mẫu, giáo viên cần thao tác nhịp độ chậm, kết hợp phân tích, giải thích làm rõ ý nghĩa động tác và cách thực hiện động tác. Làm dứt điểm từng cử động, không nói và làm liên tục sinh viên khó theo dõi, dễ dẫn đến nhầm lẫn động tác
- *Đối với sinh viên*
- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tích cực luyện tập các động tác cơ bản và trong thi đấu
- + Luôn chú ý đến an toàn khi luyện tập các động tác cơ bản và trong thi đấu thể thao

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Các động tác cơ bản trong bài thể dục và điền kinh
- An toàn khi luyện tập các động tác cơ bản và trong thi đấu thể thao

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.
2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;
3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh cơ bản 1

Mã số của môn học: MH05

Thời gian thực hiện: 60 giờ (Lý thuyết: 21 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 36 giờ; Kiểm tra: 3 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh cơ bản 1 là môn học được giảng dạy trong học kỳ I của khóa học. Môn học có thể dạy song song với các môn học khác như: Giáo dục chính trị; Pháp luật ; Giáo dục quốc phòng an ninh; Giáo dục thể chất...

2. Tính chất

Chương trình môn học Tiếng Anh cơ bản 1 bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

- Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, sinh viên đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

- Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt, kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

a) *Kỹ năng nghe:* Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ đạc trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt; Hiểu được ý chính trong các giao dịch quen thuộc hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng.

b) *Kỹ năng nói:* Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan tới tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, sở thích; chỉ đường đến những địa điểm thông thường; giới thiệu được những ngày lễ, sự kiện đặc biệt, hoạt động du lịch, các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao đơn giản, ngắn gọn.

c) *Kỹ năng đọc:* Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các thức ăn và đồ uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ.

d) *Kỹ năng viết*: Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan đến bản thân, uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

T T	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	9	3	6	
2	Chương 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	10	3	6	1
3	Chương 3: Địa điểm (Places)	9	3	6	
4	Chương 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	9	3	6	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	3		1
6	Chương 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	9	3	6	
7	Chương 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	10	3	6	1
	Tổng số tiết	60	21	36	3

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Gia đình và bạn bè (Family and friends) Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Gia đình

2.1.2. Nghề nghiệp;

2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Động từ “to be”;

2.2.2. Tính từ sở hữu;

2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;

2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;

2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;

2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Chương 2. Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các môn thể thao;

2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;

2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;

2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;

2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;

2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;

2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Chương 3. Địa điểm (Places)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;
- 2.1.2. Các tính từ thông dụng;
- 2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;
- 2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- 2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;
- 2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bảng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Chương 4. Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should/shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống.
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống.
- Hỏi về số lượng,
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn.
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;
- 2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;
- 2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;
- 2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- 2.3.2. Bài tập True/False;
- 2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;
- 2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với much hoặc many;
- 2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;
- 2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Chương 5. Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

- 2.1. Từ vựng (Vocabulary)
 - 2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;
 - 2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;
 - 2.1.3. Quần áo và màu sắc.
- 2.2. Ngữ pháp (Grammar)
 - 2.2.1. Thì hiện tại đơn;
 - 2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;
 - 2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- 2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;
- 2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.
- 2.5. Kỹ năng đọc (Reading)
- 2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Chương 6. Kỳ nghỉ (Vacation)

Thời gian : 10 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Thì quá khứ đơn;
- 2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;
- 2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;
- 2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị, máy móc

- Máy vi tính, máy chiếu, Loa, đài, CD các bài nghe và luyện tiếng Anh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Các clip hội thoại cụ thể cho từng bài lý thuyết;
- Giáo trình tiếng Anh English for the global workplace
- Các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác.

- Tham quan các phòng học ngoại ngữ tiêu chuẩn (nếu có điều kiện)
- Tạo điều kiện cho sinh viên giao tiếp với các môi trường làm việc có sử dụng tiếng Anh (nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt
- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt
- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.
- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

- Các bài kiểm tra được đánh giá qua các bài điền khuyết, trắc nghiệm hoặc bài dịch đơn giản

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn Tiếng Anh cơ bản 1 là môn học được giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành Dược.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy sinh viên làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của sinh viên; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.
- Đối với sinh viên: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.
- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.
- Bên cạnh việc học trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho sinh viên thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc

ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp sinh viên đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Học sinh có thể làm quen chào hỏi nhau, tả diện mạo của một người nào đó, phát biểu nói về bản thân và gia đình mình, mời mọc, sắp xếp một cuộc hẹn.
- Học sinh nắm được từ vựng liên quan đến các chủ đề như màu sắc, việc làm, gia đình, thực phẩm, các hoạt động hàng ngày...

4. Tài liệu cần tham khảo

- Giáo trình ngữ pháp căn bản của tác giả Mai Lan Hương.
- Các giáo trình Anh ngữ giao tiếp hiện đại: Know How, New Interchange, Headway...
- Văn phạm tiếng Anh trình độ A theo giáo trình mới Lifelines
- Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
- Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
- Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
- Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Tiếng Anh cơ bản 2

Mã số của môn học: MH06

Thời gian thực hiện: 60 giờ (Lý thuyết: 05 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 51 giờ; Kiểm tra: 4 giờ).

I. Vị trí, tính chất môn học:

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh cơ bản 2 là môn học được giảng dạy trong học kỳ I của khóa học. Môn học có thể dạy song song với các môn học khác như: Giáo dục chính trị; Pháp luật; Giáo dục quốc phòng an ninh; Giáo dục thể chất...

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh cơ bản 2 bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ cao đẳng, sinh viên đạt được trình độ năng lực ngoại ngữ Bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại đơn, tiếp diễn và hoàn thành, thì quá khứ đơn, tiếp diễn, thì tương lai, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; phân biệt và giải thích được các từ vựng về những chủ đề quen thuộc như các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình và tính cách, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

2. Về kỹ năng

a) **Kỹ năng nghe:** Nghe và hiểu được những cụm từ và cách diễn đạt liên quan tới nhu cầu thiết yếu hàng ngày khi được diễn đạt chậm và rõ ràng về các chủ đề liên quan đến các hoạt động hàng ngày, sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm.

b) **Kỹ năng nói:** Giao tiếp một cách đơn giản và trực tiếp về các chủ đề quen thuộc hàng ngày liên quan tới các kế hoạch cho các ngày lễ và sự kiện đặc biệt; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm; truyền đạt quan điểm, nhận định của mình trong các tình huống xã giao.

c) **Kỹ năng đọc:** Đọc và phân tích được các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các vấn đề quen thuộc và cụ thể; đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết thông qua các bài đọc có liên quan đến các hoạt động hàng ngày và các sở thích, cách chào đón năm mới ở các quốc gia, sự phát triển của công nghệ và thói quen mua sắm.

d) **Kỹ năng viết:** Viết được các mệnh đề, câu đơn giản và kết nối với nhau bằng các liên từ cơ bản; viết đoạn văn ngắn về các chủ đề có liên quan các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích, kế hoạch và dự định cho việc chào đón năm mới, thiết bị công nghệ và thói quen mua sắm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;

- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra & Ôn tập
1	Chương 1: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	9	1	8	
2	Chương 2: Sở thích (Hobbies and interests)	9	1	8	
3	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	4	0	2	2
4	Chương 3: Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)	9	0	9	
5	Chương 4: Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)	9	1	7	1
6	Chương 5: Công nghệ (Technology)	10	1	9	
7	Chương 6: Mua sắm (Shopping)	10	1	8	1
	Tổng cộng	60	5	51	4

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1. Các hoạt động hàng ngày (Activities)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;

2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Chương 2. Sở thích (Hobbies and interests)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: play, go và do.

- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

Chương 3. Các kế hoạch trong tương lai (Future plans)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Sử dụng cấu trúc Will và going to; các từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of và các từ vựng về các hoạt động trong lễ hội và sự kiện đặc biệt; các tính từ mô tả địa điểm;

- Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

- Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

- Đọc hiểu bài đọc về các cách chào đón năm mới ở một số quốc gia và trả lời câu hỏi;

- Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Lễ hội

2.1.2. Tính từ mô tả địa điểm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc Will và going to;

2.2.2. Từ định lượng a little, a few, many, much và a lot of.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về nơi sinh sống;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về các dự định và kế hoạch cho một lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: New Year Celebrations;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các dự định và kế hoạch chào đón năm mới (tối thiểu 80 từ).

Chương 4. Ngoại hình và tính cách (Appearance and personality)

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu

- Cấu trúc so sánh hơn (comparative), so sánh nhất (superlative); và các tính từ mô tả ngoại hình và tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;
- Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;
- Đọc hiểu bài đọc về đề tài du lịch và trả lời câu hỏi;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Tính từ mô tả ngoại hình;

2.1.2. Tính từ mô tả tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. So sánh hơn (Comparative);

2.2.2. So sánh nhất (Superlative).

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về tuổi, ghi các tính từ mô tả hình dáng và tính cách một người;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và điền hoàn chỉnh.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả ngoại hình và tính cách các thành viên trong lớp học;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My travel page;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một người bạn thân (tối thiểu 80 từ).

Chương 5. Công nghệ (Technology)

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Thì hiện tại hoàn thành (Present perfect); cấu trúc How long...?, for và since và các từ vựng về các thiết bị công nghệ và ứng dụng;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;
- Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các thiết bị công nghệ;

2.1.2. Công nghệ.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Cấu trúc How long...?;

2.2.3. Giới từ For và since.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đặc tính các loại thiết bị phổ biến trong gia đình;

2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các thiết bị công nghệ;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: The Rise of Digital Media;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả thiết bị công nghệ mà bạn yêu thích (tối thiểu 80 từ).

Chương 6. Mua sắm (Shopping)

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Thì hiện tại hoàn thành (Present perfect) và thì quá khứ đơn (Past simple) và từ vựng về các loại thực phẩm;
- Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;
- Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi thói quen mua sắm;
- Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các từ vựng liên quan đến mua sắm.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại hoàn thành;

2.2.2. Thì quá khứ đơn;

2.2.3. Kết hợp thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về mua sắm;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về kế hoạch mua sắm;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;

2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: My Shopping Day;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về việc mua sắm tại chợ/siêu thị tuần trước và hiện tại (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị, máy móc:

- Máy vi tính, máy chiếu, Loa, đài, CD các bài nghe và luyện tiếng Anh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Các clip hội thoại cụ thể cho từng bài lý thuyết;
- Giáo trình tiếng Anh English for the global workplace
- Các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác.

- Tham quan các phòng học ngoại ngữ tiêu chuẩn (nếu có điều kiện)
- Tạo điều kiện cho sinh viên giao tiếp với các môi trường làm việc có sử dụng tiếng Anh (nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về vị trí và nơi chốn, và các sở thích, kế hoạch trong tương lai, ngoại hình, tính cách và mua sắm theo yêu cầu.
- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt; mô tả tính cách và ngoại hình của bản thân và người khác; giới thiệu các sản phẩm công nghệ và công dụng; mô tả thói quen mua sắm theo yêu cầu.
- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.

- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Các bài kiểm tra được đánh giá qua các bài điền khuyết, trắc nghiệm hoặc bài dịch đơn giản

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn Tiếng Anh cơ bản 2 là môn học được giảng dạy cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành Dược.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy sinh viên làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của sinh viên; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với sinh viên: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học trên lớp, giáo viên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 180 giờ cho sinh viên thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp sinh viên đạt được năng lực ngoại ngữ theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Cấu trúc câu trong các hoạt động hàng ngày, sở thích, các kế hoạch trong tương lai, ngoại hình; công nghệ và mua sắm.

4. Tài liệu cần tham khảo.

- Giáo trình ngữ pháp căn bản của tác giả Mai Lan Hương.

- Các giáo trình Anh ngữ giao tiếp hiện đại: Know How, New Interchange, Headway...

- Văn phạm tiếng Anh trình độ A theo giáo trình mới Lifelines

- Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.

- Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.

- Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.

- Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mã môn học: MH07

Thời gian thực hiện: 75 giờ (lý thuyết: 36 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 35 giờ; kiểm tra: 04 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo cao đẳng.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự; sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; đường lối chủ trương của Đảng và Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc;
- Có ý thức, trách nhiệm trong việc xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân; chiến tranh nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội Dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Chương 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Chương 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Chương 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia	4	3	1	
5	Chương 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Chương 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Chương 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng	5	3	2	
9	Chương 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa	5	3	2	
10	Chương 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	5	3	2	

TT	Nội Dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
11	Chương 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh	5	3	2	
12	Kiểm tra	1			1
13	Chương 11: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
14	Chương 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	20	5	14	1
15	Chương 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	7	1	5	1
16	Kiểm tra	2			2
CỘNG		75	36	35	4

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

- 2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học
- 2.2. Các nội dung chính
- 2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học
- 2.4. Điều kiện thực hiện môn học
- 2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Chương 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

- 2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội
 - 2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"
 - 2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ

2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế

2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân

2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt

2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh

2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch

2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động

2.5. Thảo luận

Chương 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;

- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên

2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay

2.3. Thảo luận

Chương 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia

2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia

2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia

2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia

2.5. Thảo luận

Chương 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Chương 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

- 2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm
- 2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm
- 2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm
- 2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường
- 2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội
- 2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội
- 2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội
- 2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội
- 2.3. Thảo luận

Chương 7: Đường lối quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng;
- Nhận thức đúng đường lối quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng.

2. Nội dung

- 2.1. Quan điểm và tư tưởng chỉ đạo của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
 - 2.1.1. Bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng là nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam
 - 2.1.2. Quan điểm cơ bản của Đảng về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- 2.2. Nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
 - 2.2.1. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
 - 2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với việc tăng cường bảo vệ an ninh chính trị, văn hóa, tư tưởng trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng của đất nước
 - 2.2.3. Tăng cường đổi mới và nâng cao chất lượng công tác hội nhập quốc tế về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- 2.3. Những giải pháp cơ bản về bảo vệ an ninh chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng
- 2.4. Thảo luận

Chương 8: Chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được các nội dung cơ bản về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

- 2.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc

- 2.1.1. Mục đích, đối tượng của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- 2.1.2. Tính chất đặc điểm của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
- 2.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc
 - 2.2.1. Tiến hành chiến tranh nhân dân, toàn dân đánh giặc, lấy lực lượng vũ trang nhân dân làm nòng cốt. Kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang địa phương với tác chiến của các binh đoàn chủ lực
 - 2.2.2. Tiến hành chiến tranh toàn diện, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự, chính trị, ngoại giao, kinh tế, văn hoá và tư tưởng, lấy đấu tranh quân sự là chủ yếu, lấy thắng lợi trên chiến trường là yếu tố quyết định để giành thắng lợi trong chiến tranh
 - 2.2.3. Chuẩn bị mọi mặt trên cả nước cũng như từng khu vực để đủ sức đánh được lâu dài, ra sức thu hẹp không gian, rút ngắn thời gian của chiến tranh giành thắng lợi càng sớm càng tốt
 - 2.2.4. Kết hợp kháng chiến với xây dựng, vừa kháng chiến vừa xây dựng, ra sức sản xuất thực hành tiết kiệm giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng ta càng đánh càng mạnh
 - 2.2.5. Kết hợp đấu tranh quân sự với đảm bảo an ninh chính trị, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, trấn áp kịp thời mọi âm mưu và hành động phá hoại gây bạo loạn
 - 2.2.6. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, phát huy tinh thần tự lực tự cường, tranh thủ sự giúp đỡ quốc tế, sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân tiến bộ trên thế giới
- 2.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân
 - 2.3.1. Tổ chức thể trận chiến tranh nhân dân
 - 2.3.2. Tổ chức lực lượng chiến tranh nhân dân
- 2.4. Thảo luận

Chương 9: Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam
- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm, đặc điểm và những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Đặc điểm liên quan đến xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
 - 2.1.3. Những quan điểm, nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong thời kỳ mới
- 2.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới
 - 2.2.1. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng
 - 2.2.2. Chính quy
 - 2.2.3. Tinh nhuệ
 - 2.2.4. Từng bước hiện đại
- 2.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân
- 2.4. Thảo luận

Chương 10: Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được những vấn đề cơ bản về việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh;
- Nhận thức đúng trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam

2.1.1. Cơ sở lý luận của sự kết hợp

2.1.2. Cơ sở thực tiễn của sự kết hợp

2.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh với đối ngoại ở nước ta hiện nay

2.2.1. Kết hợp trong xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

2.2.2. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong phát triển các vùng lãnh thổ

2.2.3. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong các ngành, các lĩnh vực kinh tế chủ yếu

2.2.4. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong thực hiện nhiệm vụ chiến lược bảo vệ Tổ quốc

2.2.5. Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh trong hoạt động đối ngoại

2.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường, củng cố quốc phòng và an ninh ở Việt Nam hiện nay

2.4. Thảo luận

Chương 11: Đội ngũ đơn vị

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc

2.2. Đội hình trung đội

2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang

2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang

2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang

2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc

2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc

2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc

2.3. Đổi hướng đội hình

2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ

2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi

2.4. Thực hành

Chương 12: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

Thời gian: 20 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh

2.1.1. Súng trường CKC

2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.1.3. Súng trung liên RPD cỡ 7,62 mm

2.1.4. Súng diệt tăng B41

2.1.5. Lựu đạn cần 97 Việt Nam

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp một số loại vũ khí bộ binh

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.3. Kỹ thuật sử dụng lựu đạn cần 97 Việt Nam

2.3. Thực hành

Chương 13: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Cầm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học, thao trường, bãi tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Cấu tạo, sử dụng một số loại lựu đạn;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC, súng trung liên RPD, súng diệt tăng B41;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Cấu tạo và động tác sử dụng lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí

- Mô hình súng AK-47, CKC, RPD, B41 cắt bỏ;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 cắt bỏ;
- Mô hình lựu đạn lựu đạn $\Phi 1$, lựu đạn cần 97 luyện tập.

2.4. Máy bắn tập

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giạt cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07;
- Lựu đạn tập nổ nhiều lần sử dụng CO2 lỏng (LĐT-15).

2.5. Thiết bị khác

- Bao đạn, túi đựng lựu đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);
- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;

- + Thất lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biện tên;
- + Cà vạt.
- Trang phục sinh viên giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thất lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Các dụng cụ phục vụ cho bắn súng như: Bao cát, dù che nắng, bia số 4...
- Các dụng cụ phục vụ cho đội ngũ như: Vôi trắng kẻ hàng, cờ, còi...
- Giẻ lau súng, dầu bảo quản súng

4. Các điều kiện khác.

- Bố trí thời gian ngoại khoá để học sinh có thể tham quan các động tác đội ngũ, bắn súng tại các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn. (Nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

- Lý thuyết

- + Hiểu được một số kiến thức cơ bản về lực lượng vũ trang, một số nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới.
- + Hiểu được những nội dung chủ yếu về xây dựng lực lượng dự bị động viên, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam.
- + Hiểu được tầm quan trọng của bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới, an ninh quốc gia.

- Kỹ năng:

- + Thực hiện được các động tác đội ngũ không có súng
- + Thực hiện được các yếu lĩnh, động tác cơ bản bắn súng tiểu liên AK. B41
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Nhận thức đúng về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta trong tình hình mới
- + Nâng cao cảnh giác, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.
- + Chịu khó, cần cù trong học tập
- + Chấp hành nghiêm quy định trong học tập, rèn luyện ngoài bãi tập, sân tập

2. Phương pháp:

Môn học được đánh giá theo 2 phần

- Phần lý thuyết: Được đánh giá qua các bài kiểm tra viết hoặc trắc nghiệm hoặc vấn đáp
- Phần thực hành: Được đánh giá chủ yếu dựa trên kết quả các bài luyện tập các kỹ năng khi thực hành về các động tác cơ bản, các yếu lĩnh cá nhân

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học: “Giáo dục Quốc phòng và an ninh” được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên Trình độ cao đẳng ngành, nghề. Được.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên

- + Giáo viên trước khi dạy cần phải căn cứ vào Mục tiêu và nội dung của từng bài học, chọn phương pháp giảng dạy phù hợp, đặc biệt quan tâm phương pháp dạy học ngoài trời trên sân bãi. Ngoài phương tiện giảng dạy truyền thống, nếu có điều kiện giáo viên nên sử dụng máy chiếu projector
- + Đối với phân lý thuyết. Giáo viên vận dụng phương pháp thuyết trình kết hợp với các hình ảnh trên các slide để minh họa. Cần vận dụng liên hệ các ví dụ trong thực tế về tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục trên thế giới và trong nước để bài giảng có tính thời sự cao
- + Đối với các bài thực hành. Giáo viên cần nghiên cứu địa hình và thời tiết để vận dụng khi giảng dạy ngoài trời. Khi làm động tác thực hành mẫu, giáo viên cần thao tác nhịp độ chậm, kết hợp phân tích, giải thích làm rõ ý nghĩa động tác và cách thực hiện động tác. Làm dứt điểm từng cử động, không nói và làm liên tục sinh viên khó theo dõi, dễ dẫn đến nhầm lẫn động tác

- Đối với sinh viên

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tích cực luyện tập các động tác cơ bản cá nhân và đội hình
- + Luôn chú ý đến an toàn khi luyện tập các động tác cơ bản

3. Những trọng tâm cần chú ý

- Các kiến thức bảo vệ Tổ quốc trên lĩnh vực quốc phòng – an ninh, làm cơ sở để học sinh thực hiện nhiệm vụ quân sự trong nhà trường, tham gia có hiệu quả trong sự nghiệp xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.
- Các động tác cơ bản bắn súng AK, B41

4. Tài liệu tham khảo

- Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
- Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII”, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
- Luật Biên giới quốc gia, 2004.
- Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
- Luật an ninh quốc gia, 2004.
- Bộ luật hình sự, 2015.

- Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi bổ sung năm 2018.
- Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.
- Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
- Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
- Luật biển Việt Nam, 2012.
- Luật Dân quân tự vệ, 2009.
- Luật phòng, chống ma túy, năm 2000; sửa đổi, bổ sung năm 2009.
- Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
- Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
- Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
- Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
- Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
- Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
- Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
- Thông tư số 08/2015/TT-BLĐTBXH ngày 27/02/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành chương trình, giáo trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
- Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
- Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
- Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
- Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
- Sách dạy bắn súng tiêu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997.
- Sách dạy bắn súng trung liên RPD, Cục quân huấn, BTTM, năm 2000.
- Sách dạy bắn súng diệt tăng B41, Cục quân huấn, BTTM, năm 2002./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun : Tiếng anh chuyên ngành

Mã mô đun: MĐ 08

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun Tiếng Anh chuyên ngành là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các Mô đun chung trong chương trình đào tạo cao đẳng..

2. Tính chất: Mô đun Tiếng anh chuyên ngành là Mô đun thuộc đào tạo chuyên ngành, vừa mang tính lý thuyết lại mang tính thực hành cao, gắn liền giữa lý thuyết khoa học và thực tiễn cuộc sống.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

- Trình bày được từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành liên quan đến: Các nhóm thuốc thông dụng, bệnh lý cơ bản, quy trình bào chế, sản xuất thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc và chăm sóc sức khỏe.
- Hiểu nội dung các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh như: hướng dẫn sử dụng thuốc (leaflet, instruction), hồ sơ sản phẩm, nhãn thuốc, đơn thuốc nước ngoài.
- Nắm được cấu trúc câu, mẫu câu giao tiếp trong môi trường y dược quốc tế.

2. Về kỹ năng

- Đọc – hiểu được tài liệu, văn bản, bài báo khoa học chuyên ngành Dược bằng tiếng Anh.
- Giao tiếp cơ bản bằng tiếng Anh trong các tình huống nghề nghiệp: tư vấn cho bệnh nhân nước ngoài, tham gia vào quy trình sản xuất, kiểm nghiệm có yếu tố nước ngoài.
- Viết đơn giản các tài liệu dược (email chuyên môn, báo cáo ngắn) bằng tiếng Anh.
- Nghe – hiểu các cuộc hội thoại, chỉ dẫn cơ bản về thuốc và y tế bằng tiếng Anh.

3. Về năng lực

- Ứng dụng được tiếng Anh trong công việc thực tế như: Tra cứu tài liệu thuốc quốc tế, giao tiếp khi làm việc với khách hàng, chuyên gia nước ngoài.
- Tự học, tự cập nhật kiến thức dược học bằng tiếng Anh.
- Sẵn sàng tham gia môi trường lao động trong nước và quốc tế có sử dụng tiếng Anh.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

STT	Tên chương mục	Tổng giờ	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chapter 1: Body parts	8	2	6	
2	Chapter 2: Common diseases	8	3	5	

3	Chapter 3: Treatment	8	2	5	1
4	Chapter 4: Examination	8	3	5	
5	Chapter 5: Jobs in Hospital and Pharmacy	8	2	5	1
6	Consolidation	5	2	3	
	Tổng Cộng	45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết

Chapter 1: Body parts

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được từ vựng về tên các bộ phận cơ thể bằng tiếng Anh, miêu tả các hệ cơ thể và chức năng của các hệ cơ thể, giới từ chỉ địa điểm.

2. Nội dung :

1. Vocabulary

1.1. Body parts

1.2. Body systems.

1.3. Functions of body systems

2. Grammar

2.1. Preposition of place

2.2. Expressing purposes

3. Skills

3.1. Speaking

3.2. Writing

Chapter 2: Common diseases

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được tên gọi của một số loại bệnh thường gặp bằng tiếng Anh, miêu tả triệu chứng một số bệnh, xây dựng cuộc hội thoại giữa bác sĩ và bệnh nhân tại phòng khám, cách dùng câu bị động

2. Nội dung :

1. Vocabulary

1.1. Types of diseases

1.2. Symptoms of some diseases.

2. Grammar

2.1. Passive voice

2.2. Expressing Reasons and Cause-Effect relationship

3. Skills

3.1. Speaking: Conversation between Doctor and Patient at the Emergency Department

3.2. Translation Unit 3 Treatment

Chapter 3: Treatment

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được tên một số dạng thuốc bằng tiếng Anh, cách đọc và hướng dẫn sử dụng thuốc, cách đọc đơn thuốc

2. Nội dung :

1. Vocabulary

1.1. Types of drugs

1.2. Prescription

1.3. Drug instruction

2. Grammar points

2.1. Modal verbs

2.2. Word formation

3. Skills

3.1. Reading: Read a prescription

3.2. Translation: Translate a drug instruction

Chapter 4 : Examination

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được, các mẫu câu thường gặp giữa bác sĩ và bệnh nhân khi khám bệnh, cách đưa ra lời gợi ý, tư vấn và khuyên nhủ

2. Nội dung :

1. Vocabulary

1.1. Examination.

1.2. Expressions when examining a patient.

2. Grammar

2.1. Should/ could/ may/ might

2.2. Giving instructions

3. Skills

3.1. Speaking: Giving advice to a patient

3.2. Translation

Chapter 5: Jobs in Hospital and Pharmacy

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được từ vựng về tên các chức danh trong ngành Y, cách miêu tả vai trò và trách nhiệm của từng chức danh trong nhà thuốc, trong bệnh viện và các cơ sở y tế khác.

2. Nội dung:

1. Vocabulary

1.1. Types of jobs in Hospital and Pharmacy.

1.2. Describe different jobs in Medicine, roles and responsibilities of each person.

2. Grammar

2.1. Relative Clause

3. Skills

3.1. Presentation

3.2. Translation

6. Consolidation

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được những nội dung chính trong 5 bài đã học, cách làm các dạng bài trong bài thi viết.

2. Nội dung

Revise what students have learnt from unit 1-5.

Handout grammar and translation exercises. Samples of exam questions.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun:

1. *Phòng học:* phòng học quy mô nhỏ đủ cho 30-40 sinh viên / 1 lớp

2. *Trang thiết bị máy móc:* máy chiếu, đài cassette

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:* bảng, phấn, giấy A4, giấy nhớ

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung

1.1. *Về kiến thức:* Bài kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ các cấu trúc câu, ngữ pháp mà sinh viên đã được học trong chương trình, những lượng từ vựng về các chủ đề Điều dưỡng và Dược khi giao tiếp bằng Tiếng Anh.

1.2. Về kỹ năng: Khả năng phát triển các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết trong các tình huống giao tiếp hàng ngày khi tiếp xúc với bệnh nhân và đồng nghiệp, đặc biệt là kỹ năng đọc các văn bản chuyên ngành, các hướng dẫn sử dụng thuốc, đơn thuốc và dịch các văn bản chuyên ngành.

1.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên có ý thức tự giác trong việc tự học ôn tập và chuẩn bị bài vở cho việc kiểm tra đánh giá cuối kỳ.

2. Phương pháp: Thi viết (kiểm tra kỹ năng đọc hiểu- kỹ năng viết và ngữ pháp từ vựng, kỹ năng dịch thuật)

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng môn học: Áp dụng cho sinh viên Cao Đẳng chính quy năm thứ hai ngành/nghề Dược.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

2.1. Đối với giáo viên, giảng viên:

- Giáo viên tham gia giảng dạy chương trình cần nắm bắt và bám sát được mục đích yêu cầu cũng như mục tiêu cụ thể của từng nội dung bài giảng trong chương trình.
- Giáo viên phải có đủ trình độ để triển khai chương trình giảng một cách linh hoạt và sáng tạo; áp dụng các phương pháp giảng dạy sao cho phù hợp với mọi hoàn cảnh giảng dạy cụ thể.
- Giáo viên phải luôn tự nâng cao bồi dưỡng trình độ, nghiệp vụ chuyên môn sao cho luôn đáp ứng được những nhu cầu đào tạo mới.
- Khi triển khai bài giảng phải đảm bảo yêu cầu về tính hệ thống, trang bị những kiến thức ngữ pháp, từ vựng đáp ứng được nhu cầu thực tiễn của sinh viên.
- Tiến hành kiểm tra theo định kỳ.

2.2. Đối với sinh viên:

Lên lớp nghe giảng, tích cực tham gia các hoạt động sử dụng ngôn ngữ Tiếng Anh trên lớp.

Có ý thức tự giác trong việc tự học ôn tập và chuẩn bị bài vở. Ôn tập kiểm tra theo đúng lịch .

3. Tài liệu tham khảo:

Tài liệu 1 (TL1) – Check your English Vocabulary for Medicine, A & C Black Publishers Ltd.

Tài liệu 2 (TL2), Hospital English, Catherine Arakelian, Mark Bartram, Alison Magnall, Radcliffe Medical Press

Tài liệu 3 (TL3), Professional English In Use Medicine, Eric Glendinning and Ron Howard, Cambridge University Press.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Thống kê y dược

Mã môn học: MH09

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: môn cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo.

2. Tính chất: Môn thống kê y dược là môn thuộc Khoa học cơ bản, vừa mang tính lý thuyết lại mang tính thực hành cao, gắn liền giữa lý thuyết khoa học và thực tiễn cuộc sống.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- Trình bày được những khái niệm cơ bản của thống kê: quần thể, mẫu, biến số, chỉ số thống kê, sai số.

- Trình bày được vai trò của thống kê trong nghiên cứu khoa học, quản lý dược và y tế cộng đồng.

2. Về kỹ năng

- Thu thập và ghi chép được dữ liệu thực tế trong quá trình khảo sát, nghiên cứu dược học.

- Tính toán được các tham số thống kê cơ bản (trung bình, tỷ lệ, phương sai, độ lệch chuẩn...).

- Vẽ và phân tích được bảng thống kê, biểu đồ (cột, tròn, đường) để mô tả dữ liệu.

- Sử dụng công cụ hỗ trợ đơn giản (Excel, phần mềm thống kê cơ bản) để xử lý và trình bày số liệu.

- Đọc và hiểu kết quả thống kê trong các nghiên cứu dược học đơn giản.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Vận dụng được các phương pháp thống kê cơ bản trong công việc quản lý, nghiên cứu, tư vấn sử dụng thuốc.

- Phân tích và đánh giá được dữ liệu để hỗ trợ quyết định chuyên môn trong ngành Dược (như lựa chọn thuốc hợp lý, theo dõi hiệu quả điều trị, phân tích thị trường thuốc).

- Tư duy logic, hệ thống khi tiếp cận các vấn đề y dược dựa trên số liệu.

- Có khả năng tự học, tự nâng cao kỹ năng thống kê ứng dụng trong Dược học.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Xác suất	5	5	0	
2	Chương 2: Thống kê	10	9	0	1
	Tổng Cộng	15	14	0	1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Xác suất

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa xác suất, các công thức xác suất (công thức cộng, công thức nhân, công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes) và giải được một số bài toán xác suất trong y dựa vào các công thức nêu trên.
- Trình bày được quy luật chuẩn, Student, nhị thức, Poisson và ý nghĩa của các quy luật trên.

2. Nội dung

- 2.1. Phép thử ngẫu nhiên và biến cố.
 - 2.1.1. Phép thử ngẫu nhiên
 - 2.1.2. Không gian mẫu
 - 2.1.3. Biến cố và quan hệ giữa các biến cố
- 2.2. Xác suất của biến cố
 - 2.2.1. Định nghĩa cổ điển của xác suất
 - 2.2.2. Định nghĩa theo thống kê của xác suất
- 2.3. Các công thức xác suất
 - 2.3.1. Công thức cộng xác suất
 - 2.3.2. Công thức nhân xác suất
 - 2.3.3. Công thức xác suất đầy đủ- Công thức Bayes
 - 2.3.4. Công thức Becnuli
- 2.4. Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục
 - 2.4.1. Hàm mật độ và hàm phân phối xác suất
 - 2.4.2. Các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên
- 2.5. Quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên rời rạc
 - 2.5.1. Quy luật nhị thức- Bernoulli
 - 2.5.2. Quy luật Poisson

Chương 2: Thống kê

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu

- Trình bày được định nghĩa và công thức tính các tham số mẫu. Nêu được ý nghĩa của chúng.
- Trình bày được bài toán kiểm định và ý nghĩa của bài toán.
- Trình bày được hệ số tương quan và phương trình đường hồi quy.

2. Nội dung chương

- 2.1. Tham số mẫu
 - 2.1.1. Phương pháp biểu diễn mẫu
 - 2.1.2. Các đặc trưng của mẫu
- 2.2. Ước lượng tham số
 - 2.2.1. Khái niệm về ước lượng
 - 2.2.1.1. Bài toán ước lượng tham số
 - 2.2.1.2. Ước lượng điểm
 - 2.2.2. Ước lượng khoảng tin cậy
 - 2.2.2.1. Ước lượng kỳ vọng
 - 2.2.2.2. Ước lượng phương sai (giới thiệu)
 - 2.2.2.3. Ước lượng tỷ lệ
- 2.3. Kiểm định giả thiết thống kê
 - 2.3.1. Kiểm định về giá trị trung bình
 - 2.3.2. Kiểm định về phương sai (giới thiệu)
 - 2.3.3. Kiểm định tỷ lệ

2.4. Tương quan hồi quy

2.4.1. Hệ số tương quan

2.4.2. Phương trình đường hồi quy

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. *Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng*: phòng học có bảng.

- Phòng học lý thuyết chuyên dùng cho môn học xác suất thống kê có giáo trình môn học xác suất thống kê, các tài liệu số liệu liên quan.

2. *Trang thiết bị máy móc*:

- Bảng trắng

- Máy vi tính

- Máy chiếu Projector và phong chiếu.

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu*: Sinh viên cần có máy tính casio để làm các bài tập tính toán. Phải có đủ giáo trình và sách tham khảo theo yêu cầu của giáo viên.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức*: Đánh giá sinh viên về Phép thử ngẫu nhiên và biến cố, xác suất của biến số, các công thức của xác suất, quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục, tham số mẫu, ước lượng tham số.

- *Kỹ năng*: Giải các bài toán mẫu về xác suất.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: Rèn tư duy logic, phân tích, tổng hợp. Thao tác thực hành cẩn thận, tỉ mỉ, khoa học.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học: phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học*: Môn học thống kê y được sử dụng cho chương trình đào tạo ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng.

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học*

- *Đối với giáo viên, giảng viên*:

+ Làm kế hoạch bài giảng.

+ Biên soạn đề cương bài giảng.

+ Thực hiện bài giảng

- *Đối với người học*:

+ Đảm bảo thời gian lên lớp theo quy định

+ Nghiên cứu tài liệu học tập, chuẩn bị nội dung và tham gia thảo luận tại lớp theo hướng dẫn của giảng viên

+ Làm đầy đủ các bài tập, bài kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ.

3. *Những trọng tâm cần chú ý*

- Phép thử ngẫu nhiên và biến cố, xác suất của biến cố, xác công thức xác suất, quy luật xác suất của đại lượng ngẫu nhiên liên tục, rời rạc, tham số mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thiết thống kê.

4. Tài liệu tham khảo:

Xác suất thống kê- Tác giả: Đào Hữu Hồ- Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: VẬT LÝ ĐẠI CƯƠNG

Mã môn học: MH10

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: vật lý đại cương là môn học chung cho ngành Dược.

2. Tính chất: Cung cấp kiến thức cơ bản, cốt lõi về các hiện tượng và quy luật vật lý phổ biến trong tự nhiên, làm cơ sở cho sự hiểu biết sâu hơn về các hiện tượng sinh học – y học – dược học.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- Trình bày được các khái niệm cơ bản về các hiện tượng vật lý: cơ học, nhiệt học, điện học, quang học và sóng.
- Trình bày được các định luật cơ bản của vật lý và áp dụng chúng vào giải thích các hiện tượng tự nhiên, sinh học và y dược.
- Trình bày mối liên hệ giữa các hiện tượng vật lý với các ứng dụng trong lĩnh vực y tế – dược phẩm (ví dụ: nguyên lý máy đo huyết áp, máy siêu âm, bảo quản thuốc...).
- Giải thích được nguyên lý vận hành cơ bản của một số thiết bị y tế và dược học sử dụng kiến thức vật lý.

2. Về kỹ năng

- Phân tích và giải thích các hiện tượng vật lý thông thường xảy ra trong đời sống và công việc liên quan đến ngành dược.
- Ứng dụng kiến thức vật lý để giải các bài toán cơ bản (tính vận tốc, áp suất, điện trở, công suất...).
- Đọc, hiểu và giải thích được thông số kỹ thuật cơ bản của các thiết bị y tế và dược phẩm có liên quan đến vật lý.
- Rèn luyện kỹ năng tư duy logic, phân tích vấn đề và giải quyết tình huống thực tiễn dựa trên nền tảng vật lý.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Vận dụng được kiến thức vật lý để hỗ trợ các môn học chuyên ngành như hóa học, sinh học, dược lý học.
- Gắn kết được kiến thức vật lý vào công tác bảo quản thuốc, sử dụng thiết bị y tế an toàn và hiệu quả.
- Hình thành tư duy khoa học, khả năng tự nghiên cứu, tự cập nhật kiến thức vật lý ứng dụng trong y tế – dược.
- Thích ứng với môi trường làm việc có yêu cầu sử dụng các thiết bị công nghệ y dược dựa trên nguyên lý vật lý.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

T T	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1	0	
2	Chương 1: Cơ học	3	3	0	
3	Chương 2: Nhiệt động học	3	3	0	
4	Chương 3: Tĩnh điện	3	3	0	
5	Chương 4: Từ trường	3	3	0	
6	Chương 5: Các ứng dụng	2	1	0	1
	Tổng Cộng	15	14	0	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu

Thời gian: 1 giờ

Chương 1. Cơ học

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong chương này sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản của các chuyển động, và vận dụng được các định luật để giải thích các bài toán cơ học thường gặp

2. Nội dung chương

2.1. Chuyển động

2.1.1. Vận tốc

2.1.2. Gia tốc

2.2. Các Định luật của động lực học chất điểm

2.2.1. Các định luật Newton

2.2.2. Động lượng và bảo toàn động lượng

2.2.3. Cơ năng và bảo toàn cơ năng

Chương 2. Nhiệt học

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong chương này sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản của Nhiệt động học và vận dụng được các nguyên lý, các định luật để giải các bài toán nhiệt thường gặp.

2. Nội dung

2.1. Khí lý tưởng

2.1.1. Các khái niệm

2.1.2. Phương trình trạng thái

2.1.3. Nội năng khí lý tưởng

2.2. Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động học

2.2.1 Phát biểu

2.2.2. Công

2.2.3. Nhiệt lượng

- 2.2.3. Các quá trình cân bằng
- 2.2.3.1. Quá trình đẳng tích
- 2.2.3.2. Quá trình đẳng áp
- 2.2.3.3. Quá trình đẳng nhiệt
- 2.2.3.4. Quá trình đoạn nhiệt
- 2.3. Nguyên lý thứ hai của nhiệt động học
- 2.3.1. Nguyên lý thứ hai
- 2.3.2. Hiệu suất động cơ nhiệt
- 2.3.3. Chu trình các nô

Chương 3. Tĩnh điện

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong chương này sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản của tĩnh điện học và vận dụng được định lý, các định luật để giải các bài toán tĩnh điện thường gặp.

2. Nội dung

- 2.3.1. Định luật Cu lông
- 2.3.1.1. Điện tích
- 2.3.1.2. Định luật Cu lông
- 2.3.2. Véc tơ cường độ điện trường E và điện thế
- 2.3.2.1. Vector cường độ điện trường
- 2.3.2.2. Điện thế
- 2.3.2.3. Điện trường E và điện thế V của một điện trường đặc biệt
- 2.3.3. Vật dẫn cân bằng tĩnh điện
- 2.3.3.1. Định nghĩa
- 2.3.3.2. Điều kiện cân bằng tĩnh điện
- 2.3.3.1. Tính chất
- 2.3.4. Năng lượng điện trường
- 2.3.4.1. Năng lượng hệ điện tích điểm
- 2.3.4.2. Năng lượng vật dẫn
- 2.3.4.3. Năng lượng điện trường

Chương 4. Từ trường

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong chương này sinh viên trình bày được các khái niệm cơ bản về từ trường và vận dụng được định lý, các định luật để giải các bài về từ trường thường gặp. Nắm vững hiện tượng cảm ứng điện từ và biết cách giải thích trong kỹ thuật và truyền sóng.

2. Nội dung

- 2.4.1. Các đại lượng đặc trưng cho từ trường
- 2.4.1.2. Véc tơ cường độ từ trường H
- 2.4.1.3. Cảm ứng từ B
- 2.4.2. Các từ trường đặc biệt
- 2.4.2.1. Từ trường của đoạn dòng thẳng

- 2.4.2.2. Từ trường của dòng điện tròn
- 2.4.2.3. Từ trường của ống dây điện thẳng.
- 2.4.3. Từ thông và từ lực
- 2.4.3.1. Từ thông
- 2.4.3.2. Từ lực
- 2.4.4. Cảm ứng điện từ
- 2.4.4.1 Hiện tượng cảm ứng điện từ
- 2.4.4.2. Hiện tượng tự cảm
- 2.4.4.3 Năng lượng điện trường

Chương 5. Các ứng dụng

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong chương này sinh viên trình bày được một số ứng dụng về sức căng bề mặt, Kiểm tra không phá hủy và các dòng điện đặc biệt trong cơ thể.

2. Nội dung

- 2.5.1. Sức căng bề mặt và mao dẫn
 - 2.5.1.1. Sức căng bề mặt
 - 2.5.1.2. Mao dẫn và ứng dụng
- 2.5.2. Phương pháp kiểm tra không phá hủy
 - 2.5.2.1. Phương pháp Siêu âm
 - 2.5.2.2. Phương pháp từ
 - 2.5.2.3. Phương pháp Ronghen
- 2.5.3. Các dòng điện đặc biệt
 - 2.5.3.1. Điện tim.
 - 2.5.3.2. Điện não
 - 2.5.3.3. Điện cơ
 - 2.5.3.4. Điện võng mạc

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng
 - Phòng học chuyên dùng cho môn học: vật lý đại cương
2. Trang thiết bị máy móc
 - Máy chiếu Projector
 - Máy tính, bảng, phấn bảng
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu
 - Giáo trình vật lý đại cương
 - Các slide, tranh vẽ có liên quan đến môn học
4. Các điều kiện khác.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về định nghĩa về chuyển động, tĩnh điện, từ trường ứng dụng các định luật, định lý trong các tính toán

- *Kỹ năng*: Tính toán được các đại lượng vật lý cơ bản như vận tốc, gia tốc, lực, công suất, nhiệt lượng, điện trở, điện áp, cường độ dòng điện, bước sóng, chiết suất..

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*: vận dụng được kiến thức vật lý vào công tác bảo quản thuốc, sử dụng thiết bị y tế an toàn và hiệu quả.

2. Phương pháp

- Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học: phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Môn học “Vật lý đại cương” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng Dược

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- *Đối với giáo viên, giảng viên*:

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*:

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Các định luật của động lực học chất điểm; nguyên lý thứ nhất của nhiệt động học; nguyên lý thứ hai của nhiệt động học; định luật Cu long; các đại lượng đặc trưng cho từ trường.

4. Tài liệu tham khảo:

[1]- Đặng quang Khang -Nguyễn Xuân Chi, Vật lý Đại cương tập 1, 2 , Đại học Bách Khoa Hà nội - 2001

[2]- Lê Bá Sơn , Vật lý, Nhà xuất bản Giao thông vận tải, 2015

[3]- Lê Bá Sơn , Bài giảng Vật lý đại cương, Trường Cao đẳng Công nghệ và Thương mại Hà nội, 2015

[4]- Lương Duyên Bình. Vật lý đại cương - Tập 1, 2, 3. NXB Giáo dục- 2000.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Sinh học và di truyền

Mã môn học: MH11

Thời gian thực hiện môn học: Thời gian thực hiện môn học 15 giờ (lý thuyết 14 giờ, thực hành, thí nghiệm 0 giờ); kiểm tra 1 giờ

I. Vị trí, tính chất môn học

1. Vị trí: Môn học Sinh học và di truyền thường được bố trí học sau môn học Vật lý đại cương trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ thống sinh giới, học thuyết tế bào và cấu trúc tế bào, di truyền học quần thể người....

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm phân loại hệ thống sinh giới, học thuyết tế bào
- Phân tích được cấu trúc tế bào, các cơ sở của di truyền học các phương pháp nghiên cứu di truyền học
- Mô tả được sự vận chuyển chất quan màng, chu kỳ tế bào và sự phân chia tế bào.
- Trình bày được cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền, Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người.
- Phân tích được đột biến gen và bệnh học phân tử, Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính.

2. Về kỹ năng

+ Áp dụng được kiến thức về di truyền học trong nhận định, phân tích các đặc điểm di truyền trong một số bệnh lý trên lâm sàng và ứng dụng vào trong theo dõi, điều trị cho bệnh nhân.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu tài liệu để mở rộng kiến thức về sinh học tế bào, sinh học phân tử, di truyền học và các ứng dụng trong y dược học.
- Chủ động tìm kiếm, phân tích thông tin khoa học liên quan đến các nguyên lý sinh học, các quy luật di truyền, đột biến gen và các công nghệ sinh học hiện đại.
- Áp dụng kiến thức sinh học và di truyền vào phân tích các vấn đề thực tiễn trong ngành dược như: nghiên cứu dược phẩm sinh học, liệu pháp gen, kiểm nghiệm thuốc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian.

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	LT	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1. Phân loại hệ thống sinh giới 1. Đại cương 2. Mục đích và ý nghĩa của việc phân loại sinh giới	1	1	0	0

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	LT	Thực hành	Kiểm tra
	3. Các cấp phân loại				
2	Chương 2: Học thuyết tế bào và cấu trúc tế bào:	1	1	0	0
3	Chương 3: Sự vận chuyển vật chất qua màng:	1	1	0	0
4	Chương 4. Chu kỳ tế bào và sự phân chia tế bào: 1. Chu kỳ tế bào và phân bào nguyên nhiễm 2. Sự phân bào nguyên nhiễm 3. Sự phân bào giảm nhiễm	1	1	0	0
5	Chương 5. Di truyền học quần thể người: 1. Tính đa dạng di truyền trong quần thể loài người 2. Cách xác định tần số của allele trong quần thể. 3. Tần số gen và kiểu gen của allele bình Thường CCR5 và allele đột biến CCR5 4. Tần số Allele 5. Tần số của các kiểu gen	1	1	0	0
6	Chương 6: Phương pháp nghiên cứu di truyền: 1. Một số đặc điểm trong nghiên cứu di truyền y học 2. Một số phương pháp nghiên cứu di truyền	1	1	0	0
7	Chương 7: Cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền: 1. Cấu tạo của DNA 2. Cấu tạo RNA 3. Sự tự nhân đôi DNA 4. Sự phiên mã 5. Sự tổng hợp của ARN 6. Sự dịch mã	2	2	0	0

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	LT	Thực hành	Kiểm tra
	7. Cơ chế điều chỉnh quá trình sinh tổng hợp protein ở Prokaryote				
8	Chương 8: Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người: 1. Đại cương 2. Bộ nhiễm sắc thể người 3. Các loại bất thường NST	2	2	0	0
9	Chương 9: Đột biến gen và bệnh học phân tử: 1. Khái niệm 2. Đột biến NST 3. Đột biến cấu trúc NST 4. Đột biến gen	2	2	0	0
10	Chương 10: Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính 1. Nhiễm sắc thể giới tính 2. Gen trên NST X 3. Gen trên NST Y 4. Ý nghĩa của của di truyền liên kết giới tính 5. Các bệnh di truyền liên quan đến NST X 6. Các bệnh di truyền liên quan đến NST	3	2	0	1
	Tổng số tiết	15	14	0	1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1. Phân loại hệ thống sinh giới

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được cách phân loại sinh giới

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Mục đích và ý nghĩa của việc phân loại sinh giới

2.2.1. Phân loại nhân tạo

2.2.2. Phân loại tự nhiên

2.3. Các cấp phân loại

2.3.1. Loài

2.3.2. Giống

2.3.3. Giới

2.3.4. Ngành

2.3.5. Lớp

2.3.6. Bộ

2.3.7. Họ

Chương 2: Học thuyết tế bào và cấu trúc tế bào

Thời gian: 1 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được cấu trúc của tế bào

2. Nội dung

2.1. Tế bào là đơn vị cơ sở của sinh giới

2.2. Tế bào Prokaryote

2.2.1. Hình dạng, kích thước:

2.2.2. Cấu tạo

2.2.2.1. Vỏ bọc

2.2.2.2. Màng tế bào (thành)

2.2.2.3. Màng bào tương

2.2.2.4. Bào tương

2.2.2.5. Miền nhân

2.3. Tế bào Eukaryote

2.3.1. Cấu trúc và chức năng màng tế bào

2.3.2. Vách tế bào và vỏ tế bào

2.3.3. Tế bào chất

2.3.4. Nhân

Chương 3: Sự vận chuyển vật chất qua màng

Thời gian 1 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các cơ chế vận chuyển chất qua màng tế bào

2. Nội dung

2.1. Vận chuyển thẩm

2.1.1. Vận chuyển thụ động

2.1.2. Vận chuyển có trung gian

2.1.3. Vận chuyển chủ động qua màng

2.2. Thẩm bào

2.2.1. Nội thực bào

2.2.2. Ngoại xuất bào

Chương 4. Chu kỳ tế bào và sự phân chia tế bào:

Thời gian 1 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các trình phân bào của Tế bào

2. Nội dung

2.1. Chu kỳ tế bào và phân bào nguyên nhiễm

2.1.1. Chu kỳ tế bào

2.1.2. Sự phân chia tế bào

2.1.2.1. Sự phân nhân

2.1.2.2. Sự phân chia tế bào chất

2.2. Sự phân bào nguyên nhiễm

2.2.1. Lần phân chia thứ nhất kỳ đầu I

2.2.2. Lần phân chia thứ nhất kỳ giữa I

2.2.3. Lần phân chia thứ nhất kỳ sau I

2.2.4. Lần phân chia thứ nhất kỳ cuối

2.3. Sự phân bào giảm nhiễm

2.3.1. Lần phân chia thứ hai kỳ đầu II

2.3.2. Lần phân chia thứ hai kỳ xen kẽ II

2.3.3. Lần phân chia thứ hai kỳ giữa II

2.3.4. Lần phân chia thứ hai kỳ sau II

2.3.5. Lần phân chia thứ hai kỳ cuối II

Chương 5. Di truyền học quần thể người:

Thời gian 1 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được tính đa dạng của di truyền trong quần thể người

2. Nội dung

2.1. Tính đa dạng di truyền trong quần thể loài người

2.2. Cách xác định tần số của allele trong quần thể.

2.3. Tần số gen và kiểu gen của allele bình Thường CCR5 và allele đột biến CCR5

2.4. Tần số Allele

2.5. Tần số của các kiểu gen

Chương 6: Phương pháp nghiên cứu di truyền

Thời gian 1 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các phương pháp nghiên cứu di truyền y học

2. Nội dung

2.1. Một số đặc điểm trong nghiên cứu di truyền y học

2.1.1. Những khó khăn

2.1.2. Những thuận lợi

2.2. Một số phương pháp nghiên cứu di truyền

2.2.1. Phương pháp nghiên cứu phả hệ

2.2.1.1. Khái niệm

2.2.1.2. Các bước tiến hành

2.2.1.3. Lập sơ đồ phả hệ

2.2.1.4. Phân tích phả hệ

2.2.1.5. Kết quả nghiên cứu

2.2.2. Phương pháp trẻ sinh đôi (Đồng sinh)

2.2.2.1. Những đặc điểm và giá trị của phương pháp nghiên cứu

2.2.2.2. Các bước tiến hành

2.2.3. Phương pháp vân da

2.2.3.1. Những đặc điểm và giá trị của phương pháp nghiên cứu

2.2.3.2. Các bước tiến hành

2.2.4. Phương pháp nghiên cứu di truyền phân tử

2.2.4.1. Các phương pháp tách chiết acid nucleic, các phương pháp định lượng, định tính cơ bản

2.2.4.2. Phương pháp tách chiết ARN

2.2.5. Phương pháp tế bào

2.2.6. Phương pháp hóa sinh

2.2.7. Phương pháp Thăm khám lâm sàng bệnh di truyền

2.2.8. Phương pháp tập giao thực nghiệm

Chương 7: Cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các cơ sở phân tử của di truyền học

2. Nội dung

2.1. Cấu tạo của DNA

2.2. Cấu tạo RNA

2.3. Sự tự nhân đôi DNA

2.4. Sự phiên mã

2.5. Sự tổng hợp của ARN

2.6. Sự dịch mã

2.7. Cơ chế điều chỉnh quá trình sinh tổng hợp protein ở Prokaryote

Chương 8: Nhiễm sắc thể người và bệnh học nhiễm sắc thể người

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các bệnh liên quan đến nhiễm sắc thể

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Bộ nhiễm sắc thể người

2.2.1. Đặc trưng hình thái, cấu trúc

2.2.2. Chức năng

2.2.3. Số lượng nhiễm sắc thể

2.2.4. Số lượng gen/NST

2.3. Các loại bất thường NST

2.3.1. Đột biến cấu trúc NST

2.3.2. Đột biến số lượng NST

Chương 9: Đột biến gen và bệnh học phân tử:

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các bệnh liên quan đến đột biến gen

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Đột biến NST

2.2.1. Đa bội

2.2.2. Lệch bội

2.3. Đột biến cấu trúc NST

2.4. Đột biến gen

Chương 10: Di truyền giới tính và bệnh học di truyền giới tính:

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các bệnh liên quan đến Gen X, Y

2. Nội dung

2.1. Nhiễm sắc thể giới tính

2.2. Gen trên NST X

2.2.1. Thí nghiệm

2.2.2. Nhận xét

2.2.3. Giải thích

2.2.4. Cơ sở tế bào học

2.2.5. Sơ đồ lai

2.3. Gen trên NST Y

2.4. Ý nghĩa của của di truyền liên kết giới tính

2.5. Các bệnh di truyền liên quan đến NST X

2.6. Các bệnh di truyền liên quan đến NST Y

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên dùng cho môn học: Sinh học di truyền

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy chiếu Projector

- Máy tính, bảng, phấn bảng.

- Tranh vẽ mô hình sinh giới, mô hình nhiễm sắc thể, mô hình cây phả hệ...

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình sinh học di truyền

- Các slide, tranh vẽ mô hình NST, sinh giới, cây phả hệ liên quan đến môn học.

- Giá treo tranh

4. *Các điều kiện khác.* Tham quan các phòng nghiên cứu sinh học phân tử, sinh học di truyền (nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về đặc điểm của sinh giới, đặc điểm cấu tạo của các tế bào, các cách vận chuyển qua màng tế bào, đặc điểm các bệnh di truyền.

- *Kỹ năng:*

Thực hiện thăm khám nhận định các bệnh di truyền, vẽ sơ đồ cây phả hệ....

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* phân tích các vấn đề thực tiễn trong ngành dược như: nghiên cứu dược phẩm sinh học, liệu pháp gen, kiểm nghiệm thuốc.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học: phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

- Môn học “Sinh học di truyền” được sử dụng đào tạo cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành, nghề Dược

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên:

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Cấu trúc của tế bào, sự phân bào, cơ sở phân tử của hiện tượng di truyền học....

4. Tài liệu dạy / học:

* *Tài liệu dạy học:*

Tập bài giảng dành cho cao đẳng điều dưỡng do Nhà trường biên soạn.

* *Tài liệu tham khảo:*

+ Sinh học đại cương, NXB ĐH Quốc gia HN.

+ Thực tập y – sinh học, NXB Y học, ĐH Y Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: HÓA HỌC VÔ CƠ - HỮU CƠ

Mã mô đun: MD 12

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun Hóa học vô cơ hữu cơ thường được bố trí học sau môn học Sinh học di truyền trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là mô đun cơ sở ngành, mô đun này gồm hóa học hữu cơ và hóa phân tích, nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về để vận dụng vào việc học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp. Mô đun vừa có lý thuyết, vừa có thực hành.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

- Trình bày cấu tạo và giải thích được tính chất hóa học của một số hợp chất vô cơ, hữu cơ
- Giải thích được cơ chế của các quá trình hóa học dựa trên các định luật cơ bản của hóa học
- Trình bày được tính chất của một số hợp chất hữu cơ quan trọng liên quan đến ngành Dược

2. Về kỹ năng

- Nhân định được đúng tính năng các dụng cụ thủy tinh, thiết bị, máy thường dùng trong phòng thí nghiệm hóa học;
- Thực hiện được các kỹ thuật của phòng thí nghiệm hóa học như: rửa, lọc, sấy, kết tinh...

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động học tập, nghiên cứu kiến thức về cấu trúc chất, phản ứng hóa học, tính chất hóa học của các hợp chất vô cơ và hữu cơ liên quan đến lĩnh vực dược.
- Tự tìm tòi tài liệu khoa học, so sánh, phân tích các cơ chế phản ứng hóa học để hiểu sâu bản chất và ứng dụng vào thực tiễn sản xuất, kiểm nghiệm dược phẩm.
- Thể hiện thái độ nghiêm túc, trung thực trong học tập lý thuyết, thực hành hóa học và trong quá trình xử lý hóa chất, vật liệu thí nghiệm.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn hóa chất, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường trong quá trình học tập và thực hành hóa học.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Đại Cương	8	2	6	
2	Bài 2: Hydrocarbon	9	3	6	
3	Bài 3: Alcohol, phenol, ether oxyde, Aldehyde, ketone	8	3	5	
4	Kiểm tra	1			1
5	Bài 4: Acid carboxylic và các dẫn chất	9	3	6	
6	Bài 5: Dung dịch chất điện ly	10	3	6	1
	Tổng cộng	45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1. Đại cương

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các khái niệm chất hữu cơ, các phức chất, các loại phản ứng hóa học, đồng phân hóa học, làm các bài tập thực nghiệm và các thí nghiệm trong phòng thực hành.

2. Nội dung

- 2.1. Cấu tạo các hợp chất hữu cơ
- 2.2. Các hiệu ứng điện tử trong hóa học hữu cơ
 - 2.2.1. Hiệu ứng cảm ứng
 - 2.2.2. Hiệu ứng liên hợp
- 2.3. Khái niệm acid-base
 - 2.3.1. Khái niệm acid
 - 2.3.2. Khái niệm base
- 2.4. Đồng phân học trong hóa hữu cơ
 - 2.4.1. Đồng phân mặt phẳng
 - 2.4.2. Đồng phân lập
- 2.5. Phức chất
 - 2.5.1. Định nghĩa, các thành phần của phức chất
 - 2.5.2. Danh pháp của các hợp chất phức
 - 2.5.3. Hằng số tạo phức

Bài 2: Hydrocarbon

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được đặc điểm, hóa tính, phương pháp điều chế các hydrocarbon, , làm các bài tập thực nghiệm và các thí nghiệm trong phòng thực hành.

2. Nội dung:

- 2.1. Hidrocarbon mạch hở: Alkan, Alken; Ankadien, Ankin
 - 2.1.1. Cấu tạo, danh pháp
 - 2.1.2. Đồng phân, phương pháp điều chế, hóa tính

2.2. Hydrocarbon cyclanic

2.2.1. Cấu tạo, danh pháp

2.2.2. Đồng phân, phương pháp điều chế, hóa tính

2.3. Hydrocarbon thơm

2.3.1. Cấu tạo, danh pháp

2.3.2. Đồng phân, phương pháp điều chế, hóa tính

Bài 3: Alcohol, phenol, ether oxyde, Aldehyde, ketone Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được đặc điểm, hóa tính, phương pháp điều chế các Ancol, phenol, ether oxyd, Aldehyd, ceton, làm các bài tập thực nghiệm và các thí nghiệm trong phòng thực hành.

2. Nội dung:

2.1. Ancol, phenol

2.1.1. Cấu tạo, danh pháp;

2.1.2. Phương pháp điều chế;

2.1.3. Hóa tính.

2.2. Ether oxyd

2.2.1. Cấu tạo, danh pháp;

2.2.2. Phương pháp điều chế;

2.2.3. Hóa tính.

2.3. Aldehyd, ceton

2.3.1. Cấu tạo, danh pháp;

2.3.2. Phương pháp điều chế;

2.3.3. Hóa tính.

Bài 4. Acid carboxylic và các dẫn chất

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được đặc điểm, hóa tính, phương pháp điều chế các acid carboxylic và dẫn chất, làm các bài tập thực nghiệm và các thí nghiệm trong phòng thực hành.

2. Nội dung:

2.1. Clorid acid, anhydride acid, amin, este

2.1.1. Cấu tạo, danh pháp

2.1.2. Phương pháp điều chế

2.1.3. Hóa tính

2.2. Acid carboxylic hỗn chức (Hydroxy-acid, phenol-acid, aldehyde-acid, ceton- acid

2.2.1. Cấu tạo, danh pháp

2.2.2. Phương pháp điều chế

2.2.3. Hóa tính

Bài 5: Dung dịch chất điện ly

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được đặc điểm về dung dịch điện ly, trạng thái chất điện ly, làm các bài tập thực nghiệm và các thí nghiệm trong phòng thực hành.

2. Nội dung:

2.1. Trạng thái chất điện li trong dung dịch

- 1.1. Định nghĩa, phân loại
- 2.2. Độ điện li α ; Quan hệ giữa α và K
- 2.3. Thuyết Acid –base
- 2.3.1. Sự điện li của nước và pH
- 2.3.2. Tính pH của dung dịch acid, base
- 2.3.3. Dung dịch đệm; chất chỉ thị acid-base

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. *Phòng học chuyên dùng cho mô đun:* Hóa học vô cơ – hữu cơ

2. *Trang thiết bị máy móc:*

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng.
- Ống nghiệm, đèn cồn, pipet, ống hút, cân tiêu ly, các hóa chất thí nghiệm

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:*

- Giáo trình Hóa học vô cơ hữu cơ
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến mô đun.
- Giá đựng ống nghiệm,

4. *Các điều kiện khác.* Tham quan các phòng nghiên cứu hóa chất tại các công ty dược, nhà máy hóa chất (nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Về kiến thức:* Đánh giá sinh viên về cấu tạo và giải thích tính chất của nguyên tử, phân tử, chiều hướng, giới hạn, cơ chế của các quá trình hóa học dựa trên các định luật cơ bản của hóa học;

Phân tích tính chất của một số hợp chất vô cơ, hữu cơ quan trọng liên quan đến ngành Dược;

- *Về kỹ năng:*

Sử dụng các dụng cụ thủy tinh, thiết bị, máy thường dùng trong phòng thí nghiệm hóa học;

Thực hiện các kỹ thuật của phòng thí nghiệm hóa học như: rửa, lọc, sấy, kết tinh...;

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Tổ chức thực hành hóa học an toàn, tự vận hành các thí nghiệm cơ bản về tổng hợp, nhận biết và kiểm tra các chất hóa học.

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

- Mô đun “Hóa học vô cơ hữu cơ” được sử dụng đào tạo cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành Dược

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Khi giảng dạy thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên xem trước quy trình kỹ thuật các bước làm thí nghiệm, thực hiện làm mẫu các kỹ thuật và lưu ý sinh viên khi sử dụng các dụng cụ và hóa chất thí nghiệm.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên:*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Cấu tạo, tính chất hoá học, cách điều chế hydrocarbon; alcol; aldehyde; acid carboxylic,...

4. Tài liệu dạy/ học:

- Hóa học đại cương- vô cơ (Quyển I,II,III) -Trường đại học Dược Hà Nội, 2006.

- Hóa học hữu cơ tập I,II - Bộ Y tế - NXBYH , 2007

- Hóa học hữu cơ tập II - Nguyễn Thị Thanh, Dương Văn Tuệ,... - NXB KHKT Hà Nội, 1999;

- Hóa học Hữu cơ tập III - Văn Đình Đệ, Trịnh Thanh Đoan - NXB Khoa học kỹ thuật, 2000;

- Hóa học Hữu cơ - Đặng Như Tại, Trần Quốc Sơn - NXB Đại học Quốc gia, 1999;

- Fundamentals of analytical chemistry, 5th edition - D.A Skoog, D.M. West, FJ. Holler, Saunders College Publishing, 1988;

- Organic chemistry - Francis A. Carey, Mcgraw- Hill Higher Education, 5th edition, chapter 8, 2003...

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun : HÓA HỌC PHÂN TÍCH ĐỊNH LƯỢNG

Mã mô đun: MĐ 13

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun Hóa học phân tích định lượng thường được bố trí học sau mô đun Hóa học vô cơ – hữu cơ trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là mô đun cơ sở ngành, học phần này nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về để vận dụng vào việc học tập, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp. Mô đun vừa có lý thuyết, vừa có thực hành.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức:

- Trình bày được cấu tạo và giải thích được tính chất hóa học của một số hợp chất hữu cơ, cơ chế của các quá trình hóa học dựa trên các định luật cơ bản của hóa học;

- Phân tích được tính chất, phương pháp định tính, định lượng thường dùng;

2. Về kỹ năng:

- Sử dụng đúng tính năng, đúng thao tác với các dụng cụ thủy tinh, thiết bị, máy thường dùng trong phòng thí nghiệm hóa học;

- Thực hiện được các kỹ thuật của phòng thí nghiệm hóa học như: rửa, lọc, sấy, kết tinh...;

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Lập kế hoạch thí nghiệm: Sinh viên cần có khả năng xác định các bước cần thiết để thực hiện các phân tích hoá học: chuẩn bị dụng cụ, hoá chất; thực hiện và ghi nhận kết quả.

- Xử lý số liệu: Khi thực hiện phân tích định lượng, sinh viên cần có khả năng tự thu thập, phân tích và giải thích dữ liệu.

- Thực hiện nghiêm các quy định, quy chế trong học tập

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Đại cương về hóa phân tích, Xử lý dữ liệu thực nghiệm trong hóa phân tích	12	6	6	
2	Bài 2: Cân bằng hóa học, Nồng độ dung dịch	12	6	6	

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
3	Bài 3: Các phương pháp phân tích	11	6	5	
4	Kiểm tra	1			1
5	Bài 4: Chuẩn độ acid-base, Chuẩn độ tạo phức	12	6	6	
6	Bài 5: Chuẩn độ oxy hóa khử, chuẩn độ kết tủa	12	6	5	1
	Tổng cộng:	60	30	28	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Đại cương về hóa phân tích, Xử lý dữ liệu thực nghiệm trong hóa phân tích

Thời gian: 12 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được đối tượng, tính phổ biến của hóa phân tích, phân loại phương pháp phân tích, xử lý được dữ liệu thực nghiệm, làm được các bài tập và thực hành trong phòng thí nghiệm.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về hóa phân tích

2.1.1. Đối tượng của Hóa phân tích

2.1.2. Tính phổ biến của Hóa phân tích

2.1.3. Phân loại các phương pháp phân tích, Các bước chủ yếu của một quy trình phân tích

2.2. Xử lý dữ liệu thực nghiệm trong hóa phân tích

2.2.1. Độ đúng và độ chính xác của dữ liệu

2.2.2. Các loại sai số

2.2.3. Xử lý thống kê các dữ liệu thực nghiệm

2.2.4. Các trình bày các dữ liệu phân tích

Bài 2: Cân bằng hóa học, nồng độ dung dịch

Thời gian: 12 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các loại cân bằng hóa học và nồng độ thường dùng trong phân tích, làm được các bài tập và thực hành trong phòng thí nghiệm.

2. Nội dung

2.1. Cân bằng hóa học

2.1.1. Cân bằng hóa học và phân loại

2.1.2. Cân bằng acid-base

2.1.3. Cân bằng tạo phức chất

2.1.4. Cân bằng oxy hóa khử

2.2. Nồng độ dung dịch

2.2.1. Các dung dịch dùng trong phân tích thể tích

2.2.2. Tính kết quả trong phân tích thể tích

Bài 3: Các phương pháp phân tích

Thời gian: 11 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các phương pháp phân tích khối lượng và phân tích thể tích trong phân tích, nguyên tắc, phương pháp chuẩn độ, làm được các bài tập và thực hành trong phòng thí nghiệm.

2. Nội dung:

2.1. Phương pháp phân tích khối lượng

2.1.1. Nguyên tắc chung

2.1.2. Phân loại phương pháp phân tích khối lượng

2.1.3. Các thao tác chung trong phân tích khối lượng

2.2. Phương pháp phân tích thể tích

2.2.1. Nguyên tắc của phương pháp chuẩn độ

2.2.2. Các phương pháp xác định điểm tương đương

2.2.3. Phân loại các phương pháp chuẩn độ

2.2.4. Các kỹ thuật chuẩn độ

2.2.5. Cách pha dung dịch chuẩn

2.2.6. Các tính kết quả

Bài 4: Chuẩn độ acid-base, chuẩn độ tạo phức

Thời gian: 12 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các phương pháp chuẩn độ acid-base, tạo phức: nguyên tắc, phương pháp tiến hành, làm được các bài tập và thực hành trong phòng thí nghiệm.

2. Nội dung:

2.1. Chuẩn độ acid-base

2.1.1. Cân bằng acid-base, phản ứng acid-base;

2.1.2. Các chỉ thị dùng trong chuẩn độ acid-base;

2.1.3. Sai số chỉ thị và cách chọn chỉ thị trong định lượng acid-base;

2. Chuẩn độ tạo phức

2.2.1. Cân bằng tạo phức, phức chất, phản ứng tạo phức;

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng;

2.2.3. Đường biểu diễn định lượng;

2.2.4. Định lượng bằng complexon và ứng dụng.

Bài 5: Chuẩn độ oxy hóa khử, chuẩn độ kết tủa

Thời gian: 12 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các phương pháp chuẩn độ oxy hóa khử, chuẩn độ kết tủa: nguyên tắc, phương pháp tiến hành, làm được các bài tập và thực hành trong phòng thí nghiệm.

2. Nội dung

2.1. Chuẩn độ oxy hóa khử

2.1.1. Phản ứng oxi hóa khử, cách cân bằng phản ứng;

2.1.2. Các yếu tố ảnh hưởng;

2.1.3. Đường biểu diễn định lượng;

2.1.4. Các chất chỉ thị và ứng dụng.

2.2. Chuẩn độ kết tủa

- 2.2.1. Cân bằng tạo tủa, tích số tan, độ tan;
- 2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng;
- 2.2.3. Đường biểu diễn định lượng;
- 2.2.4. Các chất chỉ thị và ứng dụng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. *Phòng học chuyên dùng cho mô đun:* Hóa học phân tích định lượng

2. *Trang thiết bị máy móc:*

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng.
- Ống nghiệm, đèn cồn, pipet, ống hút, cân tiểu ly, các hóa chất thí nghiệm

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:*

- Giáo trình Hóa học vô cơ hữu cơ
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học.
- Giá đựng ống nghiệm,

4. *Các điều kiện khác.* Tham quan các phòng nghiên cứu hóa chất tại các công ty dược, nhà máy hóa chất (nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Về kiến thức:* Đánh giá sinh viên về cấu tạo và giải thích tính chất hóa học của một số hợp chất hữu cơ, cơ chế của các quá trình hóa học dựa trên các định luật cơ bản của hóa học;

- *Về kỹ năng:*

Thực hiện các kỹ thuật của phòng thí nghiệm hóa học như: rửa, lọc, sấy, kết tinh...;

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Chấp hành nghiêm túc quy chế đào tạo.

+ Có tinh thần tích cực trong học tập

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc mô đun

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:*

- Mô đun “Hóa học phân tích định lượng” được sử dụng đào tạo cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành Dược

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun*

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Khi giảng dạy thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên xem trước quy trình kỹ thuật các bước làm thí nghiệm, thực hiện làm mẫu các kỹ thuật và lưu ý sinh viên khi sử dụng các dụng cụ và hóa chất thí nghiệm.
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên:*

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Chuẩn độ acid -base; chuẩn độ tạo phức; chuẩn độ oxi hoá -khử,...

4. *Tài liệu dạy/ học:*

- Hóa học đại cương- vô cơ (Quyển I,II,III) -Trường đại học Dược Hà Nội, 2006.
- Hóa phân tích - Trường Đại học Dược Hà Nội - NXBYH, 2006
- Hóa học hữu cơ tập I,II - Bộ Y tế - NXBYH , 2007
- Cơ sở lý thuyết của Hóa phân tích - Hoàng Minh Châu, Từ Văn Mặc, Từ Vọng Nghi - NXB Khoa học kỹ thuật, 2002;
- Hóa học Hữu cơ - Đặng Như Tại, Trần Quốc Sơn - NXB Đại học Quốc

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Vi sinh - ký sinh trùng

Mã môn học: MH14

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Vi sinh - ký sinh trùng thường được bố trí học sau mô đun Hóa học phân tích định lượng trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: là môn học cơ sở ngành, nghiên cứu về vi khuẩn, virus và ký sinh trùng, các mối liên quan giữa môi trường sinh thái - vi sinh, ký sinh vật gây bệnh - bệnh nhân - thuốc, dược chất - phương pháp điều trị bệnh nhiễm trùng, ký sinh trùng.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

Trình bày được hình thái cấu tạo, chức năng, đặc điểm sinh lý, sinh hóa và di truyền của tế bào vi khuẩn, vi nấm; cấu tạo chức năng của virus;

Giải thích được đặc điểm, cơ chế, ứng dụng của miễn dịch trong chẩn đoán, điều trị và phòng ngừa bệnh nhiễm trùng;

Phân tích được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán, điều trị các bệnh nhiễm khuẩn, nấm và virus thường gặp;

2. Về kỹ năng

Vẽ, mô tả được hình thể và trình bày được chu kỳ phát triển, khả năng gây bệnh, dịch tễ, phương pháp chẩn đoán, cách phòng và điều trị bệnh do ký sinh trùng gây ra;

Nhận định được mối liên quan giữa chu kỳ phát triển và phân bố dịch tễ, diễn biến bệnh do một số loại ký sinh trùng gây ra và thường gặp ở Việt Nam.

Thực hiện đúng, chính xác các thao tác kỹ thuật khi soi các tiêu bản trên kính hiển vi, nhuộm các tiêu bản thí nghiệm đúng phương pháp.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Sinh viên có thể tự học và tìm kiếm tài liệu nghiên cứu về các chủng vi sinh, ký sinh trùng, các phương pháp chẩn đoán và điều trị bệnh do chúng gây ra, hoặc nghiên cứu dịch tễ học liên quan.

- Thực hiện nghiêm các quy định, quy chế trong học tập

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Đại cương về vi sinh vật	5	5		
2	Chương 2: Nhiễm trùng và miễn dịch	6	6		

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
3	Chương 3: Vi sinh vật gây bệnh	6	6		
4	Chương 4: Virus gây bệnh	6	6		
5	Chương 5: Ký sinh trùng	7	6		1
	Cộng	30	29	0	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Đại cương về vi sinh vật

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được cấu tạo hình thái một số vi khuẩn, quá trình trao đổi, chuyển hoá năng lượng ở vi khuẩn

2. Nội dung chương

2.1. Mở đầu

2.2. Hình thái, cấu tạo tế bào vi khuẩn;

2.2.1. Hình thái,

2.2.2. Cấu tạo

2.3. Dinh dưỡng trao đổi chất, chuyển hóa năng lượng;

2.3.1. Quá trình trao đổi chất

2.3.2. Quá trình chuyển hoá

2.4. Di truyền vi sinh vật.

2.4.1. quy luật di truyền

2.4.2. Di truyền ở vi sinh vật

Chương 2: Nhiễm trùng và miễn dịch

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được

- Quá trình nhiễm trùng và miễn dịch

- Vai trò, đặc điểm của các tế bào miễn dịch

2. Nội dung

2.1. Nhiễm trùng và quá trình nhiễm trùng;

2.1.1. Nguyên nhân gây nhiễm trùng.

2.1.2. Quá trình nhiễm trùng

2.2. Miễn dịch tự nhiên;

2.3. Kháng nguyên, MHC;

2.4. Tế bào B và miễn dịch dịch thể;

2.5. Tế bào T và miễn dịch tế bào;

2.6. Miễn dịch chống nhiễm vi sinh vật;

2.7. Vacxin, huyết thanh.

Chương 3: Vi sinh vật gây bệnh

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được tên và nêu đặc điểm, cơ chế gây bệnh của một số vi sinh vật

2. Nội dung

2.1. Vi khuẩn gây bệnh

2.1.1. Cầu khuẩn gây bệnh:

2.1.1.1. Tụ cầu

2.1.1.2. Liên cầu,

- 2.1.1.3. Phế cầu;
- 2.1.2. Trực khuẩn gây bệnh:
 - 2.1.2.1. Trực khuẩn Thương hàn
 - 2.1.2.2. Trực khuẩn Ly
 - 2.1.2.3. Trực khuẩn Tả
 - 2.1.2.4. Trực khuẩn Uốn ván, Lao;
- 2.1.3. Xoắn khuẩn gây bệnh:
 - 2.1.3.1. Xoắn khuẩn giang mai,
 - 2.1.3.2. Leptospira.
- 2.2. Vi nấm gây bệnh
 - 2.2.1. Đặc điểm, hệ thống phân loại nấm;
 - 2.2.2. Các dạng bệnh chủ yếu do nấm gây ra;
 - 2.2.3. Bệnh do Dermatophytes, do Candida gây ra.

Chương 4: Virus gây bệnh

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được tên và trình bày đặc điểm hình thái, đặc tính các loại virus được học, các bệnh do virus gây ra.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về virus
- 2.2. Virus gây bệnh
 - 2.2.1. Virus Cúm, Viêm não Nhật Bản B
 - 2.2.2. Virus Sốt xuất huyết- Dengue,
 - 2.2.3. Virus viêm gan A, B, HIV, Bại liệt, Đại

Chương 5: Ký sinh trùng

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được tên, nêu rõ đặc điểm các loại giun sán và ký sinh trùng gây bệnh.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương về ký sinh trùng y học
- 2.2. Giun kí sinh : Đũa, Móc (giun mỡ), Kim: đặc điểm hình thái, sinh sản, nguy cơ gây bệnh
- 2.3. Sán kí sinh: Sán lá gan nhỏ, sán dây lợn, bò: đặc điểm hình thái, sinh sản, nguy cơ gây bệnh
- 2.4. Sinh vật đơn bào gây bệnh: Amip gây bệnh, Trùng roi ký sinh đường âm đạo: đặc điểm hình thái, sinh sản, nguy cơ gây bệnh.
- 2.5. Ký sinh trùng sốt rét; Côn trùng và tiết túc y học: đặc điểm hình thái, sinh sản, nguy cơ gây bệnh.

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Vi sinh - ký sinh trùng

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Kính hiển vi

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình Vi sinh ký sinh trùng
- Các slide, tranh vẽ cấu tạo, vòng đời các loại vi sinh ký sinh trùng
- Các tiêu bản vi sinh ký sinh trùng

4. *Các điều kiện khác:* Thăm quan các cơ sở nghiên cứu vi sinh vật và ký sinh trùng (nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về phân loại, đặc điểm gây bệnh của một số loại vi sinh ký sinh trùng, biểu hiện lâm sàng của một số bệnh do ký sinh trùng gây nên.

- *Kỹ năng:* Thực hiện lấy mẫu xét nghiệm tìm ký sinh trùng, thăm khám nhận định một số bệnh do ký sinh trùng gây nên

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Thông qua việc tự học, tìm tài liệu.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%.

- Thi kết thúc môn học: phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Vi sinh - ký sinh trùng” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các loại ký sinh trùng, tiết túc, các thiết bị dùng cho thí nghiệm, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng kính hiển vi

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: các loại virus, vi khuẩn, ký sinh trùng, giun sán, tiết túc gây bệnh các biện pháp điều trị và phòng ngừa

4. Tài liệu học tập:

- Vi sinh vật học - Trường đại học Dược Hà Nội, 2007

- Vi sinh vật học - Trường đại học Dược Hà Nội, 2004

- Thực tập Vi sinh - Ký sinh - Trường đại học Dược Hà Nội, 2005

- Vi sinh học - Trường Đại học Dược Hà Nội, 1999;

- Vi sinh vật học - Nguyễn Lân Dũng, Nguyễn Đình Quyến, Phạm Văn Ty- NXB Giáo dục, 2002;

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Giải phẫu – Sinh lý

Mã mô đun: MD 15

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun Giải phẫu sinh lý thường được bố trí học sau môn học Vi sinh ký sinh trùng trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là mô đun cơ sở ngành, tiền lâm sàng, nghiên cứu về cấu tạo giải phẫu và chức năng sinh lý của các cơ quan, các bộ phận của cơ thể người và một số kỹ năng cơ bản trong học tập, nghiên cứu về giải phẫu sinh lý người.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức:

- Trình bày được các đặc điểm cơ thể sống.
- Phân tích được cấu tạo giải phẫu các cơ quan bộ phận cơ thể người.
- Giải thích được đặc điểm sinh lý các cơ quan bộ phận cơ thể người.

2. Về kỹ năng:

- Sinh viên cần nhận diện được các đặc điểm của cơ, xương khớp, mạch máu thần kinh của các vùng trên cơ thể con người trên các mô hình hoặc tranh ảnh.
- Mô tả được hình dạng, cấu tạo giải phẫu của cơ, xương, mạch máu, thần kinh và các cơ quan nội tạng.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Khả năng tự học, tìm hiểu và nắm vững các kiến thức về cấu trúc cơ thể con người (giải phẫu) và cách thức hoạt động của các hệ thống cơ thể: tự đọc tài liệu, nghiên cứu các nguồn thông tin khác nhau và củng cố kiến thức qua các bài tập, mô phỏng.
- Khả năng lập kế hoạch học tập hợp lý để ôn luyện các chủ đề phức tạp: hệ thần kinh, tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, các cơ quan khác trong cơ thể, đảm bảo hiểu và áp dụng đúng các khái niệm sinh lý.
- Chịu trách nhiệm trong việc đảm bảo tính chính xác của kiến thức đã học và sử dụng, đặc biệt khi áp dụng vào lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Mở đầu- Đại cương về cơ thể sống	3	1	2	
2	Bài 2: Sinh lý tế bào và Sinh lý học của máu	8	2	6	

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
3	Bài 3: Giải phẫu – sinh lý hệ tuần hoàn	7	5	2	
4	Bài 4: Giải phẫu – sinh lý hệ hô hấp	8	5	2	1
5	Bài 5: Giải phẫu - sinh lý hệ tiêu hóa	11	3	8	
6	Bài 6: Giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu và hệ nội tiết	10	6	4	
7	Bài 7: Giải phẫu – sinh lý hệ sinh dục	6	4	2	
8	Bài 8: Giải phẫu – sinh lý hệ thần kinh và chức năng cao cấp của hệ thần kinh	7	3	3	1
	Cộng:	60	29	29	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Mở đầu- Đại cương về cơ thể sống

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm sự sống, sự điều hoà các chức năng trong cơ thể.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu mô đun
- 2.2. Đặc điểm của sự sống
- 2.3. Nội môi, hằng tính nội môi
- 2.4. Điều hòa chức năng

Bài 2: Sinh lý tế bào và sinh lý học của máu

Thời gian : 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm cấu trúc, các chức năng sinh lý của tế bào. Nêu được vai trò của các tế bào máu, phân tích sơ đồ truyền máu, quá trình cầm máu và đông máu.

2. Nội dung

- 2.1. Sinh lý tế bào
 - 2.1.1. Cấu trúc, chức năng màng tế bào
 - 2.1.1.1. Cấu trúc tế bào
 - 2.1.1.2. Chức năng của tế bào
 - 2.1.2. Chức năng vận chuyển vật chất qua màng tế bào
 - 2.1.3. Điện thế màng và điện thế hoạt động
 - 2.1.3.1. Điện thế màng tế bào
 - 2.1.3.2. Điện thế hoạt động
- 2.2. Sinh lý máu
 - 2.2.1. Sinh lý hồng cầu

- 2.2.1.1. Đặc điểm, hình thái
- 2.2.1.2. Vai trò
- 2.2.2. Nhóm máu và truyền máu
- 2.2.2.1. Phân loại nhóm máu
- 2.2.2.2. Truyền máu
- 2.2.3. Sinh lý bạch cầu
- 2.2.4. Sinh lý tiểu cầu
- 2.2.5. Sinh lý cầm máu và đông máu
- 2.2.5.1. Sinh lý học cầm máu
- 2.2.5.2. Sinh lý học đông máu

Bài 3: Giải phẫu – sinh lý hệ tuần hoàn

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được

- Cấu tạo hệ tuần hoàn, nêu vai trò, chức năng của tim, mạch máu.
- Giải phẫu được hệ tuần hoàn, quan sát mô hình giải phẫu

2. Nội dung

- 2.1. Giải phẫu hệ tuần hoàn
- 2.2. Sinh lý tim
- 2.2.1. Cấu tạo tim người
- 2.2.2. Vai trò và chức năng của tim
- 2.3. Sinh lý tuần hoàn động mạch
- 2.3.1. Đặc điểm của động mạch
- 2.3.2. Sinh lý động mạch
- 2.4. Sinh lý tuần hoàn tĩnh mạch
- 2.4.1. Đặc điểm của tĩnh mạch
- 2.4.2. Sinh lý tĩnh mạch
- 2.5. Sinh lý tuần hoàn mao mạch

Bài 4: Giải phẫu – sinh lý hệ hô hấp

Thời gian: 8 giờ

- 1. Mục tiêu:** Trình bày được cấu tạo giải phẫu hệ hô hấp, nêu vai trò, chức năng của hệ hô hấp, quan sát mô hình giải phẫu, băng hình về hệ hô hấp.

2. Nội dung

- 2.1. Giải phẫu bộ máy hô hấp
- 2.2. Chức năng thông khí của phổi
- 2.2.1. Đặc điểm sinh lý của phổi
- 2.2.2. Chức năng thông khí, trao đổi khí của phổi
- 2.3. Chức năng vận chuyển khí của máu
- 2.4. Điều hòa chức năng hô hấp

Bài 5: Giải phẫu - sinh lý hệ tiêu hóa

Thời gian: 11 giờ

- 1. Mục tiêu:** Trình bày được cấu tạo giải phẫu hệ tiêu hoá, nêu vai trò, chức năng của hệ hô hấp, quan sát mô hình giải phẫu, so sánh vai trò của từng bộ phận trong hệ tiêu hoá.

2. Nội dung:

- 2.1. Giải phẫu bộ máy tiêu hóa
- 2.2. Các cơ quan tiêu hóa
- 2.2.1. Tiêu hóa ở miệng và thực quản
- 2.2.2. Tiêu hóa ở dạ dày
- 2.2.3. Tiêu hóa ở ruột non

2.2.4. Tiêu hóa ở ruột già

2.2.5. Sinh lý gan

Bài 6: Giải phẫu - sinh lý hệ giờ niệu và hệ nội tiết Thời gian: 10 tiết

1. Mục tiêu: Trình bày được cấu tạo hệ tiết niệu, vai trò, chức năng của thận, mô tả được đặc điểm hệ nội tiết, vai trò hormon và điều hoà hormone, chức năng vùng dưới đồi.

2. Nội dung:

2.1. Giải phẫu sinh lý hệ tiết niệu

2.1.1. Giải phẫu hệ tiết niệu

2.1.2. Sinh lý thận

2.1.2.1. Vai trò sinh lý của thận

2.1.2.2. Các rối loạn sinh lý ở thận

2.2. Giải phẫu hệ nội tiết

2.2.1. Đại cương về nội tiết và hormone

2.2.1.1. Các loại hormone

2.2.1.2. Sự tiết hormone của các tuyến, vai trò của hormone

2.1.3. Sinh lý vùng dưới đồi

2.1.4. Sinh lý tuyến yên

2.1.5. Sinh lý tuyến giáp

2.1.6. Sinh lý tuyến thượng thận

2.1.7. Sinh lý tuyến tụy nội tiết

Bài 7: Giải phẫu – sinh lý hệ sinh dục

Thời gian: 6 tiết

1. Mục tiêu: Trình bày được cấu tạo, vai trò, chức năng của bộ phận sinh dục, sự thay đổi của bộ phận sinh dục trong các thời kỳ đặc biệt.

2. Nội dung:

2.1. Giải phẫu hệ sinh dục nam và nữ

2.1.1. Giải phẫu hệ sinh dục nam.

2.1.2. Giải phẫu hệ sinh dục nữ.

2.2. Sinh lý sinh dục nam.

2.3. Sinh lý sinh dục nữ.

Bài 8: Giải phẫu – sinh lý hệ thần kinh và chức năng cao cấp của hệ thần kinh

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được vai trò, chức năng của hệ thần kinh, cấu tạo hệ thần kinh. Phân biệt các khái niệm hành vi, cảm xúc, nêu được các trạng thái hoạt động của não.

2. Nội dung:

2.1. Giải phẫu sinh lý hệ thần kinh

2.1.1. Sự tổ chức hệ thần kinh trung ương

2.1.2. Sinh lý neuron

2.1.3. Giải phẫu – sinh lý tủy sống, não bộ

2.1.4. Giải phẫu- sinh lý hệ thần kinh thực vật

2.2. Chức năng cao cấp của hệ thần kinh

2.2.1. Hành vi, động cơ và xúc cảm

2.2.2. Các trạng thái hoạt động của não: Ngủ, thức, rối loạn tâm thần.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- Phòng học chuyên dùng cho môn: Giải phẫu sinh lý

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector,
- Máy tính, bảng, phấn bảng,
- Tranh ảnh về giải phẫu cơ thể người

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình giải phẫu sinh lý
- Các slide, các tranh vẽ các hệ thống bộ phận cơ thể người.
- Các mô hình giải phẫu các bộ phận cơ thể người.
- Các giá đỡ các mô hình giải phẫu người.

4. Các điều kiện khác. Tham quan khoa giải phẫu bệnh của một số bệnh viện (nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về cấu tạo giải phẫu hệ cơ, xương, hô hấp, tim mạch, tiêu hóa, tiết niệu, Chức năng sinh lý hệ tim mạch, tiêu hóa, tiết niệu, hô hấp....

- *Kỹ năng:*

+ Nhận diện hoặc đọc đúng tên trên mô hình các xương, cơ, mạch máu, thần kinh chi phối các vùng trên cơ thể người

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Chấp hành nghiêm nội quy phòng thực hành, có tinh thần trách nhiệm trong học tập và có ý thức trong việc sử dụng các mô hình thực tập

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%.
- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun: “Giải phẫu sinh lý” được sử dụng cho sinh viên trình độ cao đẳng ngành, nghề Dược

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, mô hình kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Khi học thực hành; Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng, quan sát cấu tạo giải phẫu các cơ quan bộ phận cơ thể người. Khi chỉ cho sinh viên nhận dạng cấu tạo giải phẫu các cơ quan bộ phận cơ thể người giáo viên cần chỉ mẫu trước để sinh viên nhận dạng được.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên:*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi nhóm, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Giải phẫu hệ cơ xương, giải phẫu sinh lý hệ tim mạch, hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, và máu

4. Tài liệu học tập

- Giải phẫu – Sinh lý - Trường đại học Dược Hà Nội, 2007.

- Thực tập sinh lý - Trường Đại học Dược Hà Nội, 1997;

- Sinh lý học tập I, II - Trường Đại học Y Hà Nội - NXB Y học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Hóa sinh

Mã mô đun: MĐ 16

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Mô đun Hóa sinh thường được bố trí học sau môn học Giải phẫu sinh lý trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là mô đun cơ sở ngành, thực tiễn trình bày về định nghĩa, phân loại, một số tính chất cơ bản của các hợp chất sinh học quan trọng của cơ thể (glucid, lipid, protein, hormon, enzyme) và những ứng dụng của chúng trong ngành Dược. Đồng thời trình bày về năng lượng sinh học, quá trình chuyển hóa các chất nêu trên ở tế bào và mô, cơ chế điều hòa và những rối loạn chuyển hóa có liên quan đến bệnh lý.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

Trình bày được những kiến thức cơ bản của các nhóm chất chủ yếu có trong cơ thể.

Phân tích được quá trình chuyển hóa ở tế bào và mô của các nhóm chất chủ yếu trong cơ thể.

Giải thích được một số vấn đề cơ bản về xúc tác sinh học, quá trình tạo và tích lũy năng lượng trong cơ thể.

2. Về kỹ năng

Mô tả được các bước làm thí nghiệm xác định các nhóm chất trong cơ thể.

Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật khi làm thí nghiệm

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Khả năng tự học, tìm kiếm tài liệu và nghiên cứu về các quá trình sinh hóa, cấu trúc và chức năng của các phân tử sinh học, phản ứng sinh hóa trong cơ thể.

- Tổ chức, lập kế hoạch và thực hiện các thí nghiệm một cách độc lập: chuẩn bị các hóa chất, dụng cụ và phương pháp thực hiện thí nghiệm, cũng như việc theo dõi và ghi nhận kết quả chính xác.

- Phân tích kết quả thu được, giải thích các hiện tượng sinh hóa và ứng dụng các kết quả vào các vấn đề thực tiễn, chẳng hạn như nghiên cứu bệnh lý hoặc phát triển thuốc.

- Chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các thí nghiệm được thực hiện chính xác, các số liệu thu được là đáng tin cậy, và các phép đo được thực hiện đúng cách.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Hóa học Glucid, Hóa học Lipid	7	2	5	

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
2	Bài 2: Hóa học Protein, Hóa học Acid nucleic	7	2	5	
3	Bài 3: Enzyme	6	2	4	
4	Bài 4: Hormon, Oxy hóa khử sinh học – Hô hấp tế bào	8	2	5	1
5	Bài 5: Chuyển hóa Glucid, Chuyển hóa Lipid	9	4	5	
6	Bài 6: Chuyển hóa Protein, Chuyển hóa muối nước – thăng bằng acid-base	8	2	5	1
	Tổng Cộng:	45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Hóa học Glucid, Hóa học Lipid

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được vị trí, đặc điểm, phạm vi mô đun, Nêu được định nghĩa, vai trò và tính chất của glucid, Lipid.

2. Nội dung

2.1. Mở đầu

2.1.1. Vị trí mô đun

2.1.2. Đặc điểm và ứng dụng.

2.2. Hóa học glucid

2.2.1. Định nghĩa.

2.2.2. Phân loại

2.2.3. Tính chất cơ bản, vai trò sinh học

2.3. Hóa học Lipid

2.3.1. Định nghĩa, phân loại.

2.3.2. Tính chất cơ bản, vai trò sinh học

Bài 2: Hóa học Protein, Hóa học Acid nucleic

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được định nghĩa, phân loại, tính chất cơ bản, vai trò sinh học acid nucleic.

2. Nội dung

2.1. Hóa học Protein

2.1.1. Định nghĩa, phân loại.

2.1.2. Tính chất cơ bản, vai trò sinh học

2.2. Hóa học Acid nucleic

2.2.1. Cấu tạo, phân loại.

2.2.2. Vai trò sinh học.

Bài 3: Enzyme

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được định nghĩa, vai trò và tính chất của Enzyme, nguyên lý cơ bản về động học enzyme, phương pháp chế tạo enzyme làm thuốc

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa, cấu tạo.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng, nguyên lý cơ bản về động học enzyme.

2.3. Phương pháp chế tạo enzyme làm thuốc.

Bài 4: Hormon, Oxy hóa khử sinh học – Hô hấp tế bào Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được định nghĩa, vai trò và tính chất ứng dụng của Hormon. Nêu được định nghĩa, vai trò và tính chất ứng dụng của Oxy hóa khử sinh học – Hô hấp tế bào, Chu trình Krebs.

2. Nội dung

2.1. Hormon

2.1.1. Định nghĩa, phân loại

2.1.2. Tính chất cơ bản, vai trò sinh học.

2.1.3. Ứng dụng.

2.2. Oxy hóa khử sinh học – Hô hấp tế bào

2.2.1. Khái niệm, chuỗi hô hấp tế bào, năng lượng sinh học,

2.2.2. Chu trình Krebs.

Bài 5: Chuyển hóa Glucid, Chuyển hóa Lipid Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được định nghĩa, vai trò và tính chất ứng dụng của Glucid. Nêu được định nghĩa, vai trò và tính chất ứng dụng của cholesterol và lipoprotein. Rối loạn chuyển hóa lipid liên quan đến bệnh lý.

2. Nội dung

2.1. Chuyển hóa Glucid

2.1.1. Tiêu hóa hấp thu, thoái hóa, tổng hợp glucose và glycogen,

2.1.2. Điều hòa glucose huyết;

2.1.3. Rối loạn chuyển hóa glucid liên quan đến bệnh lý.

2.2. Chuyển hóa Lipid

2.2.1. Tiêu hóa hấp thu, thoái hóa, tổng hợp acid béo;

2.2.2. Chuyển hóa cholesterol và lipoprotein;

2.2.3. Rối loạn chuyển hóa lipid liên quan đến bệnh lý.

Bài 6: Chuyển hóa Protein, Chuyển hóa muối nước – thăng bằng acid-base

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được định nghĩa, vai trò và tính chất ứng dụng của Protein.

2. Nội dung

2.1. Chuyển hóa Protein

2.1.1. Tiêu hóa hấp thu, thoái hóa, tổng hợp acid amin, sinh tổng hợp protein;

2.1.2. Rối loạn chuyển hóa protein liên quan đến bệnh lý.

2.2. Chuyển hóa muối nước – thăng bằng acid-base

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Hóa sinh

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector

- Máy tính, bảng, phấn bảng

- Giá để dụng cụ thí nghiệm, hóa chất thí nghiệm,....

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình Hóa sinh

- Các slide, tranh vẽ chu trình Krebs....

- Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm...

4. *Các điều kiện khác.* Tham quan khoa sinh hóa bệnh viện (nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Về kiến thức:* Đánh giá sinh viên về định nghĩa, tính chất cơ bản và vai trò các nhóm chất chủ yếu có trong cơ thể. Trình bày quá trình chuyển hóa ở tế bào và mô của các nhóm chất chủ yếu trong cơ thể. Trình bày được một số vấn đề cơ bản về xúc tác sinh học, quá trình tạo và tích lũy năng lượng trong cơ thể.

- *Về kỹ năng:*

Tiến hành các quy trình thí nghiệm các nhóm chất chủ yếu trong cơ thể.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* phân tích, đánh giá quá trình thực hành.

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun “Hóa sinh” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các thiết bị dùng cho thí nghiệm, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Quá trình chuyển hóa Glucid, lipid, protid trong cơ thể và ứng dụng trong điều trị và chăm sóc bệnh nhân

4. Tài liệu học tập:

- Hóa sinh học - Trường Đại học Dược Hà Nội.

- Hóa sinh học – Đại học Dược Hà Nội;

- Hóa sinh học – Đại học Y Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: BỆNH HỌC

Mã môn học: MH17

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Bệnh học thường được bố trí học sau môn học Hóa sinh trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn học cơ sở ngành, lâm sàng giúp sinh viên hiểu được: định nghĩa, nguyên nhân, triệu chứng lâm sàng- cận lâm sàng và hướng xử trí một số bệnh thường gặp.

II. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Các khái niệm cơ bản về bệnh, nguyên nhân gây bệnh, cơ chế sinh bệnh, quá trình tiến triển và hậu quả của bệnh.
- Các rối loạn về tuần hoàn, viêm, rối loạn chuyển hóa, miễn dịch, bệnh lý tế bào...
- Biểu hiện bệnh lý của từng hệ cơ quan: hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, tim mạch, tiết niệu, nội tiết, huyết học, da liễu...
- Hiểu được tổn thương mô học ảnh hưởng thế nào đến biểu hiện lâm sàng.

2. Về kỹ năng:

- Đọc và phân tích được tiêu bản mô bệnh học qua kính hiển vi.
- Chẩn đoán sơ bộ được một số bệnh lý dựa trên biểu hiện mô bệnh học.
- Liên hệ lâm sàng - cận lâm sàng: kết nối tổn thương mô học với triệu chứng lâm sàng và kết quả xét nghiệm.
- Tra cứu tài liệu về bệnh học để cập nhật kiến thức mới.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Thái độ nghiêm túc, cẩn trọng khi học tập và nghiên cứu mô bệnh học – nền tảng quan trọng cho chẩn đoán và điều trị.
- Khả năng tự học, tự nghiên cứu để cập nhật kiến thức bệnh học
- Ý thức đạo đức nghề nghiệp khi xử lý thông tin bệnh lý của bệnh nhân

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội Dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương mở đầu	1	1	0	
2	Chương 1: Các bệnh hô hấp	4	4	0	
3	Chương 2: Các bệnh tim mạch	4	4	0	
4	Chương 3: Các bệnh tiêu hóa	8	8	0	
5	Chương 4: Các bệnh tiết niệu	5	5	0	
6	Chương 5: Các bệnh nội tiết, Các bệnh về máu và cơ quan tạo máu	4	4	0	

TT	Nội Dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
7	Chương 6: Các bệnh lây qua đường tình dục	4	3	0	1
	Tổng Cộng	30	29	0	1

2. Nội dung cho tiết

Chương mở đầu

Thời gian: 1 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được phương pháp học và vai trò của môn bệnh học trong ngành dược.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu môn Bệnh học;

2.2. Một số khái niệm, thuật ngữ thường dùng.

Chương 1: Các bệnh hô hấp

Thời gian: 4 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được một số bệnh đường hô hấp, cơ chế bệnh sinh và triệu chứng bệnh, hướng điều trị.

2. Nội dung

2.1. Viêm phế quản

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.1.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.1.4. Hướng xử trí

2.2. Viêm phế quản mạn tính

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.2.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.2.4. Hướng xử trí

2.3. Viêm phổi

2.3.1. Định nghĩa

2.3.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.3.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.3.4. Hướng xử trí

2.4. Hen phế quản

2.4.1. Định nghĩa

2.4.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.4.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.4.4. Hướng xử trí

Chương 2: Các bệnh tim mạch

Thời gian: 4 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được một số bệnh tim mạch, cơ chế bệnh sinh và triệu chứng bệnh, hướng điều trị.

2. Nội dung

2.1. Suy tim, tăng huyết áp

2.1.1. Định nghĩa

- 2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh
- 2.1.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
- 2.1.4. Hướng xử trí
- 2.2. Thấp tim
- 2.2.1. Định nghĩa
- 2.2.2. Nguyên nhân gây bệnh
- 2.2.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
- 2.2.4. Hướng xử trí

Chương 3: Các bệnh tiêu hóa

Thời gian: 8 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được một số bệnh tiêu hoá, cơ chế bệnh sinh và triệu chứng bệnh, hướng điều trị.

2. Nội dung

- 2.1. Loét dạ dày tá tràng
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh
 - 2.1.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
 - 2.1.4. Hướng xử trí
- 2.2. Áp xe gan do amip, Viêm gan do virus
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Nguyên nhân gây bệnh
 - 2.2.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
 - 2.2.4. Hướng xử trí
- 2.3. Tiêu chảy và táo bón, các bệnh nhiễm trùng đường tiêu hóa – Tả
 - 2.3.1. Định nghĩa
 - 2.3.2. Nguyên nhân gây bệnh
 - 2.3.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
 - 2.3.4. Hướng xử trí.
- 2.4. Lỵ trực trùng, Amip, Thương hàn
 - 2.4.1. Định nghĩa
 - 2.4.2. Nguyên nhân gây bệnh
 - 2.4.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
 - 2.4.4. Hướng xử trí

Chương 4: Các bệnh tiết niệu

Thời gian: 5 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được một số bệnh tiết niệu, cơ chế bệnh sinh và triệu chứng bệnh, hướng điều trị.

2. Nội dung

- 2.1. Viêm cầu thận cấp, hội chứng thận hư
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh
 - 2.1.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng
 - 2.1.4. Hướng xử trí
- 2.2. Sỏi tiết niệu, nhiễm khuẩn tiết niệu
 - 2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.2.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.2.4. Hướng xử trí

Chương 5: Các bệnh nội tiết (đái tháo đường), các bệnh về máu và cơ quan tạo máu

Thời gian: 4 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các bệnh về máu và cơ quan tạo máu, cơ chế bệnh sinh và triệu chứng bệnh, hướng điều trị các bệnh về máu và đái tháo đường.

2. Nội dung

2.1. Đái tháo đường

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.1.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.1.4. Hướng xử trí

2.2. Các bệnh về máu và cơ quan tạo máu (hội chứng thiếu máu, thiếu máu do thiếu sắt, hội chứng xuất huyết)

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.2.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.2.4. Hướng xử trí

Chương 6: Các bệnh lây qua đường tình dục

Thời gian: 4 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các bệnh về sinh dục, cơ chế bệnh sinh và triệu chứng bệnh, hướng điều trị.

2. Nội dung

2.1. Bệnh lậu, giang mai

2.1. Bệnh lậu, giang mai

2.1.1. Định nghĩa

2.1.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.1.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.1.4. Hướng xử trí

2.2. HIV/AIDS

2.2.1. Định nghĩa

2.2.2. Nguyên nhân gây bệnh

2.2.3. Triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng

2.2.4. Hướng xử trí

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Bệnh học

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector

- Máy tính, bảng, phấn bảng

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình Bệnh học

- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học

4. *Các điều kiện khác.* Đến các khoa lâm sàng của bệnh viện đa khoa thực hành thực tập.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về nguyên nhân, triệu chứng, chẩn đoán và điều trị cho bệnh nhân mắc bệnh hệ tim mạch, hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ tiết niệu, các bệnh nội tiết.

- *Kỹ năng:* Chẩn đoán sơ bộ một số bệnh lý dựa trên biểu hiện mô bệnh học

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Khả năng tự học, tự nghiên cứu đề cập nhật kiến thức bệnh học

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học: phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Bệnh học” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Cơ chế bệnh sinh, triệu chứng bệnh, hướng điều trị các bệnh đường tiêu hóa; bệnh tim mạch; bệnh bài tiết; bệnh lây qua đường sinh dục.

4. Tài liệu học tập:

- Bài giảng Bệnh học – Bộ môn Dược lâm sàng- Đại học Dược Hà Nội, 2003

- Bệnh học nội khoa cơ sở(tập 1,2)- Trường đại học Y Hà Nội - NXBYH, 2001.

- Điều trị học nội khoa(tập 1,2)- Trường đại học Y Hà Nội - NXBYH -2001

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Pháp chế dược

Mã môn học: MH18

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Pháp chế dược thường được bố trí học sau môn học Bệnh học trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn học chuyên ngành giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về mô hình tổ chức ngành Y tế và ngành Dược; các nội dung chính về quan điểm chính sách của Đảng và Nhà nước về Y tế và về ngành Dược, biết được những quy định cơ bản nhất về luật pháp trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh dược phẩm. Trên cơ sở đó, sinh viên thực hiện đúng pháp luật trong hoạt động nghề nghiệp của mình.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

Trình bày được mô hình tổ chức ngành Y tế và ngành Dược Việt Nam; Phân tích được nội dung cơ bản các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong lĩnh vực Y tế nói chung và ngành Dược nói riêng; Giải thích được thực trạng ngành Dược Việt Nam hiện nay.

2. Về kỹ năng

- Tra cứu, đọc hiểu và vận dụng văn bản pháp luật liên quan đến dược một cách chính xác.
- Áp dụng quy định pháp luật vào các tình huống thực tế trong hành nghề dược (sản xuất, bán lẻ, kê đơn, kiểm nghiệm...).
- Phân tích tình huống pháp lý, phát hiện và đánh giá các nguy cơ sai phạm trong hoạt động dược.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Ý thức tuân thủ pháp luật nghiêm túc trong mọi hoạt động liên quan đến dược phẩm.
- Trách nhiệm nghề nghiệp cao, trung thực và minh bạch khi thực hiện nghiệp vụ dược.
- Khả năng tự học, tự cập nhật văn bản pháp lý mới để đảm bảo hành nghề đúng luật.
- Tinh thần chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro pháp lý, bảo vệ quyền lợi người bệnh và cộng đồng.
- Hợp tác làm việc nhóm khi xử lý tình huống pháp chế trong thực tiễn.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Hệ thống tổ chức ngành Y tế và ngành Dược Việt Nam, những quan điểm, đường	2	2		

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân				
2	Chương 2: Chính sách Quốc gia về thuốc của Việt Nam, Chính sách thuốc thiết yếu (TTY)	3	3		
3	Chương 3: Thực trạng ngành Dược Việt Nam và vấn đề hội nhập quốc tế, xây dựng và triển khai kế hoạch Y tế cộng đồng	3	3		
4	Chương 4: Các văn bản quy phạm pháp luật về Dược	4	4		
5	Chương 5: Các quy định về quy trình kỹ thuật (QTKT) pha chế, sản xuất thuốc	6	6		
6	Chương 6: Quy định về quản lý thuốc gây nghiện - thuốc hướng tâm thần và tiền chất	5	5		
7	Chương 7: Quy định về kê đơn và bán thuốc theo đơn	4	4		
8	Chương 8: Quy định về ghi nhãn thuốc và mỹ phẩm	3	2		1
	Tổng Cộng:	30	29	0	1

2. Nội dung chi tiết:

Chương 1: Hệ thống tổ chức ngành Y tế và ngành Dược Việt Nam, những quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các chính sách về thuốc và thực trạng ngành Dược Việt Nam và vấn đề hội nhập quốc tế.

2. Nội dung

2.1. Hệ thống tổ chức ngành Y tế và ngành Dược Việt Nam.

2.2. Những quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân

2.3. Các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu của công tác Y tế

2.4. Các nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu...

Chương 2: Chính sách Quốc gia về thuốc của Việt Nam, chính sách thuốc thiết yếu (TTY)

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được chính sách Quốc gia về thuốc và thuốc thiết yếu.

2. Nội dung:

2.1. Chính sách Quốc gia về thuốc của Việt Nam

2.1.1. Vị trí, vai trò của thuốc trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân

2.1.2. Chính sách Quốc gia về thuốc của Việt Nam

2.2. Chính sách thuốc thiết yếu (TTY)

2.2.1. Thuốc thiết yếu

2.2.2. Chính sách Quốc gia về thuốc thiết yếu;

2.2.3. Chương trình TTY

2.2.4. Một số chính sách cung ứng thuốc đặc biệt

Chương 3: Thực trạng ngành Dược Việt nam và vấn đề hội nhập quốc tế, Xây dựng và triển khai kế hoạch Y tế cộng đồng Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được Thực trạng ngành Dược Việt nam và vấn đề hội nhập quốc tế, lên kế hoạch và triển khai tại cộng đồng các chương trình y tế

2. Nội dung

2.1. Thực trạng ngành Dược Việt nam và vấn đề hội nhập quốc tế

2.1.1. Thực trạng ngành Dược Việt nam

2.1.2. Hội nhập quốc tế

2.2. Xây dựng và triển khai kế hoạch Y tế cộng đồng.

2.2.1. Xây dựng kế hoạch Y tế cộng đồng.

2.2.1. Triển khai kế hoạch Y tế cộng đồng.

Chương 4: Các văn bản quy phạm pháp luật về Dược Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nội dung và ý nghĩa các văn bản quy phạm pháp luật về dược.

2. Nội dung

2.1. Luật Dược

2.2. Các văn bản dưới luật liên quan

Chương 5: Các Quy định về Quy trình kỹ thuật (QTKT) pha chế, sản xuất thuốc Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các quy định về quy trình kỹ thuật (QTKT) pha chế, sản xuất thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa

2.2. Phân cấp QTKT

2.2.1. Cấp ngành

2.2.2. Cấp địa phương

2.2.3. Cấp cơ sở

2.3. Các bước trong xây dựng QTKT

2.3.1. Lập kế hoạch

2.3.2. Tiến hành.

2.4. Ký hiệu QTKT

2.4.1. Quy trình ngành

2.4.2. Quy trình Doanh nghiệp

2.4.3. Quy trình bệnh viện

2.5. Cơ quan xét duyệt, ban hành

2.6. Quản lý và áp dụng QTKT

2.6.1. Tập huấn

2.6.2. Lưu trữ

2.6.3. Áp dụng

Chương 6: Quy định về quản lý thuốc gây nghiện - thuốc hướng tâm thần và tiền chất

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các quy định về quản lý thuốc gây nghiện - thuốc hướng tâm thần và tiền chất, nêu được ý nghĩa ứng dụng.

2. Nội dung:

2.1. Thuốc gây nghiện (TGN)

2.1.1. Các khái niệm

2.1.2. Các quy định về quản lý TGN

2.1.3. Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm

2.1.4. Danh mục TGN

2.2. Thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc (THTT và TCDLT):

2.2.1. Các quy định chung

2.2.2. Quản lý THTT, TCLT

2.2.3. Thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm

2.2.4. Danh mục THTT, TCLT

Chương 7: Quy định về kê đơn và bán thuốc theo đơn

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các quy định kê đơn, bán thuốc theo đơn, phân biệt được đơn hợp lệ và không hợp lệ.

2. Nội dung

2.1. Những quy định chung

2.2. Các quy định cụ thể về đơn thuốc và người kê đơn thuốc

2.2.1. Trách nhiệm của người kê đơn

2.2.2. Quy định về ghi đơn thuốc

2.3. Quy định cụ thể về bán thuốc theo đơn, các loại sổ, biểu mẫu dùng trong kê đơn và bán thuốc theo đơn

2.3.1. Quy định cụ thể về bán thuốc theo đơn

2.3.2. Các loại sổ, biểu mẫu dùng trong kê đơn và bán thuốc theo đơn

2.4. Chế độ báo cáo, thanh tra, kiểm tra

Chương 8: Quy định về ghi nhãn thuốc và mỹ phẩm

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các quy định về nhãn thuốc và mỹ phẩm, biết cách tạo nhãn thuốc.

2. Nội dung

2.1. Quy định chung

2.1.1. Khái niệm về nhãn thuốc, mỹ phẩm

2.1.2. Các khái niệm liên quan

2.1.3. Đối tượng và phạm vi áp dụng

2.1.4. Các yêu cầu về nhãn thuốc, mỹ phẩm

2.2. Nội dung của nhãn thuốc, mỹ phẩm

2.2.1. Nhãn thuốc thông thường

2.2.2. Nhãn thuốc đặc biệt

2.3. Tờ hướng dẫn sử dụng

2.4. Nhãn mỹ phẩm

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Pháp chế dược

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tranh ảnh, tài liệu liên quan đến môn học

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình Pháp chế dược
- Các slide, tranh vẽ có liên quan đến môn học

4. Các điều kiện khác: Đến khoa dược bệnh viện thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về hệ thống quản lý dược tại Việt Nam, các văn bản quy định về dược, các quy định về quản lý thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, quản lý về nhãn mác, quản lý mỹ phẩm thực phẩm chức năng....

- *Kỹ năng:* Áp dụng quy định pháp luật vào các tình huống thực tế trong hành nghề dược.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Chấp hành nghiêm túc quy chế đào tạo.

+ Tinh thần chủ động trong việc phòng ngừa rủi ro pháp lý, bảo vệ quyền lợi người bệnh và cộng đồng

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%.

- Thi kết thúc môn học phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Pháp chế dược” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Hệ thống tổ chức ngành dược Việt Nam, quy định quản lý thuốc gây nghiện, thuốc kháng sinh.....

4. *Tài liệu học tập:*

- Dược Xã hội học - Trường đại học Dược Hà Nội, 2007.
- Các văn bản, chính sách mới ban hành liên quan đến Dược.
- Các văn bản quản lý Dược liên quan.
- Pháp chế hành nghề dược - Trường Đại học Dược Hà Nội.
- Các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực Dược của Nhà nước Việt Nam;
- Luật Dược

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực vật dược

Mã mô đun: MĐ 19

Thời gian thực hiện mô đun: 90 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 58 giờ; Kiểm tra: 3 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun Thực vật dược thường được bố trí học sau môn học Pháp chế dược trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là mô đun chuyên ngành, nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thực vật, làm cơ sở cho việc học tập, nghiên cứu, sưu tầm, kiểm nghiệm dược liệu.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

Trình bày được các đặc điểm hình thái giải phẫu các cơ quan sinh dưỡng và sinh sản của một số thực vật;

Phân tích được đặc điểm của một số họ thực vật có nhiều cây dùng làm thuốc.

2. Về kỹ năng

- Mô tả được các đặc điểm hình thái giải phẫu các cơ quan sinh dưỡng và sinh sản của một số thực vật; nhận biết đúng đặc điểm của một số họ thực vật có nhiều cây dùng làm thuốc.

- Thực hiện đúng kỹ thuật khi làm tiêu bản, phân loại hoặc bảo quản mẫu thực vật.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động ghi chép, quan sát đặc điểm thực vật trong phòng thí nghiệm và ngoài thực địa.

- Tự học, tự tra cứu các nguồn tài liệu khoa học, dược điển, sách tra cứu thực vật học để mở rộng hiểu biết về cây thuốc và dược liệu.

- Nhận thức được vai trò quan trọng của dược liệu trong chăm sóc sức khỏe và kinh tế.

- Có thái độ đúng đắn trong việc sử dụng hợp lý và bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Viết và đọc tên thuốc, cây thuốc, dược liệu bằng tiếng Latin và theo danh pháp của Dược điển Việt Nam (DDVN) 1. Cách viết, đọc nguyên âm, phụ âm tiếng Latin 2. Cách viết và đọc nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin	14	6	8	

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3. Sơ lược về ngữ pháp tiếng Latin và các từ viết tắt thường dùng trong ngành Dược 4. Cách viết tên thuốc theo ĐĐVN 5. Cách đọc tên thuốc theo ĐĐVN				
2	Bài 2: Tế bào thực vật 1. Khái niệm 2. Số lượng, hình dạng và kích thước tế bào thực vật 3. Cấu tạo tế bào thực vật	9	1	8	
3	Bài 3: Mô thực vật 1. Đại cương 2. Các loại mô trong quá trình phát triển của thực vật	8	2	6	
4	Bài 4: Rễ cây 1. Định nghĩa 2. Đặc điểm hình thái 3. Cấu tạo giải phẫu rễ cây	11	3	7	1
5	Bài 5: Thân cây 1. Định nghĩa 2. Đặc điểm hình thái 3. Cấu tạo giải phẫu thân cây	9	3	6	
6	Bài 6: Lá cây 1. Định nghĩa 2. Đặc điểm hình thái 3. Cấu tạo giải phẫu lá cây 4. Ứng dụng của lá cây	10	2	8	
7	Bài 7: Hoa 1. Khái niệm 2. Các phần của hoa 3. Cách sắp xếp hoa trên cành 4. Hoa thức và hoa đồ 5. Ứng dụng của hoa trong ngành.	11	3	7	1
8	Bài 8: Quả và hạt 1. Quả 2. Hạt	11	4	7	
9	Bài 9: Phân loại thực vật 1. Đơn vị phân loại 2. Danh pháp phân loại bằng tiếng Latin	7	5	1	1
	Tổng cộng:	90	29	58	3

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Viết và đọc tên thuốc, cây thuốc, dược liệu bằng tiếng Latin và theo danh pháp của Dược điển Việt Nam (ĐĐVN)

Thời gian: 14 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được đọc và viết tên các cây thuốc.

2. Nội dung

2.1. Cách viết, đọc nguyên âm, phụ âm tiếng Latin

2.1.1. Bảng chữ cái Latin

2.1.2. Cách viết và đọc nguyên âm, phụ âm

2.2. Cách viết và đọc nguyên âm, phụ âm đặc biệt trong tiếng Latin

2.2.1. Cách viết, đọc nguyên âm kép, nguyên âm ghép

2.2.2. Cách viết và đọc phụ âm kép, phụ âm ghép

2.3. Sơ lược về ngữ pháp tiếng Latin và các từ viết tắt thường dùng trong ngành Dược

2.3.1. Các loại từ trong tiếng Latin

2.3.2. Cách sử dụng danh từ, tính từ trong ngành Dược

2.3.3. Các từ viết tắt thường dùng trong ngành

2.3.4. Một số đơn thuốc kê bằng tiếng Latin

2.4. Cách viết tên thuốc theo ĐĐVN

2.4.1. Quy tắc chung

2.4.2. Cách viết

2.5. Cách đọc tên thuốc theo ĐĐVN

2.5.1. Quy tắc chung

2.5.2. Cách đọc

Bài 2: Tế bào thực vật

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm, cấu tạo các loại tế bào, soi, kiểm tra và so sánh hình dạng các loại.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Số lượng, hình dạng và kích thước tế bào thực vật

2.2.1. Số lượng tế bào

2.2.2. Hình dạng, kích thước tế bào.

2.3. Cấu tạo tế bào thực vật

Bài 3: Mô thực vật

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm, phân loại mô thực vật. Soi kính hiển vi tìm và so sánh các loại mô.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.1.1. Khái niệm chung

2.1.2. Phân loại

2.2. Các loại mô trong quá trình phát triển của thực vật

2.2.1. Mô phân sinh mô mềm

2.2.2. Mô che chở, mô nâng đỡ

2.2.3. Mô dẫn, mô tiết

Bài 4: Rễ cây

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm, phân loại rễ cây, các đặc điểm hình thái và cấu tạo rễ. Soi kính hiển vi tìm và so sánh các loại rễ.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Đặc điểm hình thái

2.2.1. Các phần của rễ cây

2.2.2. Các loại rễ cây

2.3. Cấu tạo giải phẫu rễ cây

2.3.1. Cấu tạo cấp một

2.3.2. Cấu tạo cấp hai

2.3.3. Cấu tạo cấp ba

2.3.4. Ứng dụng của rễ cây

Bài 5: Thân cây

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm, đặc điểm hình thái, cấu tạo thân cây. Làm tiêu bản, soi, so sánh các loại thân cây.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Đặc điểm hình thái

2.2.1. Các phần của thân cây

2.2.2. Các loại cây

2.2.3. Các loại thân cây

2.3. Cấu tạo giải phẫu thân cây

2.3.1. Cấu tạo cấp một

2.3.2. Cấu tạo cấp hai

2.3.4. Cấu tạo cấp ba

2.3.5. Ứng dụng của thân cây

Bài 6: Lá cây

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm, đặc điểm hình thái, phân loại lá cây

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa

2.2. Đặc điểm hình thái

2.2.1. Các phần của lá cây

2.2.2. Các dạng gân lá

2.2.3. Các kiểu lá cây

2.2.4. Cách sắp xếp lá trên cành

2.3. Cấu tạo giải phẫu lá cây

2.3.1. Lá cây lớp Ngọc lan

1.3.2. Lá cây lớp Hành

2.4. Ứng dụng của lá cây

Bài 7: Hoa

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm, phân loại hoa, các bộ phận của hoa. So sánh và vẽ 1 số loại hoa.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Các phần của hoa

- 2.2.1. Các phần chính
- 2.2.2. Các phần phụ
- 2.3. Cách sắp xếp hoa trên cành (Hoa tự)
- 2.3.1. Hoa đơn độc
- 2.3.2. Cụm hoa
- 2.4. Hoa thức và hoa đồ
- 2.4.1. Cách viết hoa thức
- 2.4.2. Cách vẽ hoa đồ
- 2.5. Ứng dụng của hoa trong ngành.

Bài 8: Quả và hạt

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm, phân loại quả, ứng dụng của quả và hạt, vẽ so sánh các loại quả.

2. Nội dung

- 2.1. Quả
 - 2.1.1. Định nghĩa
 - 2.1.2. Các phần của quả
 - 2.1.3. Các loại quả
 - 2.1.4. Ứng dụng của quả trong ngành
- 2.2. Hạt
 - 2.2.1. Khái niệm
 - 2.2.2. Các phần của hạt
 - 2.2.3. Các loại hạt
 - 2.2.4. Ứng dụng của hạt trong ngành

Bài 9: Phân loại thực vật

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được phân loại thực vật, danh pháp theo tiếng la tinh.

2. Nội dung.

- 2.1. Đơn vị phân loại
- 2.2. Danh pháp phân loại bằng tiếng Latin
 - 2.2.1. Tên cây
 - 2.2.2. Tên họ
 - 2.2.3. Tên bộ
 - 2.2.4. Tên lớp, phân lớp

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng

Phòng học chuyên dùng cho mô đun: Thực vật được

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ bảo quản thuốc, chảo, bếp ga, cây thuốc mẫu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

- Giáo trình Thực vật được
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học
- Các dụng cụ chảo, bếp ga, cây thuốc mẫu

4. Các điều kiện khác. Tham quan các vườn cây thuốc (Nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Về kiến thức*: Đánh giá sinh viên về cách viết đọc tên thuốc, cây thuốc, dược liệu bằng tiếng La tinh và tiếng Anh; trình bày được đặc điểm của một số họ thực vật có nhiều cây dùng làm thuốc

- *Về kỹ năng*:

Nhận biết được đúng tên và danh pháp một số họ thực vật có nhiều cây dùng làm thuốc.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm*:

+ Chấp hành nghiêm túc quy chế đào tạo.

+ Thực hiện đúng kỹ thuật khi làm tiêu bản, phân loại hoặc bảo quản mẫu thực vật.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Thực vật dược” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Đối với giáo viên, giảng viên*:

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các đặc điểm của các họ thực vật có nhiều cây dùng làm thuốc, tiến hành chỉ mẫu, vẽ mẫu để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng cây thuốc

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Các bộ phận thực vật dùng bào chế thuốc.

4. Tài liệu học tập: - Bài giảng thực vật - Vũ Văn Chuyên– NXBYH;

- Thực vật học - Lê Đình Bích, Trần Văn Ổn – NXBYH, 2007.

- Từ điển thực vật thông dụng - Võ Văn Chi - NXB Khoa học Kỹ thuật Hà Nội, 2003.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Bào chế 1

Mã mô đun: MĐ 20

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun Bào chế 1 thường được bố trí học sau mô đun Thực vật được trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: là môn học chuyên ngành, nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về: Khái niệm, thành phần, ưu nhược điểm, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật bào chế các dạng thuốc thường dùng. Mô đun vừa có lý thuyết, vừa có thực hành.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

- Trình bày được ưu, nhược điểm các dạng thuốc
- Phân tích được thành phần các dạng thuốc
- Mô tả được kỹ thuật bào chế và tiêu chuẩn chất lượng của các dạng thuốc

2. Về kỹ năng

- Hướng dẫn đúng cách sử dụng và bảo quản các dạng thuốc
- Xây dựng quy trình bào chế một số thuốc cụ thể.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tự giác, chủ động trong học tập và thực hành
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định an toàn phòng thí nghiệm
- Ý thức trách nhiệm trong thao tác chuyên môn
- Tinh thần hợp tác và làm việc nhóm hiệu quả
- Khả năng tự học và cải tiến kỹ năng

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Đại cương về bào chế, dung dịch thuốc 1. Đại cương về bào chế 2. Dung dịch thuốc	7	4	3	
2	Bài 2: Thuốc tiêm 1. Đại cương 2. Thành phần	10	7	3	
3	Bài 3: Thuốc tiêm truyền 1. Đại cương 2. Thành phần	3	3	0	
4	Bài 4: Thuốc nhỏ mắt 1. Đại cương	6	2	4	

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2. Thành phần				
5	Bài 5: Các dạng thuốc chiết xuất 1. Đại cương về chiết xuất 2. Các phương pháp chiết xuất hay dùng: Ngâm, hầm, hãm, sắc... 3. Các dạng thuốc bào chế bằng phương pháp chiết xuất	11	4	6	1
6	Bài 6: Nhũ tương thuốc 1. Đại cương 2. Thành phần 3. Kỹ thuật bào chế 4. Tiêu chuẩn chất lượng 5. Một số công thức nhũ tương thuốc	7	4	3	
7	Bài 7: Hỗn dịch thuốc 1. Đại cương 2. Thành phần 3. Kỹ thuật bào chế 4. Tiêu chuẩn chất lượng 5. Một số công thức hỗn dịch thuốc	10	4	6	
8	Bài 8: Thuốc mỡ 1. Đại cương 2. Thành phần 3. Kỹ thuật bào chế 4. Tiêu chuẩn chất lượng 5. Một số công thức thuốc mỡ; thành phần, phân tích, quy trình bào chế	6	1	4	1
	Cộng	60	29	29	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về bào chế, dung dịch thuốc

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được quá trình phát triển và các khái niệm thường dùng. Nêu được khái niệm dung dịch thuốc, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương về bào chế

2.1.1. Giới thiệu môn học

2.1.2. Quá trình phát triển môn học

2.1.3. Các khái niệm thường dùng trong bào chế

2.2. Dung dịch thuốc

2.2.1. Đại cương

2.2.2. Dung môi

2.2.3. Kỹ thuật pha chế

2.2.4. Một số dạng thuốc hay dùng: Thuốc nước, Siro, Potio, Elixir, dung dịch cồn.

Bài 2: Thuốc tiêm

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm thuốc tiêm, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Thành phần

2.2.1. Dược chất

2.2.2. Dung môi, chất phụ, bao bì

2.2.3. Kỹ thuật bào chế; Tiêu chuẩn chất lượng

2.2.4. Một số công thức thuốc tiêm cụ thể

Bài 3: Thuốc tiêm truyền

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm thuốc tiêm truyền, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Thành phần

2.2.1. Dược chất

2.2.2. Dung môi, chất phụ, bao bì

2.2.3. Kỹ thuật bào chế; Tiêu chuẩn chất lượng

2.2.4. Một số công thức thuốc tiêm cụ thể

2.3. Một số thuốc tiêm truyền hay dùng: Loại cung cấp nước, điện giải, cung cấp dinh dưỡng, thăng bằng kiềm-toan, bổ sung thể tích máu

Bài 4: Thuốc nhỏ mắt

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm thuốc nhỏ mắt, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung

1. Đại cương

2. Thành phần

2.1. Dược chất

2.2. Dung môi, chất phụ, bao bì;

2.3. Kỹ thuật bào chế; Tiêu chuẩn chất lượng;

2.4. Một số công thức thuốc nhỏ mắt cụ thể: thuốc nhỏ mắt cloramphenicol 0,4%, Neomycin 0,1%...

Bài 5: Các dạng thuốc chiết xuất

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm chiết xuất, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về chiết xuất

2.2. Các phương pháp chiết xuất hay dùng: Ngâm, hầm, hãm, sắc...

2.3. Các dạng thuốc bào chế bằng phương pháp chiết xuất

2.3.1. Cồn thuốc

- 2.3.1.1. Kỹ thuật bào chế
- 2.3.1.2. Tiêu chuẩn chất lượng
- 2.3.1.3. Một số công thức cồn thuốc
- 2.3.2. Cao thuốc
- 2.3.2.1. Kỹ thuật bào chế
- 2.3.2.2. Tiêu chuẩn chất lượng
- 2.3.2.3. Một số công thức cao thuốc.

Bài 6: Nhũ tương thuốc

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm nhũ tương thuốc, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Thành phần
 - 2.2.1. Pha dầu, pha nước
 - 2.2.2. Chất nhũ hóa, bao bì đóng gói
 - 2.2.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và ổn định của nhũ tương
- 2.3. Kỹ thuật bào chế;
- 2.4. Tiêu chuẩn chất lượng
 - 2.4.1. Kỹ thuật bào chế
 - 2.4.2. Tiêu chuẩn chất lượng
- 2.5. Một số công thức nhũ tương thuốc

Bài 7: Hỗn dịch thuốc

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm hỗn dịch thuốc, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Ưu nhược điểm
- 2.2. Thành phần
 - 2.2.1. Dược chất
 - 2.2.2. Tá dược, bao bì
- 2.3. Kỹ thuật bào chế
- 2.4. Tiêu chuẩn chất lượng
- 2.5. Một số công thức hỗn dịch thuốc

Bài 8: Thuốc mỡ

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm thuốc mỡ, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Khái niệm
 - 2.1.2. Ưu nhược điểm
- 2.2. Thành phần
 - 2.2.1. Dược chất
 - 2.2.2. Tá dược, bao bì
- 2.3. Kỹ thuật bào chế
- 2.4. Tiêu chuẩn chất lượng

2.5. Một số công thức thuốc mỡ: thành phần, phân tích, quy trình bào chế

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. *Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:*

Phòng học chuyên dùng cho mô đun: Bào chế 1.

2. *Trang thiết bị máy móc:*

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Giá để dụng cụ thí nghiệm, hóa chất thí nghiệm,....

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:*

- Giáo trình Bào chế 1
 - Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học
 - Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly
4. *Các điều kiện khác.* Tham quan phòng bào chế thuốc tại công ty dược (nếu có điều kiện)

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về thành phần các dạng thuốc; tiêu chuẩn chất lượng của các dạng thuốc

- *Kỹ năng:*

Thực hiện bào chế 1 số thuốc đơn giản trong phòng thí nghiệm.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Chấp hành nghiêm túc quy chế đào tạo.
- + Năng lực làm việc nhóm.

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*

Mô đun “Bào chế 1” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược .

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun*

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các thiết bị, hóa chất dùng cho thí nghiệm, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất.
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Ưu nhược điểm và các thành phần thuốc, Kỹ thuật thuốc dạng dung dịch, dạng viên nén.....

4. *Tài liệu học tập:*

- Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc (tập 1,2)- Bộ Y tế- NXBYH, 2008.

- Dược điển Việt Nam, Mỹ, Nga;

- Các tài liệu liên quan đến môn học Bào chế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Hoá dược 1

Mã mô đun: MĐ 21

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun Hóa dược 1 thường được bố trí học sau mô đun Bào chế 1 trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là mô đun chuyên ngành, giúp sinh viên có được những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: công thức cấu tạo, nguyên tắc điều chế, các tính chất lý hóa học, các phương pháp kiểm nghiệm và công dụng của các nhóm thuốc chính và các thuốc thông thường trong mỗi nhóm để phòng và điều trị bệnh.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

Trình bày được: nguồn gốc, phân loại, cấu tạo hóa học, tính chất lý, hóa và tác dụng sinh học chung của một số nhóm thuốc chính dùng trong điều trị bệnh;

Phân tích được: Công thức cấu tạo, phương pháp điều chế, tính chất lý hóa học

Mô tả được ứng dụng các tính chất đó trong pha chế, bảo quản, kiểm nghiệm, chỉ định điều trị của một số thuốc cụ thể;

2. Về kỹ năng

- So sánh, dự đoán tác dụng và độc tính dựa trên cấu trúc phân tử.
- Giải thích cơ chế tác dụng và cơ chế đề kháng của thuốc.
- Lập kế hoạch tổng hợp đơn giản một số hoạt chất.
- Sử dụng các tài liệu tiếng Việt, tiếng Anh để tra cứu, phân tích thông tin về thuốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động cập nhật kiến thức mới về hóa dược và các thuốc mới ra đời.
- Nhận xét, đánh giá tính hợp lý của một thuốc hoặc một quy trình điều chế.
- Vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế trong nghiên cứu và phát triển thuốc.
- Hiểu được trách nhiệm trong việc nghiên cứu, sản xuất, phân phối thuốc an toàn và hiệu quả cho người dùng.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	<u>PHẦN LÝ THUYẾT</u>				
	Thuốc an thần, gây ngủ				
1	Bài 1: Thuốc an thần, gây ngủ và chống động kinh	4	4		

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
	1. Dẫn chất của acid Barbituric: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định. 2. Dẫn chất của Benzodiazepin: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định 3. Các dẫn chất khác: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định. 4. Thuốc chống động kinh:				
2	Bài 2: Thuốc giảm đau và thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm 1. Thuốc giảm đau loại Opioid: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định 2. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định	3	3	0	
3	Bài 3: Thuốc trị ho, hen 1. Thuốc chữa ho: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định 2. Thuốc chữa hen phế quản: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định	4	4	0	
4	Bài 4: Thuốc tim mạch 1. Thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định 2. Thuốc chống loạn nhịp tim: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định 3. Thuốc hạ lipid máu: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định 4. Thuốc chống đau thắt ngực: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định 5. Thuốc cường tim: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định.	4	4	0	

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
5	Bài 5: Vitamin và một số chất dinh dưỡng 1. Vitamin: Các chất dinh dưỡng	3	3	0	
6	Bài 6: Histamin và thuốc kháng histamin 1. Histamin và thuốc kháng histamin	2	2		
7	Bài 7: Thuốc ảnh hưởng tới chức năng dạ dày, ruột 1. Thuốc điều trị loét dạ dày, tá tràng 2. Thuốc nhuận tràng 3. Thuốc điều trị bệnh tiêu chảy	4	4		
8	Bài 8: Hormon và các chất tương tự 1. Hormon sinh dục nữ: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định 2. Hormon sinh dục nam: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định 3. Hormon vỏ thượng thận: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định: 4. Hormon tuyến yên: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định 5. Hormon tuyến giáp và các thuốc kháng giáp trạng: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định. 6. Hormon tuyến tụy và thuốc tổng hợp chống đái tháo đường: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định:	6	5	0	1
	Cộng phần lý thuyết:	30	29	0	1
	<u>PHẦN THỰC HÀNH</u>				

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Thử giới hạn tạp chất trong thuốc; kiểm nghiệm Natri clorid 1. Thử giới hạn tạp chất trong thuốc 2. Kiểm nghiệm Natri clorid	5	0	5	
2	Bài 2: Thử giới hạn tạp chất trong thuốc; kiểm nghiệm Paracetamol 1. Thử giới hạn tạp chất trong thuốc 2. Kiểm nghiệm Paracetamol	5	0	5	
3	Bài 3: Kiểm nghiệm cafein, định theobromin, theophylin 1. Kiểm nghiệm cafein 2. Định tính theobromin, theophylin	5	0	5	
4	Bài 4: Kiểm nghiệm Phenobarbital 1. Định tính 2. Định lượng	5	0	5	
5	Bài 5: Kiểm nghiệm Vitamin C 1. Định tính 2. Định lượng	5	0	5	
6	Bài 6: Kiểm nghiệm chloramphenicol 1. Định tính 2. Định lượng	5	0	4	1
	Cộng phần thực hành:	30	0	29	1
	Tổng cộng:	60	29	29	2

2. Nội dung chi tiết

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Thuốc an thần, gây ngủ và chống động kinh Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm thuốc an thần, gây ngủ, chống co giật. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Dẫn chất của acid Barbituric: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định.

2.2. Dẫn chất của Benzodiazepin: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định

2.3. Các dẫn chất khác: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định.

2.4. Thuốc chống động kinh

Bài 2: Thuốc giảm đau và thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm thuốc giảm đau và thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung

2.1. Thuốc giảm đau loại Opioid: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định

2.2. Thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định

Bài 3: Thuốc trị ho, hen

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm thuốc trị ho, hen. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung

2.1. Thuốc chữa ho: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định

2.2. Thuốc chữa hen phế quản: cấu trúc, tính chất, tác dụng, chỉ định

Bài 4: Thuốc tim mạch

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được phân loại thuốc. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung

2.1. Thuốc điều trị bệnh tăng huyết áp: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định

2.2. Thuốc chống loạn nhịp tim: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định

2.3. Thuốc hạ lipid máu: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định

2.4. Thuốc chống đau thắt ngực: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định

2.5. Thuốc cường tim: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định.

Bài 5: Vitamin và một số chất dinh dưỡng

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được phân loại thuốc. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Vitamin: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định

2.2. Các chất dinh dưỡng: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định

Bài 6: Histamin và thuốc kháng histamin

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được phân loại thuốc. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung

2.1. Thuốc kháng histamin thế hệ I: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định

2.2. Thuốc kháng histamin thế hệ II: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định

2.3. Thuốc kháng histamin thế hệ III: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định

2.4. Các chất ức chế giải phóng histamin cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định

Bài 7: Thuốc ảnh hưởng tới chức năng dạ dày, ruột

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được phân loại thuốc. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc điều trị loét dạ dày, tá tràng
- 2.2. Thuốc nhuận tràng, tẩy
- 2.3. Thuốc điều trị bệnh tiêu chảy
- 2.4. Thuốc giúp tiêu hóa.

Bài 8: Hormon và các chất tương tự

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được phân loại thuốc. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung

- 2.1. Hormon sinh dục nữ: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định
- 2.2. Hormon sinh dục nam: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định
- 2.3. Hormon vỏ thượng thận: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định
- 2.4. Hormon tuyến yên: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định
- 2.5. Hormon tuyến giáp và các thuốc kháng giáp trạng: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định
- 2.6. Hormon tuyến tụy và thuốc tổng hợp chống đái tháo đường: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Thử giới hạn tạp chất trong thuốc; kiểm nghiệm Natri clorid

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Làm được các phản ứng định tính, định lượng để kiểm nghiệm NaCl.

2. Nội dung

- 2.1. Thử giới hạn tạp chất trong thuốc
- 2.2. Kiểm nghiệm Natri clorid

Bài 2: Thử giới hạn tạp chất trong thuốc; kiểm nghiệm Paracetamol

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Làm được các phản ứng định tính, định lượng để kiểm nghiệm Paracetamol .

2. Nội dung

- 2.1. Thử giới hạn tạp chất trong thuốc
- 2.2. Kiểm nghiệm Paracetamol

Bài 3: Kiểm nghiệm cafein, định theobromin, theophylin

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Làm được các phản ứng định tính, định lượng để kiểm nghiệm cafein, định theobromin, theophylin .

2. Nội dung

- 2.1. Kiểm nghiệm cafein
- 2.2. Định tính theobromin, theophylin.

Bài 4: Kiểm nghiệm Phenobarbital

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Làm được các phản ứng định tính, định lượng để kiểm nghiệm Phenobarbital.

2. Nội dung

- 2.1. Định tính
- 2.2. Định lượng

Bài 5: Kiểm nghiệm Vitamin C

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Làm được các phản ứng định tính, định lượng để kiểm nghiệm Vitamin C.

2. Nội dung

2.1. Định tính

2.2. Định lượng

Bài 6: Kiểm nghiệm chloramphenicol

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Làm được các phản ứng định tính, định lượng để kiểm nghiệm chloramphenicol.

2. Nội dung

2.1. Định tính

2.2. Định lượng

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. *Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:*

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Hóa dược 1.

2. *Trang thiết bị máy móc:*

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Giá để dụng cụ thí nghiệm, hóa chất thí nghiệm,....

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:*

- Giáo trình Hóa dược 1
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học
- Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly

4. *Các điều kiện khác.* Đến công ty dược thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về cấu tạo hóa học, tính chất lý, hóa và tác dụng sinh học chung của thuốc an thần, gây ngủ; giảm đau, hạ sốt; thuốc tim mạch;... Công thức cấu tạo, phương pháp điều chế, tính chất lý hóa học và ứng dụng các tính chất đó trong pha chế, bảo quản, kiểm nghiệm, chỉ định điều trị của một số thuốc cụ thể;

- *Kỹ năng:*

- + Dự đoán tác dụng và độc tính dựa trên cấu trúc phân tử.
- + Giải thích cơ chế tác dụng và cơ chế đề kháng của thuốc

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tế trong nghiên cứu và phát triển thuốc.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun “Hóa dược 1” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các thiết bị, hóa chất dùng cho thí nghiệm, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất.
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: nguồn gốc, phân loại, cấu tạo hóa học, tính chất lý, hóa và tác dụng sinh học của thuốc an thần, gây ngủ, chống động kinh; histamin và thuốc kháng histamin; hormon.

4. Tài liệu học tập:

- Hóa dược tập I, II- Trường Đại học Dược Hà Nội NXBYH.
- Dược điển Việt Nam, Mỹ, Nga
- Hóa dược - Trần Đức Hậu NXBYH Hà Nội, 2007.
- Hóa dược-Dược lý - Nguyễn Đình Hiền-Trường Đại học Dược Hà Nội, 2006.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Dược liệu 1

Mã mô đun: MĐ 22

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun Dược liệu 1 thường được bố trí học sau mô đun Hóa dược 1 trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn chuyên ngành, tập trung giới thiệu về hệ thống phân loại các nhóm chất, cấu trúc và các phân nhóm dựa theo cấu trúc; các phương pháp kiểm nghiệm dược liệu; giới thiệu về các cây thuốc, vị thuốc. Mô đun vừa có lý thuyết vừa có thực hành.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

Trình bày được: Hệ thống phân loại các nhóm chất theo thành phần hóa học;

Phân tích được: Nguồn gốc, thành phần hóa học

Mô tả được quy trình kiểm nghiệm, tác dụng của một số dược liệu thường dùng

2. Về kỹ năng

Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được khoảng 100 dược liệu thường dùng

Thực hiện được các thao tác cơ bản trong kiểm nghiệm dược liệu bằng kính hiển vi và bằng phương pháp hóa học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tự học, tự tìm hiểu sâu về nguồn gốc, thành phần hóa học, tác dụng dược lý của các dược liệu.

- Cẩn thận, tỉ mỉ khi phân tích, định tính, định lượng thành phần hoạt chất trong dược liệu.

- Thực hành khai thác, thu hái, chế biến dược liệu theo đúng quy chuẩn, tránh gây tổn hại môi trường.

- Đánh giá được chất lượng dược liệu qua cảm quan, vi học, hóa học.

- Ý thức bảo vệ sức khỏe cộng đồng thông qua việc cung cấp sản phẩm dược liệu an toàn, hiệu quả.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	L T	Thực hành	Kiểm tra
	<u>PHẦN LÝ THUYẾT</u>				
1	Bài 1: Đại cương về dược liệu 1. Định nghĩa môn học 2. Giới thiệu mục tiêu, nội dung môn học, phương pháp nghiên cứu dược liệu 3. Thu hái, chế biến, bảo quản dược liệu	4	4	0	

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	L T	Thực hành	Kiểm tra
	4. Các phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu				
2	Bài 2: Dược liệu chứa Carbohydrat 1. Dược liệu chứa tinh bột 2. Dược liệu chứa cellulose 3. Dược liệu chứa gôm, chất nhầy, pectin 4. Dược liệu chứa carbohydrate	9	9	0	
3	Bài 3: Dược liệu chứa Glycosid tim 1. Định nghĩa, cấu trúc 2. Dược liệu chứa Glycosid tim	4	4	0	
4	Bài 4: Dược liệu chứa saponin 1. Định nghĩa 2. Dược liệu chứa Saponin	5	5		
5	Bài 5: Dược liệu chứa Anthranoid 1. Định nghĩa, cấu trúc; phân loại 2. Dược liệu chứa Anthranoid	8	7	0	1
	Cộng phần lý thuyết	30	29	0	1
	<u>PHẦN THỰC HÀNH</u>				
1	Bài 1: Mở đầu 1. Giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu Thực hành dược liệu 2. Xác định độ ẩm trong dược liệu và kiểm nghiệm hạt tinh bột	10		10	
2	Bài 2: Kiểm nghiệm ích mẫu bằng phương pháp vi học 1. Làm vi phẫu thân cây ích mẫu, soi, vẽ sơ đồ tổng quát, mô tả vi phẫu 2. Nhận biết dược liệu	7	0	7	
3	Bài 3: Kiểm nghiệm bằng phương pháp vi học 1. Bột đại hoàng: Làm tiêu bản, soi, mô tả, chỉ và vẽ đặc điểm 2. Nhận biết dược liệu	6	0	6	
4	Bài 4: Kiểm nghiệm lá Cà độc dược bằng phương pháp vi học 1. Làm vi phẫu lá cà độc dược 2. Nhận biết dược liệu	7		6	1

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	L T	Thực hành	Kiểm tra
	Cộng thực hành	30	0	29	1
	Tổng cộng	60	29	29	2

2. Nội dung chi tiết

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Đại cương về dược liệu

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các phương pháp nghiên cứu, chế biến, đánh giá dược liệu.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa môn học

2.2. Giới thiệu mục tiêu, nội dung môn học, phương pháp nghiên cứu dược liệu

2.3. Thu hái, chế biến, bảo quản dược liệu

2.4. Các phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu

Bài 2: Dược liệu chứa Carbohydrat

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2. Nội dung

2.1. Dược liệu chứa tinh bột: cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2.2. Dược liệu chứa cellulose: cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2.3. Dược liệu chứa gôm, chất nhầy, pectin: cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2.4. Dược liệu chứa carbohydrate: cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

Bài 3: Dược liệu chứa Glycosid tim

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa, cấu trúc: Trình bày được các cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2.2. Dược liệu chứa Glycosid tim: Trình bày được các cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

Bài 4: Dược liệu chứa saponin

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, định tính, định lượng saponin trong dược liệu, một số dược liệu điển hình.

2. Nội dung

1. Định nghĩa, cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2. Dược liệu chứa Saponin: cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

Bài 5: Dược liệu chứa Anthranoid

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2. Nội dung

2.1. Định nghĩa, cấu trúc; phân loại

2.2. Dược liệu chứa Anthranoid: nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Mở đầu

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu: Định lượng được độ ẩm trong dược liệu, làm tiêu bản, soi, vẽ 6 tinh bột.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu Thực hành dược liệu

2.2. Xác định độ ẩm trong dược liệu và kiểm nghiệm hạt tinh bột

2.2.1. Định lượng độ ẩm trong dược liệu bằng phương pháp dung môi

2.2.2. Định lượng độ ẩm trong dược liệu bằng phương pháp cân

2.2.3. Làm tiêu bản, soi, vẽ 6 tinh bột: Khoai tây, Hoài sơn, Đậu, Hạt sen, Sắn, Gạo

Bài 2: Kiểm nghiệm ích mẫu bằng phương pháp vi học

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Làm được vi phẫu, soi, vẽ. Nhận biết dược liệu.

2. Nội dung

2.1. Làm vi phẫu thân cây Ích mẫu, soi, vẽ sơ đồ tổng quát, mô tả vi phẫu;

2.2. Nhận biết dược liệu: Kim ngân hoa, kim ngân cuống, cầu tích, chi tử, cỏ dùi trống, thạch trắng, bạch linh, bồ công anh, ích mẫu.

Bài 3: Kiểm nghiệm bằng phương pháp vi học

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Làm được vi phẫu, tiêu bản, soi, vẽ. Nhận biết dược liệu.

2. Nội dung

2.1. Bột đại hoàng: Làm tiêu bản, soi, mô tả, chỉ và vẽ đặc điểm;

2.2. Nhận biết dược liệu: Hà thủ ô, Đại hoàng, Thảo quyết minh, Hoa hòe, Cốt khí củ, Cối xay (tươi), Cát cánh, Phá cố chỉ, Ké đầu ngựa, Sài đất, Bán hạ nam, Nhọ nồi (tươi)

Bài 4: Kiểm nghiệm lá Cà độc dược bằng phương pháp vi học

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Làm được vi phẫu, tiêu bản, soi, vẽ. Nhận biết dược liệu.

2. Nội dung

2.1. Làm vi phẫu lá Cà độc dược: làm vi phẫu, soi, vẽ sơ đồ tổng quát, mô tả vi phẫu

2.2. Nhận biết dược liệu: Cà độc dược, hoàng liên, hoàng bá, hoàng đằng, hoàng cầm, hoàng nàn, vàng đắng, núc nác, ba gạc (tươi), dừa cạn (khô và tươi).

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Dược liệu 1.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector

- Máy tính, bảng, phấn bảng

- Giá để dụng cụ thí nghiệm, hóa chất thí nghiệm,....

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình Dược liệu 1
 - Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học
 - Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly
4. Các điều kiện khác. Đến công ty dược thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về: định nghĩa, cấu trúc, tính chất dược liệu chứa carbohydrat; glycosid; saponin; anthranoid.

- *Kỹ năng:*

Đọc tên các dược liệu; kiểm nghiệm dược liệu bằng kính hiển vi và bằng phương pháp hóa học.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Tự tìm hiểu về thành phần tính chất của dược liệu.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun

Mô đun “Dược liệu 1” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các thiết bị, hóa chất dùng cho thí nghiệm, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất.
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Hệ thống phân loại các nhóm chất theo thành phần hóa học; Nguồn gốc, thành phần hóa học, kiểm nghiệm, tác dụng của một số dược liệu thường dùng;

4. Tài liệu học tập

- Bài giảng dược liệu(tập I,II) - Trường Đại học Dược Hà Nội- NXBYH, 2002.
- Dược điển Việt Nam;
- Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam - Đỗ Tất Lợi,- NXBYH Hà Nội, 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Dược lý học 1

Mã môn đun: MH 23

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 44 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Dược lý học 1 thường được bố trí học sau môn học Dược liệu 1 trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn học chuyên ngành, giúp sinh viên có được những kiến thức về Dược động học của các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc; cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc; tác dụng không mong muốn, ngộ độc thuốc và cách xử trí. Đồng thời giúp sinh viên có được những kiến thức về Dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm, liều dùng của các nhóm thuốc cụ thể.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- Trình bày được Dược động học của các quá trình hấp thu, phân bố, chuyển hóa và thải trừ thuốc; phân tích được cơ chế tác dụng và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc
- Phân tích được tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác, của một số thuốc trong các nhóm
- Mô tả được chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng của một số thuốc trong các nhóm

2. Về kỹ năng

Làm được một số thực nghiệm để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc và chứng minh tác dụng của thuốc trên một số cơ quan cụ thể và nhận thức được một số thuốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tự nghiên cứu về cơ chế tác động, tác dụng phụ, chỉ định và chống chỉ định của các nhóm thuốc.
- Cập nhật liên tục thông tin mới về thuốc, hướng dẫn điều trị, và các thay đổi trong dược lý lâm sàng.
- Chủ động liên hệ lý thuyết với thực tiễn trong chăm sóc bệnh nhân, sử dụng thuốc an toàn – hợp lý.
- Trung thực, cẩn trọng trong việc ghi chép, báo cáo thông tin dược lý và kê đơn.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
A	<u>PHẦN LÝ THUYẾT</u>				
1	Chương 1: Dược động học 1. Quá trình hấp thu thuốc 2. Quá trình phân bố thuốc	5	5	0	

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3. Quá trình chuyển hóa thuốc 4. Quá trình thải trừ thuốc.				
2	Chương 2: Dược lực học, Tác dụng không mong muốn của thuốc 1. Dược lực học 2. Tác dụng không mong muốn của thuốc	4	4	0	
3	Chương 3: Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật và Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương 1. Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật 2. Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương	6	6	0	
4	Chương 4: Thuốc tác dụng trên tim mạch 1. Thuốc điều trị suy tim 2. Thuốc điều trị thiếu máu cơ tim; 3. Thuốc chống loạn nhịp tim 4. Thuốc điều trị tăng huyết áp	8	8	0	
5	Chương 5: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa, hô hấp 1. Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa: 2. Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp	8	8	0	
6	Chương 6: Thuốc kháng histamin H1, Thuốc hạ sốt, giảm đau chống viêm 1. Thuốc kháng histamin H1 2. Thuốc hạ sốt, giảm đau chống viêm	8	8	0	
7	Chương 7: Vitamin 1. Vai trò của vitamin 2. Lưu ý khi sử dụng vitamin 3. Một số vitamin cơ bản	6	5	0	1
B	<u>PHẦN THỰC HÀNH</u>				
1	Chương 1 1. Thí nghiệm chứng minh ảnh hưởng của đường đưa thuốc đến tác dụng của thuốc	5	0	5	

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2. Thí nghiệm chứng minh tác dụng hiệp đồng và đối lập của thuốc 3. Hướng dẫn nhận thức thuốc				
2	Chương 2 1. Thí nghiệm chứng minh: Tác dụng gây mê của thiopental 2. Thí nghiệm chứng minh Tác dụng chống co giật của phenobarbital 3. Nhận thức thuốc hô hấp, thần kinh	5	0	5	
3	Chương 3 1. Thí nghiệm chứng minh: Tác dụng nhuận, tẩy của Magie sulfat 2. Thử tác dụng gây mê của Thiopental; 3. Nhận thức thuốc tiêu hoá.	5	0	5	
4	Chương 4 1. Thử tác dụng gây tê của Lidocain; 2. thử Tác dụng của Atropin và Pilocarpin trên thỏ 3. Nhận biết nhóm thuốc kháng histamin.	5	0	5	
5	Chương 5 1. Định khu tác dụng của strychnin; 2. Tác dụng của adrenalin trên mạch 3. Tác dụng của Heparin trên sự đông máu 4. Nhận biết nhóm thuốc điều trị táo bón, tiêu chảy, vitamin.	5	0	5	
6	Chương 6 Thực tập và ôn tập và kiểm tra	5	0	4	1
	Tổng cộng (LT-TH):	75	44	29	2

2. Nội dung chi tiết

A. PHẦN LÝ THUYẾT

Chương 1: Dược động học

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các quá trình dược động học của thuốc. So sánh các con đường hấp thu và các con đường thải trừ thuốc.

2. Nội dung

2.1. Quá trình hấp thu thuốc

2.1.1. Hấp thu tại đường tiêu hoá.

- 2.1.2. hấp thu thuốc qua đường tiêu.
- 2.1.3. Hấp thu thuốc qua đường hô hấp.
- 2.1.4. Các con đường hấp thu khác.
- 2.2. Quá trình phân bố thuốc
 - 2.2.1. Liên kết thuốc.
 - 2.2.2. Phân bố thuốc.
 - 2.2.3. Tích lũy thuốc.
- 2.3. Quá trình chuyển hóa thuốc
- 2.4. Quá trình thải trừ thuốc.
 - 2.4.1. Thải trừ thuốc qua thận.
 - 2.4.2. Các con đường thải trừ thuốc khác.

Chương 2: Dược lực học, tác dụng không mong muốn của thuốc

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các kiểu tương tác thuốc và các tác dụng phụ thường gặp của thuốc.

2. Nội dung

- 2.1. Dược lực học
 - 2.1.1. Các kiểu tác dụng của thuốc;
 - 2.1.2. Cơ chế tác dụng của thuốc;
 - 2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.
- 2.2. Tác dụng không mong muốn của thuốc

Chương 3: Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật và Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các kiểu tác dụng của thuốc trên thần kinh thực vật và thần kinh trung ương, kể tên các nhóm thuốc, đặc điểm tác dụng của từng nhóm, mỗi nhóm nêu tên 5 thuốc.

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật
 - 2.1.1. Thuốc tác dụng trên hệ cholinergic
 - 2.1.2. Thuốc tác dụng trên hệ adrenergic
 - 2.1.3. Thuốc tác dụng trên synap thần kinh cơ và thần kinh thực vật
- 2.2. Thuốc tác dụng trên hệ thần kinh trung ương
 - 2.2.1. Thuốc gây mê
 - 2.2.2. Thuốc gây tê
 - 2.2.3. Thuốc an thần, gây ngủ
 - 2.2.4. Thuốc giảm đau gây nghiện

Chương 4: Thuốc tác dụng trên tim mạch

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các nhóm thuốc điều trị bệnh về tim mạch. Trong mỗi nhóm nêu được cơ chế tác dụng, chỉ định, lưu ý, kể tên các thuốc trong nhóm.

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc điều trị suy tim
 - 2.1.1. Cấu trúc chung
 - 2.1.2. Một số thuốc điều trị suy tim: quinidine, digoxin
- 2.2. Thuốc điều trị thiếu máu cơ tim
 - 2.2.1. Cấu trúc chung

2.2.2. Một số thuốc điều trị suy tim

2.3. Thuốc chống loạn nhịp tim

2.3.1. Cấu trúc chung

2.3.2. Một số thuốc loạn nhịp tim: Propranolol

2.4. Thuốc điều trị tăng huyết áp

2.4.1. Cấu trúc chung

2.4.2. Một số thuốc điều trị tăng huyết áp: nifedipin, amlodipin.

Chương 5: Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa, hô hấp Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các nhóm thuốc điều trị bệnh tiêu hóa. Trong mỗi nhóm nêu được cơ chế tác dụng, chỉ định, lưu ý, kể tên các thuốc trong nhóm.

2. Nội dung

2.1. Thuốc tác dụng trên hệ tiêu hóa:

2.1.1. Thuốc điều trị viêm loét dạ dày, hành tá tràng: omeprazol, lansoprazol, cimetidin, nhôm hydroxyd; tác dụng và cơ chế, chỉ định, chống chỉ định.

2.1.2. Thuốc gây nôn và chống nôn: simethicon, diosmectit: tác dụng và cơ chế, chỉ định, chống chỉ định

2.1.3. Thuốc nhuận tràng: bisacodyl, sorbitol: tác dụng và cơ chế, chỉ định, chống chỉ định

2.1.4. Thuốc chống tiêu chảy: loperamid, berberin: Tác dụng và cơ chế, chỉ định, chống chỉ định

2.2. Thuốc tác dụng trên hệ hô hấp

2.2.1. Thuốc điều trị hen phế quản: salbutamol, theophylline: Tác dụng và cơ chế, chỉ định, chống chỉ định

2.2.2. Thuốc điều trị ho: terpin, acetyl cysteine: Tác dụng và cơ chế, chỉ định, chống chỉ định.

Chương 6: Thuốc kháng histamin H1, thuốc hạ sốt, giảm đau chống viêm

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các nhóm thuốc giảm đau hạ sốt và kháng histamin. Trong mỗi nhóm nêu được cơ chế tác dụng, chỉ định, lưu ý, kể tên các thuốc trong nhóm.

2. Nội dung

2.1. Thuốc kháng histamin H1

2.1.1. Bệnh dị ứng và Histamin

2.1.2. Thuốc kháng histamin : phân loại và cơ chế tác dụng

2.1.3. Một số thuốc: promethazine, loratadin, diphenhydramine: Tác dụng và cơ chế, chỉ định, chống chỉ định

2.2. Thuốc hạ sốt, giảm đau chống viêm

2.2.1. Tác dụng và cơ chế, chỉ định, chống chỉ định, lưu ý chung;

2.2.2. Các thuốc trong nhóm; aspirin, piroxicam, diclofenac: Tác dụng và cơ chế, chỉ định, chống chỉ định

Chương 7: Vitamin

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các nhóm vitamin. Trong mỗi nhóm nêu được cơ chế tác dụng, chỉ định, lưu ý, kể tên các thuốc trong nhóm.

2. Nội dung

2.1. Vai trò của vitamin

2.2. Lưu ý khi sử dụng vitamin

2.3. Một số vitamin cơ bản

2.3.1. Vitamin tan trong dầu: vitamin A, D, E: Tác dụng và cơ chế, nguồn gốc, chỉ định, chống chỉ định

2.3.2. Vitamin tan trong nước: Vitamin C, B1, B2, B6: Tác dụng và cơ chế, nguồn gốc, chỉ định, chống chỉ định

B. PHẦN THỰC HÀNH

Chương 1:

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Ảnh hưởng của đường đưa thuốc đến tác dụng của thuốc. Tác dụng hiệp đồng và đối lập của thuốc, biết cách nhận thức thuốc

2. Nội dung:

2.1. Thí nghiệm chứng minh ảnh hưởng của đường đưa thuốc đến tác dụng của thuốc

2.2. Thí nghiệm chứng minh tác dụng hiệp đồng và đối lập của thuốc

2.3. Hướng dẫn nhận thức thuốc

Chương 2:

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Tác dụng gây mê của thiopental và tác dụng chống co giật của Phenobarbital, nhận thức thuốc

2. Nội dung

2.1. Thí nghiệm chứng minh: Tác dụng gây mê của thiopental

2.2. Thí nghiệm chứng minh Tác dụng chống co giật của phenobarbital

2.3. Nhận thức thuốc hô hấp, thần kinh

Chương 3:

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Tác dụng nhuận, tẩy của magie sulfat, thử tác dụng gây mê của thiopental, nhận thức thuốc

2. Nội dung

2.1. Thí nghiệm chứng minh: Tác dụng nhuận, tẩy của magie sulfat

2.2. Thử tác dụng gây mê của Thiopental

2.3. Nhận thức thuốc tiêu hoá.

Chương 4:

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Tác dụng gây tê của Lidocain; Tác dụng của Atropin và Pilocarpin trên thỏ, nhận thức thuốc

2. Nội dung

2.1. Thử tác dụng gây tê của Lidocain;

2.2. Thử tác dụng của Atropin và Pilocarpin trên thỏ

2.3. Nhận biết nhóm thuốc kháng histamin.

Chương 5:

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Tác dụng của strychnin; tác dụng của adrenalin trên mạch; tác dụng của Heparin trên sự đông máu, nhận thức thuốc

2. Nội dung

2.1. Định khu tác dụng của strychnin

2.2. Tác dụng của adrenalin trên mạch

2.3. Tác dụng của Heparin trên sự đông máu

2.4. Nhận biết nhóm thuốc điều trị táo bón, tiêu chảy, vitamin.

Chương 6:

Thời gian: 5 giờ

Thực tập và ôn tập

Kiểm tra thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Dược lý học 1.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Giá để dụng cụ thí nghiệm, hóa chất thí nghiệm,....

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình Dược lý học 1
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học
- Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly.

4. Các điều kiện khác. Đến công ty dược thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về Dược động học của các quá trình hấp thu, dược lực học; tác dụng không mong muốn của thuốc; thuốc tác dụng lên hệ tiêu hoá, hô hấp; thuốc hạ sốt; vitamin.

- *Kỹ năng:*

Tiến hành một số thực nghiệm để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc và chứng minh tác dụng của thuốc trên một số cơ quan cụ thể.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Chủ động liên hệ lý thuyết với thực tiễn trong chăm sóc bệnh nhân, sử dụng thuốc an toàn – hợp lý.

+ Có tinh thần tích cực trong học tập

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học “Dược lý học 1” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Dược động học của các quá trình hấp thu, thuốc tác dụng trên hệ thần kinh thực vật; thần kinh trung ương; tim mạch.

4. *Tài liệu học tập:*

- Dược lý học tập I,II - Bộ Y tế - NXBYH, 2007.

- Hóa sinh học - Đại học Dược Hà Nội;

- Dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội–NXBYH 2004;

- Dược thư Quốc gia Việt Nam - Bộ Y tế - NXBYH, 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Dược lâm sàng

Mã mô đun: MĐ 24

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun Dược lâm sàng thường được bố trí học sau môn học Dược lý học 1 trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn chuyên ngành, giúp sinh viên có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về sử dụng thuốc phù hợp với người bệnh, tiếp cận và tìm hiểu thông tin thuốc, nắm được việc sử dụng thuốc điều trị một số bệnh, đảm bảo an toàn, hợp lý và hiệu quả. Môn học vừa có lý thuyết, vừa có thực hành.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

- Trình bày được những kiến thức cơ bản liên quan đến sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả
- Phân tích được nguyên tắc sử dụng hợp lý, an toàn, hiệu quả một số nhóm thuốc thông dụng
- Mô tả được các phản ứng bất lợi và nguyên tắc lựa chọn thuốc phù hợp với người bệnh

2. Về kỹ năng

- Thực hiện được một số kỹ năng cơ bản trong việc hướng dẫn sử dụng thuốc cho người dùng.
- Thực hành thông tin thuốc tại các cơ sở y tế.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tư vấn cho bệnh nhân và người nhà bệnh nhân về sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả.
- Đọc hiểu và áp dụng các nghiên cứu, bằng chứng khoa học mới vào thực hành.
- Tham gia xây dựng các hướng dẫn sử dụng thuốc trong bệnh viện.
- Thực hiện nghiêm các qui định, qui chế trong học tập

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	<u>PHẦN LÝ THUYẾT</u>				
1	Bài 1: Mở đầu 1. Giới thiệu mục tiêu, nội dung môn học, phương pháp nghiên cứu; 2. Nội dung và cách tiếp cận của Dược sĩ lâm sàng (DSLS) với mục tiêu sử dụng thuốc hợp lý	2	2	0	
2	Bài 2: Các thông số dược động học cơ bản	2	2	0	

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1. Diện tích dưới đường cong (AUC) 2. Sinh khả dụng tuyệt đối và tương đối 3. Thời gian bán thải ($t_{1/2}$)				
3	Bài 3: Tương tác thuốc, phản ứng bất lợi của thuốc 1. Tương tác thuốc 2. Phản ứng bất lợi của thuốc	3	3	0	
4	Bài 4: Sử dụng thuốc cho các đối tượng đặc biệt 1. Sử dụng thuốc ở trẻ em 2. Sử dụng thuốc ở người cao tuổi 3. Sử dụng thuốc ở phụ nữ mang thai và cho con bú	3	3	0	
5	Bài 5: Nguyên tắc sử dụng vitamin và chất khoáng 1. Nhu cầu hàng ngày của cơ thể về vitamin và chất khoáng 2. Thiếu vitamin và chất khoáng 3. Thừa vitamin và chất khoáng	3	3	0	
6	Bài 6: Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh và thuốc kháng khuẩn 1. Chỉ sử dụng kháng sinh khi có nhiễm khuẩn 2. Phải biết lựa chọn kháng sinh hợp lý 3. Phải biết phối hợp kháng sinh hợp lý 4. Phải sử dụng kháng sinh đúng thời gian quy định.	2	2	0	
7	Bài 7: Nguyên tắc sử dụng glucocorticoid 1. Nguyên tắc sử dụng glucocorticoid 2. Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau ngoại vi	4	3	0	1
8	Bài 8: Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tim mạch 1. Các bệnh lý tim mạch thường gặp	3	3		

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2. Các nhóm thuốc thường dùng trong điều trị bệnh tim mạch				
9	Bài 9: Nguyên tắc sử dụng vitamin và chất khoáng 1. Nhu cầu hàng ngày của cơ thể về vitamin và chất khoáng; 2. Thiếu vitamin và chất khoáng 3. Thừa vitamin và chất khoáng	3	3	0	
10	Bài 10: Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tim mạch 1. Bệnh tiểu đường 2. Các nhóm thuốc thường dùng trong điều trị bệnh tiểu đường.	3	2	0	1
	Cộng phần lý thuyết:	28	26	0	2
	<u>PHẦN THỰC HÀNH</u>				
1	Tra cứu thông tin các thuốc sử dụng trong điều trị một số nhóm bệnh khoa nội	4	0	4	
2	Tra cứu thông tin các thuốc sử dụng trong khoa ngoại	4	0	4	
3	Hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị một số nhóm bệnh tiêu hóa	3	0	3	
4	Hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị một số nhóm bệnh hô hấp	3	0	3	
5	Hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị một số nhóm bệnh tim mạch, bệnh thận – tiết niệu	5	0	5	
6	Hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị một số nhóm bệnh xương khớp, da liễu	3	0	3	
7	Hướng dẫn sử dụng thuốc tại hiệu thuốc	2	0	2	
8	Thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc tại khoa phòng lâm sàng bệnh viện	5	0	4	1
	Cộng phần thực hành:	29	0	28	1
	Tổng cộng:	60	28	29	3

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Mở đầu

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nội dung và cách tiếp cận của Dược sĩ lâm sàng (DSLS) với mục tiêu sử dụng thuốc hợp lý.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu mục tiêu, nội dung môn học, phương pháp nghiên cứu

2.2. Nội dung và cách tiếp cận của Dược sĩ lâm sàng (DSLS) với mục tiêu sử dụng thuốc hợp lý

2.2.1. Các tiêu chuẩn để lựa chọn thuốc hợp lý

2.2.2. Những nội dung của “ Hướng dẫn điều trị”

2.2.3. Các kỹ năng cần có của DSLS nhằm đạt được mục tiêu hướng dẫn điều trị.

Bài 2: Các thông số dược động học cơ bản

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được diện tích dưới đường cong, sinh khả dụng, thời gian bán thải ($t_{1/2}$): của thuốc; nêu công thức tính, cách tính và ý nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Diện tích dưới đường cong (AUC)

2.1.1. Khái niệm AUC

2.1.2. Công thức và cách tính

2.2. Sinh khả dụng tuyệt đối và tương đối

2.2.1. Sinh khả dụng tuyệt đối

2.2.2. Sinh khả dụng tương đối

2.3. Thời gian bán thải ($t_{1/2}$)

2.3.1. Khái niệm

2.3.2. Ý nghĩa

Bài 3: Tương tác thuốc, phản ứng bất lợi của thuốc

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu:

- Trình bày được tương tác thuốc - Thuốc thuốc -Thức ăn - Đồ uống, hướng dẫn thời gian uống thuốc hợp lý

- Trình bày được: Định nghĩa và phân loại, các biện pháp hạn chế ADR

2. Nội dung:

2.1. Tương tác thuốc

2.1.1. Tương tác thuốc-Thuốc

2.1.2. Tương tác thuốc-Thức ăn-Đồ uống

2.2. Phản ứng bất lợi của thuốc

2.2.1. Định nghĩa và phân loại

2.2.2. Các yếu tố liên quan đến sự phát sinh ADR

2.2.3. Các biện pháp hạn chế ADR

2.2.4. Cách xử trí khi gặp ADR

Bài 4: Sử dụng thuốc cho các đối tượng đặc biệt

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nguyên tắc Sử dụng thuốc cho các đối tượng đặc biệt

2. Nội dung:

2.1. Sử dụng thuốc ở trẻ em

2.2. Sử dụng thuốc ở người cao tuổi

2.3. Sử dụng thuốc ở phụ nữ mang thai và cho con bú

Bài 5: Nguyên tắc sử dụng vitamin và chất khoáng

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc vitamin và chất khoáng, xử lý khi thừa hoặc thiếu vitamin .

2. Nội dung

2.1. Nhu cầu hàng ngày của cơ thể về vitamin và chất khoáng

2.2. Thiếu vitamin và chất khoáng

2.2.1. Nguyên nhân thiếu vitamin và chất khoáng

2.2.2. Xử trí khi thiếu vitamin và chất khoáng

2.3. Thừa vitamin và chất khoáng

2.3.1. Nguyên nhân gây thừa và hậu quả

2.3.2. Các biện pháp tránh thừa vitamin và chất khoáng

Bài 6: Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh và thuốc kháng khuẩn

Thời gian: 2 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh và thuốc kháng khuẩn, mỗi nguyên tắc lấy được 2 ví dụ minh họa .

2. Nội dung

2.1. Chỉ sử dụng kháng sinh khi có nhiễm khuẩn

2.1.1. Xác định nhiễm khuẩn bằng triệu chứng lâm sàng

2.1.2. Xác định nhiễm khuẩn bằng xét nghiệm

2.2. Cách lựa chọn kháng sinh hợp lý

2.2.1. Có hoạt lực cao với vi khuẩn

2.2.2. Thẩm vào tổ chức bị nhiễm bệnh

2.2.3. Phù hợp với cơ địa bệnh nhân

2.3. Cách phối hợp kháng sinh hợp lý

2.4. Cách sử dụng kháng sinh đúng thời gian quy định

Bài 7: Nguyên tắc sử dụng glucocorticoid

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc glucocorticoid, thuốc giảm đau ngoại vi, tác dụng phụ và cách khắc phục.

2. Nội dung

2.1. Nguyên tắc sử dụng glucocorticoid

2.1.1. Nhịp sinh lý của sự tiết hydrocortison

2.1.2. Chỉ định và lựa chọn thuốc:

2.1.3. Tác dụng phụ và cách khắc phục:

2.2. Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau ngoại vi

2.2.1. Lựa chọn thuốc phù hợp với người bệnh

2.2.2. Tác dụng phụ

2.2.3. Biện pháp khắc phục

Bài 8: Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tim mạch

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tim mạch, triệu chứng các bệnh tim mạch và yếu tố nguy cơ mắc kèm .

2. Nội dung

2.1. Các bệnh lý tim mạch thường gặp

2.1.1. Bệnh tăng huyết áp

2.1.2. Bệnh suy tim

2.1.3. Bệnh máu nhiễm mỡ

2.2. Các nhóm thuốc thường dùng trong điều trị bệnh tim mạch

2.2.1. Bệnh tăng huyết áp

2.2.2. Bệnh suy tim

2.2.3. Bệnh máu nhiễm mỡ

Bài 9: Nguyên tắc sử dụng vitamin và chất khoáng

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc vitamin và chất khoáng, xử lý khi thừa hoặc thiếu vitamin .

2. Nội dung:

2.1. Nhu cầu hàng ngày của cơ thể về vitamin và chất khoáng;

2.2. Thiếu vitamin và chất khoáng;

2.2.1. Nguyên nhân thiếu vitamin và chất khoáng;

2.2.2. Xử trí khi thiếu vitamin và chất khoáng.

2.3. Thừa vitamin và chất khoáng;

2.3.1. Nguyên nhân gây thừa và hậu quả;

2.3.2. Các biện pháp tránh thừa vitamin và chất khoáng.

Bài 10: Sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tim mạch

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nguyên tắc sử dụng thuốc trong điều trị bệnh tiểu đường, triệu chứng bệnh tiểu đường và yếu tố nguy cơ mắc kèm .

2. Nội dung

2.1. Bệnh tiểu đường

2.1.1. Cơ chế bệnh sinh tiểu đường

2.1.2. Các biến chứng thường gặp do tiểu đường.

2.2. Các nhóm thuốc thường dùng trong điều trị bệnh tiểu đường.

2.2.1. Nhóm sulfonylurea

2.2.2. Nhóm biguanid

2.2.3. Các chất ức chế alpha glucosidase

PHẦN THỰC HÀNH

(Thực hành ngoài trường)

I. Mục tiêu: Tra cứu được thông tin các thuốc, hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị một số nhóm bệnh.

II. Nội dung

1. Tra cứu thông tin các thuốc sử dụng trong điều trị một số nhóm bệnh khoa nội

2. Tra cứu thông tin các thuốc sử dụng trong khoa ngoại

3. Hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị một số nhóm bệnh tiêu hóa: Dạ dày, tiêu chảy, táo bón...

4. Hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị một số nhóm bệnh hô hấp: viêm họng, hen, amidan..

5. Hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị một số nhóm bệnh tim mạch: suy tim, tăng huyết áp, máu nhiễm mỡ, nhóm bệnh thận – tiết niệu: viêm thận, viêm tiết niệu.....

6. Hướng dẫn sử dụng thuốc trong điều trị một số nhóm bệnh xương khớp: Viêm khớp, thoái hoá, chấn thương, nhóm bệnh da liễu: viêm da, trứng cá.....

7. Hướng dẫn sử dụng thuốc tại hiệu thuốc: bán thuốc theo đơn...

8. Thực hành hướng dẫn sử dụng thuốc tại khoa phòng lâm sàng bệnh viện

III. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Dược lâm sàng .

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Giá để dụng cụ thí nghiệm, hóa chất thí nghiệm,....

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình Dược lâm sàng
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học
- Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly

4. Các điều kiện khác. Đến công ty dược thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về nguyên tắc sử dụng hợp lý, an toàn, hiệu quả, phản ứng bất lợi của một số nhóm thuốc thông dụng

- *Kỹ năng:*

+ Hỗ trợ hướng dẫn người bệnh sử dụng thuốc trong quá trình thực tập.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Chấp hành nghiêm túc quy chế đào tạo.

+ Có tinh thần tích cực trong học tập

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun “Dược lâm sàng” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các thiết bị, hóa chất dùng cho thí nghiệm, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý*: các thông số dược động học cơ bản; nguyên tắc sử dụng vitamin và chất khoáng; thuốc kháng sinh và thuốc kháng khuẩn; glucocorticoid.

4. *Tài liệu học tập*:

- Dược lâm sàng - Trường Đại học Dược Hà Nội - NXBYH, 2006
- Bài giảng bệnh học - Bộ môn Dược lâm sàng - Đại học Dược Hà Nội;
- Dược lý học (tập 1,2) - Bộ môn Dược lý - Trường Đại học Dược Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG THUỐC

Mã môn học: MH 25

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Thực hành: 0 giờ kiểm tra 2 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Đảm bảo chất lượng thuốc thường được bố trí học sau môn học Dược lâm sàng trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, chủ yếu nhằm đảm bảo chất lượng thuốc trong cả quá trình từ sản xuất đến tay người sử dụng được thể hiện trong các tiêu chuẩn GMP, GSP, GLP, GPP, GDP.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức:

- Trình bày được khái niệm về thuốc và yêu cầu đối với việc sử dụng thuốc.
- Phân tích được mục tiêu và vai trò của công tác đảm bảo chất lượng thuốc.
- Mô tả được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc trong toàn bộ chu trình từ nguyên liệu đầu vào đến tay người sử dụng.
- Trình bày được khái niệm, mục đích, vai trò, những nội dung chính của tiêu chuẩn GMP, GSP, GLP, GPP, GDP.

2. Về kỹ năng

- Áp dụng được các nguyên tắc đảm bảo chất lượng trong vận hành sản xuất và phân phối thuốc.
- Đọc hiểu và phân tích được hồ sơ kiểm nghiệm, hồ sơ chất lượng thuốc.
- Tham gia đánh giá, phát hiện và đề xuất biện pháp xử lý khi có vấn đề về chất lượng thuốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Ý thức tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình, tiêu chuẩn trong đảm bảo chất lượng thuốc.
- Có trách nhiệm trong việc phát hiện và báo cáo kịp thời các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng.
- Chủ động cập nhật kiến thức, công nghệ mới liên quan đến kiểm nghiệm và đảm bảo chất lượng thuốc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội Dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Khái quát về môn học Tổng quan về thuốc và chất lượng thuốc (CLT)	7	7		
	1. Khái niệm thuốc, chất lượng thuốc				
	2. Hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc trong thực tế				
	3. Đảm bảo chất lượng thuốc ở tầm vĩ mô				

TT	Nội Dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	4. Đảm bảo CLT trong đơn vị sản xuất (QA)				
	5. Chức năng, nhiệm vụ, cấu trúc và hoạt động của phòng đảm bảo chất lượng thuốc				
2	Chương 2: Nội dung công tác đảm bảo chất lượng thuốc (CLT)	6	6		
	1. Khái niệm				
	2. Chu trình và các yếu tố tác động đến CLT				
	3. Nguyên liệu - sản xuất - bảo quản - phân phối (kiểm nghiệm)				
	4. Hệ thống tiêu chuẩn nhằm đảm bảo CLT: GMP, GLP, GDP, GPP, GSP (thuốc đông dược)				
3	Chương 3: Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP – Good Manufacturing Practices) và công tác đảm bảo chất Practices) và công tác đảm bảo chất lượng thuốc	6	5		1
	1. Khái niệm				
	2. Vai trò của GLP trong công tác đảm bảo CLT				
	3. Những quy định chính của GLP				
	Chương 4: Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP-good laboratory practice) và công tác đảm bảo CLT	5	5		
	1. Khái niệm				
	2. Vai trò của GLP trong công tác đảm bảo CLT				
	3. Những quy định chính của GLP				
4	Chương 5: Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP – Good Storage Practice) và công tác đảm bảo CLT	10	10		
	1. Khái niệm				
	2. Vai trò của GSP trong công tác đảm bảo CLT				
	3. Những quy định chính của GSP				

TT	Nội Dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
5	Chương 6: Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP – Good Distribution Practices) và công tác đảm bảo chất lượng thuốc	11	10		1
	1. Khái niệm				
	2. Vai trò của GPP trong công tác đảm bảo CLT				
	3. Những quy định chính của GDP và GPP				
	Tổng Cộng	45	43	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Khái quát về môn học

Tổng quan về thuốc và chất lượng thuốc (CLT)

Thời gian: 7 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được mục tiêu, cấu trúc, chức năng, nhiệm vụ của đảm bảo chất lượng thuốc.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm thuốc, chất lượng thuốc

2.2. Hệ thống đảm bảo chất lượng thuốc trong thực tế

2.3. Đảm bảo chất lượng thuốc ở tầm vĩ mô

2.3.1. Mục tiêu: đảm bảo chất lượng thuốc đến tay người sử dụng là thuốc đạt chất lượng

2.3.2. Cấu trúc: gồm sự kết hợp chặt chẽ của các thành phần: Cơ quan quản lý

2.3.3. Nhà sản xuất + Cơ quan kiểm tra chất lượng + Hệ thống phân phối

2.4. Đảm bảo CLT trong đơn vị sản xuất (QA)

2.5. Chức năng, nhiệm vụ, cấu trúc và hoạt động của phòng đảm bảo chất lượng thuốc

Chương 2: Nội dung công tác đảm bảo chất lượng thuốc (CLT)

Thời gian: 6 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm, vai trò của công tác đảm bảo chất lượng thuốc.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Chu trình và các yếu tố tác động đến CLT

2.3. Nguyên liệu - sản xuất – bảo quản – phân phối (kiểm nghiệm)

2.4. Hệ thống tiêu chuẩn nhằm đảm bảo CLT: GMP, GSP, GLP, GDP, GPP, GAP (thuốc đông dược)

Chương 3: Thực hành tốt sản xuất thuốc (GMP – Good Manufacturing Practices) và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian: 6 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm, vai trò của GMP trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Vai trò của GMP trong công tác đảm bảo CLT

2.3. Những quy định chính của GMP

Chương 4: Thực hành tốt kiểm nghiệm thuốc (GLP-good laboratory practice) và công tác đảm bảo CLT

Thời gian: 5 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm, vai trò của GLP trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Vai trò của GLP trong công tác đảm bảo CLT

2.3. Những quy định chính của GLP

Chương 5: Thực hành tốt bảo quản thuốc (GSP – Good Storage Practice) và công tác đảm bảo CLT

Thời gian: 10 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm, vai trò của GSP trong công tác đảm bảo chất lượng thuốc.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Vai trò của GSP trong công tác đảm bảo CLT

2.3. Những quy định chính của GSP

Chương 6: Thực hành tốt phân phối thuốc (GDP – Good Distribution Practices) và công tác đảm bảo chất lượng thuốc

Thời gian: 11 tiết

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được nội dung của quy tắc GDP và ứng dụng trong công tác phân phối thuốc.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm GDP

2.2. Vai trò của GDP trong công tác đảm bảo CLT

2.3. Những quy định chính của GDP và GPP

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. *Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:*

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Đảm bảo chất lượng thuốc.

2. *Trang thiết bị máy móc:*

- Máy chiếu Projector

- Máy tính, bảng, phấn bảng

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:*

- Giáo trình Đảm bảo chất lượng thuốc

- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học

4. *Các điều kiện khác.* Đến công ty được tham quan.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về khái niệm về thuốc và yêu cầu đối với việc sử dụng thuốc, mục tiêu và vai trò của công tác đảm bảo chất lượng thuốc, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thuốc trong toàn bộ chu trình từ nguyên liệu đầu vào đến tay người sử dụng; phân tích hồ sơ kiểm nghiệm, hồ sơ chất lượng thuốc.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Cập nhật kiến thức, công nghệ mới liên qua đến kiểm nghiệm và đảm bảo chất lượng thuốc.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học: phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Đảm bảo chất lượng thuốc” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Nội dung công tác đảm bảo chất lượng thuốc; những quy định chính của GLP; CLT; GSP.

4. Tài liệu học tập:

- Đảm bảo chất lượng thuốc Trường Đại học Dược Hà Nội NXBYH.

- Dược điển Việt Nam, Mỹ, Nga

- Các thông tư quy định về GMP, GSP, GPP, GLP, GDP.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kinh tế dược

Mã môn học: MH 26

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành: 0 giờ, Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Kinh tế dược thường được bố trí học sau môn học Đảm bảo chất lượng thuốc trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn học chuyên ngành, nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản nhất trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh trong ngành dược, giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về kinh tế nói chung và kinh tế Dược nói riêng, được vận dụng trong quản lý sản xuất và kinh doanh Dược phẩm, mỹ phẩm hiệu quả và đúng pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- Trình bày được các nguyên tắc cơ bản của Quản trị học trong quản lý kinh tế
- Phân tích được cách thức quản trị áp dụng trong hoạt động kinh doanh dược phẩm.
- Trình bày được hoạt động kinh doanh dược.

2. Về kỹ năng

- Biết cách thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu kinh tế dược.
- Vận dụng các phương pháp đánh giá kinh tế dược để so sánh các lựa chọn điều trị.
- Thực hiện được các bài phân tích chi phí và đề xuất lựa chọn tối ưu về sử dụng thuốc.
- Kỹ năng lập báo cáo kinh tế dược cơ bản phục vụ cho quyết định trong bệnh viện, công ty dược, cơ quan quản lý y tế.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Năng lực tư duy kinh tế trong đánh giá và ra quyết định sử dụng thuốc, sản phẩm y tế.
- Tinh thần trách nhiệm trong việc cân nhắc giữa hiệu quả điều trị và chi phí cho bệnh nhân và xã hội.
- Chủ động cập nhật các xu hướng và công cụ mới trong đánh giá kinh tế y tế.
- Sẵn sàng tham gia vào các hoạt động quản lý chi phí, xây dựng chính sách sử dụng thuốc tiết kiệm và hợp lý.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Môi trường kinh doanh, hoạch định chiến lược	9	9		

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1. Môi trường kinh doanh 2. Hoạch định chiến lược				
2	Chương 2: Đại cương về Doanh nghiệp- Luật doanh nghiệp, Tài chính doanh nghiệp Dược 1. Đại cương về Doanh nghiệp- Luật doanh nghiệp 2. Tài chính doanh nghiệp Dược	7	7		
3	Chương 3: Cung ứng thuốc 1. Quản lý cung ứng thuốc 2. Lập kế hoạch cung ứng thuốc 3. Các chỉ tiêu đánh giá hệ thống cung ứng thuốc cộng đồng	7	7		
4	Chương 4: Bài tập Cung ứng thuốc 1. Lập kế hoạch cung ứng thuốc cho nhà thuốc bệnh viện hoài đức trong 6 tháng đầu năm. 2. Lập kế hoạch cung ứng thuốc cho nhà thuốc tư nhân	7	6		1
	Cộng:	30	29	0	1

2. Nội dung chính:

Chương 1: Môi trường kinh doanh, Hoạch định chiến lược Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm môi trường kinh doanh, thực hiện các bước hoạch định chiến lược và thuyết trình tại lớp.

2. Nội dung

2.1. Môi trường kinh doanh

2.1.1. Kinh doanh Dược

2.1.2. Môi trường kinh doanh

2.2. Hoạch định chiến lược

2.2.1. Hoạch định

2.2.2. Các bước hoạch định chiến lược

Chương 2: Đại cương về Doanh nghiệp- Luật doanh nghiệp, Tài chính doanh nghiệp Dược

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm doanh nghiệp, các luật quản lý doanh nghiệp, và nguồn tài chính từ đó vận dụng phân tích mô hình ở các công ty dược phẩm.

2. Nội dung

2.1. Đại cương về Doanh nghiệp- Luật doanh nghiệp

2.1.1. Doanh nghiệp

2.1.2. Luật doanh nghiệp

2.2. Tài chính doanh nghiệp Dược

2.2.1. Vốn

2.2.2. Chi phí

2.2.3. Lợi nhuận

Chương 3: Cung ứng thuốc

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các khái niệm về cung ứng, lên kế hoạch và thực hành cung ứng thuốc ở bệnh viện.

2. Nội dung

2.1. Quản lý cung ứng thuốc

2.1.1. Đại cương về cung ứng thuốc;

2.1.2. Các văn bản pháp quy liên quan cung ứng thuốc;

2.1.3. Nhu cầu thuốc, các phương pháp xác định nhu cầu thuốc;

2.1.4. Mô hình màng lưới phân phối thuốc.

2.2. Lập kế hoạch cung ứng thuốc

2.3. Các chỉ tiêu đánh giá hệ thống cung ứng thuốc cộng đồng

Chương 4: Bài tập Cung ứng thuốc

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được thực tế về kinh doanh dược, mỹ phẩm.

2. Nội dung

2.1. Lập kế hoạch cung ứng thuốc cho nhà thuốc bệnh viện hoạt động trong 6 tháng đầu năm.

2.2. Lập kế hoạch cung ứng thuốc cho nhà thuốc tư nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Kinh tế dược

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ thuốc, các loại thuốc mẫu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình: Kinh tế dược
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học

4. Các điều kiện khác. Đến nhà thuốc thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về quản lý cung ứng thuốc; các chỉ tiêu đánh giá hệ thống cung ứng thuốc; tài chính doanh nghiệp Dược.

- *Kỹ năng:*

+ Thực hiện các bài phân tích chi phí và đề xuất lựa chọn tối ưu về sử dụng thuốc; lập báo cáo kinh tế dược cơ bản phục vụ cho quyết định trong bệnh viện, công ty dược, cơ quan quản lý y tế.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

+ Cập nhật các xu hướng, công cụ mới trong đánh giá kinh tế y tế.

+ Tinh thần trách nhiệm trong việc cân nhắc giữa hiệu quả điều trị và chi phí cho bệnh nhân và xã hội.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc môn học phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Kinh tế dược” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Các nguyên tắc cơ bản của Quản trị học trong quản lý kinh tế; các kiến thức cơ bản về Doanh nghiệp nói chung và Doanh nghiệp dược nói riêng;

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình Quản trị học trong lĩnh vực Dược - Trường Đại học Dược Hà Nội.
- Giáo trình Quản lý và kinh tế Dược - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2006 .
- Quản trị học căn bản(Bản dịch)- James H.Donnelly, JR. James L. Gibson, John M.Ivancevich - NXB Thống kê.
- Giáo trình quản lý Kinh tế dược - Đại học Dược Hà Nội.
- Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý, kinh doanh Dược.
- Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Dược học cổ truyền

Mã môn học: MH 27

Thời gian thực hiện môn học: 45 giờ; (Lý thuyết: 43 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Dược học cổ truyền thường được bố trí học sau môn học Kinh tế dược trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn học chuyên ngành, nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về lý luận Y học cổ truyền, tác dụng và liều dùng của các vị thuốc đông dược thường sử dụng chữa các chứng bệnh hay gặp. Nội dung nhằm tạo cho sinh viên khả năng nhận biết và lựa chọn đúng các vị thuốc đông dược dùng để điều trị cho các bệnh hay gặp.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức:

- Trình bày được những lý luận cơ bản của học thuyết âm dương, học thuyết ngũ hành ứng dụng trong y học cổ truyền
- Phân tích được chức năng các tạng phủ, nguyên nhân gây bệnh và các phương pháp khám bệnh theo y học cổ truyền
- Mô tả được bộ phận dùng, tính vị quy kinh, tác dụng, liều dùng của một số cây thuốc thường sử dụng.

2. Về kỹ năng:

- Chẩn đoán được những nguyên nhân gây bệnh và đưa ra phương pháp điều trị theo Y học cổ truyền.
- Nhận biết và lựa chọn đúng các vị thuốc vào điều trị các chứng và bệnh thường gặp.
- Hướng dẫn nhân dân trồng và sử dụng thuốc nam để chữa một số bệnh và chứng bệnh tại gia đình.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Rèn luyện được tính kiên trì thái độ ân cần, thông cảm khi thăm khám theo phương pháp vọng, văn, vấn, thiết trên người bệnh.
- Thừa kế, khai thác và sử dụng các phương pháp, kinh nghiệm, bài thuốc trong nhân dân địa phương.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1: Một số học thuyết y học cổ truyền 1. Học thuyết âm dương 2. Học thuyết ngũ hành 3. Học thuyết tạng tượng 4. Học thuyết kinh lạc	8	8		
2	Chương 2: Nguyên nhân gây bệnh và chẩn đoán theo y học cổ truyền	8	8		

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1. Nguyên nhân 2. Tứ chẩn				
3	Chương 3: Đại cương về thuốc y học cổ truyền 1. Định nghĩa 2. Tứ khí 3. Ngũ vị 4. Sự quy kinh của vị thuốc	7	6		1
4	Chương 4: Phân loại thuốc cổ truyền 1. Các phương pháp phân loại 2. Các loại thuốc cổ truyền	11	11		
5	Chương 5: Chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền 1. Đại cương 2. Chế biến một số vị thuốc	11	10		1
	Cộng:	45	43	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Một số học thuyết y học cổ truyền

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các học thuyết y học cổ truyền

2. Nội dung

2.1. Học thuyết âm dương

2.1.1. Xuất xứ, nội dung

2.1.2. Những biểu hiện và âm dương và vận dụng vào y học cổ truyền

2.2. Học thuyết ngũ hành

2.2.1. Xuất xứ, nội dung

2.2.1. Quy luật hoạt động và vận dụng thuyết ngũ hành.

2.3. Học thuyết tạng tượng

2.3.1. Xuất xứ, nội dung

2.3.2. Tạng phủ và mối quan hệ

2.4. Học thuyết kinh lạc

2.4.1. Giới thiệu

2.4.2. Kinh mạch và huyết vị

Chương 2: Nguyên nhân gây bệnh và chẩn đoán theo y học cổ truyền

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được nguyên nhân và cách chẩn đoán bệnh theo y học cổ truyền

2. Nội dung

2.1. Nguyên nhân

2.1.1. Ngoại nhân

2.1.2. Nội nhân

2.2. Tứ chẩn

- 2.2.1. Vọng
- 2.2.2. Văn chân
- 2.2.3. Vắn chân
- 2.2.4. Thiết

Chương 3: Đại cương về thuốc y học cổ truyền

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được định nghĩa, tứ khí, ngũ vị, sự quy kinh của vị thuốc

2. Nội dung

- 2.1. Định nghĩa
- 2.2. Tứ khí
- 2.3. Ngũ vị
- 2.4. Sự quy kinh của vị thuốc

Chương 4: Phân loại thuốc cổ truyền

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các phương pháp phân loại, Các loại thuốc cổ truyền, nhận biết các vị thuốc

2. Nội dung

- 2.1. Các phương pháp phân loại
 - 2.1.1. Phân loại theo tính chất
 - 2.1.2. Phân loại theo tính vị
 - 2.1.3. Phân loại theo công năng
- 2.2. Các loại thuốc cổ truyền
 - 2.2.1. Thuốc giải biểu, Thuốc trừ hàn
 - 2.2.2. Thuốc thanh nhiệt, Thuốc hóa đàm, chỉ ho, bình suyễn
 - 2.2.3. Thuốc an thần, Thuốc thấp
 - 2.2.4. Thuốc về huyết, Thuốc bổ

Chương 5: Chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được mục đích, các phương pháp chế biến, phụ liệu, thực hiện một số phương pháp chế biến cổ truyền.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
 - 2.1.1. Mục đích
 - 2.1.2. Các phương pháp chế biến
 - 2.1.3. Phụ liệu
- 2.2. Chế biến một số vị thuốc
 - 2.2.1. Phụ tử
 - 2.2.2. Sinh địa, thục địa
 - 2.2.3. Hà thủ ô
 - 2.2.4. Bán hạ

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Dược học cổ truyền

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ thuốc, các loại cây thuốc mẫu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình: Dược học cổ truyền

- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học

4. *Các điều kiện khác.* Đến nhà thuốc đông y, vườn thuốc thăm quan.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về một số học thuyết y học cổ truyền, thuốc y học cổ truyền; cách chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền.

- *Kỹ năng:*

+ Nhận biết và lựa chọn các vị thuốc vào điều trị các chứng và bệnh thường gặp.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Chấp hành nghiêm túc quy chế đào tạo.

+ Rèn luyện được tính kiên trì thái độ ân cần, thông cảm khi thăm khám theo phương pháp vọng, văn, vấn, thiết trên người bệnh.

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học: kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Dược học cổ truyền” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* các học thuyết: âm dương; ngũ hành; tạng tượng; kinh lạc; nguyên nhân gây bệnh và chẩn đoán theo y học; chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền.

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình dược học cổ truyền- Trường Đại học Dược Hà Nội.

- Giáo trình dược liệu- Trường Đại học Dược Hà Nội, 2010 .

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KIỂM NGHIỆM THUỐC

Mã môn học: MH 28

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; thực hành 0 giờ, Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Kiểm nghiệm thuốc thường được bố trí học sau môn học Dược học cổ truyền trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn học chuyên ngành, nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về chất lượng thuốc, các phương pháp kiểm nghiệm thuốc. Nội dung nhằm tạo cho sinh viên khả năng thực hiện kiểm nghiệm các dạng thuốc dùng trên lâm sàng.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức:

- Trình bày được những lý luận cơ bản của kiểm nghiệm thuốc,
- Phân tích được những phương pháp kiểm nghiệm thuốc
- Mô tả được kết quả kiểm nghiệm thuốc

2. Về kỹ năng:

- Thực hiện được kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hóa học, phương pháp sinh học, phương pháp hóa lý
- Lấy mẫu kiểm tra đúng phương pháp

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Ý thức tuân thủ quy trình chuẩn khi thực hiện các thao tác kiểm nghiệm để đảm bảo độ chính xác và an toàn.
- Tinh thần trách nhiệm cao trong việc ghi nhận, phân tích và báo cáo kết quả kiểm nghiệm trung thực, khách quan.
- Chủ động phát hiện và xử lý kịp thời các sai sót kỹ thuật hoặc bất thường trong quá trình kiểm nghiệm thuốc.
- Tinh thần cầu thị, tự học, sẵn sàng cập nhật các phương pháp kiểm nghiệm mới, công nghệ mới trong lĩnh vực phân tích thuốc.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội Dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Chương 1. Đại cương	3	3		
	1. Chất lượng thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc				
	2. Công tác tiêu chuẩn hóa				
	3. Kiểm nghiệm thuốc theo tiêu chuẩn				
2	Chương 2: Kiểm nghiệm thuốc bằng các phương pháp hóa học	5	5		
	1. Các phản ứng định tính				

	2. Thử giới hạn các tạp chất trong thuốc				
	3. Chuẩn độ acid – base trong môi trường khan				
	4. Xác định hàm lượng nước bằng thuốc thử Karl fischer				
	5. Định lượng một số chất hữu cơ đa chức bằng thuốc thử periodat				
	6. Ứng dụng cặp ion trong kiểm nghiệm thuốc				
3	Chương 3. Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc 1. Phương pháp quang phổ phân tử 2. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)	3	3		
4	Chương 4. Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp sinh học 1. Mở đầu 2. Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp thử trên động vật 3. Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp thử vi sinh vật	3	3		
5	Chương 5. Kiểm nghiệm các dạng bào chế 1. Kiểm nghiệm thuốc bột 2. Kiểm nghiệm thuốc viên nang 3. Kiểm nghiệm thuốc viên nén 4. Kiểm nghiệm thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền 5. Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt 6. Kiểm nghiệm thuốc uống dạng lỏng 7. Kiểm nghiệm thuốc mỡ 8. Kiểm nghiệm thuốc đạn, thuốc trứng 9. Thử độ hòa tan của viên nén, viên nang 10. Thử độ tan rã của viên nén, viên nang	10	10		
6	Chương 6. Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc 1. Quá trình phát triển nghiên cứu độ ổn định của thuốc 2. Đại cương về độ ổn định của thuốc	6	5		1

	3. Động hóa học dung dịch				
	4. Xác định độ ổn định của thuốc				
	5. Các dược chất kém bền vững				
	Tổng Cộng	30	29	0	1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương.

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các yêu cầu về chất lượng thuốc, các tiêu chuẩn hóa trong kiểm nghiệm thuốc, cách lấy mẫu kiểm tra

2. Nội dung

2.1. Chất lượng và đảm bảo chất lượng

2.1.1. Thuốc và yêu cầu chất lượng

2.1.2. Kiểm tra chất lượng thuốc

2.1.3. Hệ thống tổ chức kiểm tra chất lượng thuốc

2.2. Công tác tiêu chuẩn hóa

2.2.1. Khái niệm

2.2.2. Công tác xây dựng tiêu chuẩn

2.2.3. Công tác áp dụng tiêu chuẩn trong thực tế

2.4. Giới thiệu Dược điển Việt Nam

2.3. Khái niệm thuốc theo tiêu chuẩn

2.3.1. Lấy mẫu kiểm tra

2.3.2. Tiến hành kiểm nghiệm

2.4. Nội dung chính của thực hành tốt phòng kiểm nghiệm (GLP)

Chương 2: Kiểm nghiệm thuốc bằng các phương pháp hóa học

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các phản ứng định tính, biết cách thử các giới hạn tạp chất trong thuốc, trình bày được chuẩn độ acid – base trong môi trường khan, một số phương pháp thử bằng các thuốc thử...

2. Nội dung

2.1. Các phản ứng định tính

2.2. Thử giới hạn các tạp chất trong thuốc

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Phương pháp xác định giới hạn tạp chất trong thuốc

2.2.3. Một số thuốc thử trong các phản ứng hóa học để xác định giới hạn tạp chất.

2.3. Chuẩn độ acid – base trong môi trường khan

2.3.1. Vai trò của dung môi

2.3.2. Khái niệm pH

2.3.3. Xác định điểm tương đương

2.3.4. Ứng dụng kiểm nghiệm thuốc

2.4. Xác định hàm lượng nước bằng thuốc thử Karl fischer

2.4.1. Nguyên tắc

2.4.2. Pha chế và xác định độ chuẩn

2.4.3. Xác định điểm tương đương

2.4.4. Ứng dụng

2.5. Định lượng một số chất hữu cơ đa chức bằng thuốc thử periodat

2.6. Ứng dụng cặp ion trong kiểm nghiệm thuốc.

Chương 3: Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc.

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được phương pháp quang phổ phân tử, phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao

2. Nội dung

2.1. Phương pháp quang phổ phân tử

2.1.1. Quang phổ hấp thụ UV - VIS

2.1.2. Quang phổ hồng ngoại (RI)

2.1.3. Quang phổ huỳnh quang

2.2. Phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)

2.2.1. Các thông số đặc trưng của quá trình sắc ký

2.2.2. Máy HPLC

2.2.3. Các kỹ thuật HPLC

2.2.4. Hướng dẫn chọn kỹ thuật HPLC

2.2.5. Chuẩn hóa cột HPLC

2.2.6. Định lượng bằng phương pháp HPLC

2.2.7. Các phương pháp định lượng

Chương 4: Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp sinh học.

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp thử trên động vật, bằng phương pháp thử vi sinh vật

2. Nội dung

2.1. Mở đầu

2.1.1. Nguyên tắc

2.1.2. Chất chuẩn

2.1.3. Đánh giá kết quả

2.2. Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp thử trên động vật

2.3. Kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp thử vi sinh vật

2.3.1. Đại cương về vi sinh vật

2.3.2. Môi trường nuôi cấy vi sinh vật

2.3.3. Thử vô trùng

2.3.4. Thử giới hạn vi sinh vật

2.3.5. Xác định hoạt lực kháng sinh bằng phương pháp thử vi sinh vật.

Chương 5: Kiểm nghiệm các dạng bào chế

Thời gian: 10 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được kiểm nghiệm các dạng thuốc bột, thuốc viên nang, viên nén, thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền, thuốc nhỏ mắt, thuốc uống dạng lỏng, thuốc mỡ,....

2. Nội dung:

2.1. Kiểm nghiệm thuốc bột

2.2. Kiểm nghiệm thuốc viên nang

2.3. Kiểm nghiệm thuốc viên nén

2.4. Kiểm nghiệm thuốc tiêm, thuốc tiêm truyền

2.5. Kiểm nghiệm thuốc nhỏ mắt

- 2.6. Kiểm nghiệm thuốc uống dạng lỏng
- 2.7. Kiểm nghiệm thuốc mỡ
- 2.8. Kiểm nghiệm thuốc đạn, thuốc trứng
- 2.9. Thử độ hòa tan của viên nén và viên nang
- 2.10. Thử độ rã của viên, nén viên nang

Chương 6. Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc

Thời gian 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được quá trình phát triển nghiên cứu ổn định của thuốc, động hóa học dung dịch, xác định ổn định của thuốc...

2. Nội dung

- 2.1. Quá trình phát triển nghiên cứu ổn định của thuốc.
- 2.2. Đại cương về độ ổn định của thuốc
 - 2.2.1. Định nghĩa
 - 2.2.2. Một số thuật ngữ liên quan
 - 2.2.3. Mục tiêu đánh giá độ ổn định
 - 2.2.4. Tiêu chuẩn đánh giá độ ổn định
 - 2.2.5. Phân vùng khí hậu
- 2.3. Động hóa học dung dịch
 - 2.3.1. Bậc của phản ứng
 - 2.3.2. Ảnh hưởng của nhiệt độ
- 2.4. Xác định độ ổn định của thuốc
 - 2.4.1. Lấy mẫu
 - 2.4.2. Phương pháp thử cấp tốc
 - 2.4.3. Phương pháp thử dài hạn
 - 2.4.4. Phương pháp phân tích đánh giá kết quả
- 2.5. Các dược chất kém bền vững

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Kiểm nghiệm thuốc

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ thuốc, các loại cây thuốc mẫu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình: Kiểm nghiệm thuốc
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học

4. Các điều kiện khác. Đến công ty dược tham quan.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về chất lượng thuốc và đảm bảo chất lượng thuốc; kiểm nghiệm thuốc bằng các phương pháp hoá học; kiểm nghiệm các dạng bào chế.

- *Kỹ năng:*

+ Thực hiện kiểm nghiệm thuốc, độ ổn định và tuổi thọ của thuốc

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Tinh thần trách nhiệm trong việc ghi nhận, phân tích và báo cáo kết quả kiểm nghiệm trung thực, khách quan.

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Kiểm nghiệm thuốc” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng Dược.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc; kiểm nghiệm thuốc bằng phương pháp hoá học; hoá lý; sinh học.

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình kiểm nghiệm thuốc

- Trường Đại học Dược Hà Nội.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: BẢO CHẾ 2

Mã mô đun: MĐ 29

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Mô đun Bảo chế 2 thường được bố trí học sau môn học Kiểm nghiệm thuốc trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: là mô đun chuyên ngành nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức và kỹ năng cơ bản về : Khái niệm, thành phần, ưu nhược điểm, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật bào chế các dạng thuốc thường dùng. Mô đun vừa có lý thuyết, vừa có thực hành.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức:

- Trình bày được ưu, nhược điểm và thành phần các dạng thuốc;
- Phân tích được kỹ thuật bào chế và tiêu chuẩn chất lượng của các dạng thuốc;
- Mô tả được kết quả bào chế các dạng thuốc

2. Về kỹ năng:

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật cơ bản trong bào chế các dạng thuốc phổ biến: tạo viên, dập viên, đóng nang, bào chế thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt.
- Kỹ năng điều chỉnh công thức và quy trình khi có biến đổi về nguyên liệu hoặc yêu cầu sản phẩm.
- Kỹ năng vận hành, sử dụng thiết bị, dụng cụ bào chế cơ bản trong phòng thí nghiệm.
- Thực hiện được các phương pháp kiểm tra chất lượng đơn giản trên sản phẩm bào chế (ví dụ: đo độ tan, độ rã, độ đồng đều khối lượng...).

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Tinh thần tuân thủ nghiêm ngặt quy trình thao tác chuẩn trong bào chế để đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm.
- Ý thức trách nhiệm đối với việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng thông qua việc bào chế thuốc đạt tiêu chuẩn.
- Chủ động phát hiện, phân tích và xử lý sự cố trong quá trình bào chế (ví dụ: viên nén bị nứt, thuốc tiêm bị đục...).
- Tích cực tự học, tự nghiên cứu nhằm cập nhật các công nghệ bào chế thuốc mới.
- Phối hợp hiệu quả với nhóm làm việc, chia sẻ thông tin khoa học, và tôn trọng đạo đức nghề nghiệp trong sản xuất thuốc.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội Dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Thuốc đặt	7	2	5	
	1. Đại cương				
	2. Thành phần				

TT	Nội Dung	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	3. Kỹ thuật bào chế; Tiêu chuẩn chất lượng				
	4. Một số công thức thuốc đặt				
2	Bài 2: Thuốc bột	8	2	6	
	1. Đại cương				
	2. Thành phần				
	3. Kỹ thuật bào chế; Tiêu chuẩn chất lượng				
	4. Một số công thức thuốc bột				
3	Bài 3: Thuốc cốm-hạt-pellet	5	2	3	
	1. Đại cương				
	2. Thành phần				
	3. Kỹ thuật bào chế; Tiêu chuẩn chất lượng				
	4. Một số công thức thuốc				
4	Bài 4: Thuốc viên tròn	8	2	5	1
	1. Đại cương				
	2. Thành phần				
	3. Kỹ thuật bào chế; Tiêu chuẩn chất lượng				
	4. Một số công thức thuốc tròn				
5	Bài 5: Thuốc viên nén	8	3	5	
	1. Đại cương				
	2. Thành phần				
	3. Kỹ thuật bào chế; Tiêu chuẩn chất lượng				
	4. Một số công thức thuốc nén				
6	Bài 6: Thuốc nang	9	3	5	1
	1. Đại cương				
	2. Thành phần				
	3. Kỹ thuật bào chế; Tiêu chuẩn chất lượng				
	4. Một số công thức thuốc nang thuốc				
	Tổng cộng	45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Thuốc đặt

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm thuốc đặt, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Thành phần
 - 2.2.1. Dược chất
 - 2.2.2. Tá dược, bao bì
- 2.3. Kỹ thuật bào chế; tiêu chuẩn chất lượng
 - 2.3.1. Kỹ thuật bào chế
 - 2.3.2. Tiêu chuẩn chất lượng
- 2.4. Một số công thức thuốc đặt

Bài 2: Thuốc bột

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm thuốc bột, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Thành phần
 - 2.2.1. Dược chất
 - 2.2.2. Tá dược, bao bì
- 2.3. Kỹ thuật bào chế; tiêu chuẩn chất lượng
 - 2.3.1. Kỹ thuật bào chế
 - 2.3.2. Tiêu chuẩn chất lượng
- 2.4. Một số công thức thuốc bột

Bài 3: Thuốc cốm-hạt-pellet

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm thuốc cốm-hạt-pellet, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Thành phần
 - 2.2.1. Dược chất
 - 2.2.2. Tá dược, bao bì
- 2.3. Kỹ thuật bào chế; tiêu chuẩn chất lượng
 - 2.3.1. Kỹ thuật bào chế
 - 2.3.2. Tiêu chuẩn chất lượng
- 2.4. Một số công thức thuốc

Bài 4: Thuốc viên tròn

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm thuốc viên tròn, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung:

- 2.1. Đại cương
- 2.2. Thành phần
 - 2.2.1. Dược chất
 - 2.2.2. Tá dược, bao bì
- 2.3. Kỹ thuật bào chế; tiêu chuẩn chất lượng
 - 2.3.1. Kỹ thuật bào chế
 - 2.3.2. Tiêu chuẩn chất lượng

2.4. Một số công thức thuốc

Bài 5: Thuốc viên nén

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm thuốc viên nén, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Thành phần

2.2.1. Dược chất

2.2.2. Tá dược, bao bì

2.3. Kỹ thuật bào chế; tiêu chuẩn chất lượng

2.3.1. Kỹ thuật bào chế

2.3.2. Tiêu chuẩn chất lượng

2.4. Một số công thức thuốc viên nén.

Bài 6: Thuốc nang

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm thuốc viên nang, kỹ thuật bào chế, tá dược, dung môi thường dùng, phân tích 1 số công thức bào chế.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Thành phần

2.2.1. Dược chất

2.2.2. Tá dược, bao bì

2.3. Kỹ thuật bào chế; tiêu chuẩn chất lượng

2.3.1. Kỹ thuật bào chế

2.3.2. Tiêu chuẩn chất lượng

2.4. Một số công thức thuốc viên nang

IV. Điều kiện thực hiện mô đun

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho mô đun: Bào chế 2

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ thuốc, các loại cây thuốc mẫu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình: Bào chế 2
 - Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học
 - Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly
- 4. Các điều kiện khác.* Đèn công ty được thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về thành phần, kỹ thuật bào chế, tiêu chuẩn chất lượng của các dạng thuốc thuốc đặt, thuốc bột, thuốc cốm, thuốc nang,...
- *Kỹ năng:*
 - + Thực hiện bào chế một số dạng thuốc cụ thể với qui mô phòng thí nghiệm.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

- + Tinh thần tuân thủ nghiêm ngặt quy trình thao tác chuẩn trong bào chế đảm bảo chất lượng và an toàn sản phẩm.
- + Ý thức trách nhiệm đối với việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng thông qua việc bào chế thuốc đạt tiêu chuẩn.

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun “Bào chế 2” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các hóa chất thí nghiệm, các bước lấy mẫu đúng quy định, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: kỹ thuật bào chế thuốc bột; thuốc cốm; thuốc viên tròn; thuốc viên nén;....

4. Tài liệu học tập:

- Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc (tập 1,2)
- Bộ Y tế- NXBYH, 2008.
- Dược điển Việt Nam, Mỹ, Nga;
- Bào chế hiện đại -Đại học dược Hà Nội 2010

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun:

Mã mô đun: MĐ 30

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Mô đun Hóa dược 2 thường được bố trí học sau mô đun Bào chế 2 trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là mô đun chuyên ngành giúp sinh viên có được những kiến thức, kỹ năng cơ bản về: công thức cấu tạo, nguyên tắc điều chế, các tính chất lý hóa học, các phương pháp kiểm nghiệm và công dụng của các nhóm thuốc chính và các thuốc thông thường trong mỗi nhóm để phòng và điều trị bệnh.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

- Trình bày được: nguồn gốc, phân loại, cấu tạo hóa học, tính chất lý, hóa và tác dụng sinh học chung của một số nhóm thuốc chính dùng trong điều trị bệnh.

- Phân tích được: Công thức cấu tạo, phương pháp điều chế, tính chất lý hóa học.

- Mô tả được ứng dụng các tính chất đó trong pha chế, bảo quản, kiểm nghiệm, chỉ định điều trị của một số thuốc cụ thể;

2. Về kỹ năng

- Vận dụng được kiến thức hóa học để giải thích các vấn đề trong thực tiễn sử dụng thuốc: tính bền vững, khả năng hấp thu, độc tính...

- Thực hiện được một số phản ứng hóa học cơ bản trong tổng hợp hoặc biến đổi hoạt chất trong điều kiện phòng thí nghiệm

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tinh thần tự học, tự nghiên cứu tài liệu chuyên ngành hóa dược (tiếng Việt và tiếng Anh).

- Ý thức trách nhiệm trong việc áp dụng kiến thức hóa dược để đảm bảo sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả.

- Chủ động phân tích, nhận xét, đề xuất cải tiến công thức, hoạt chất nhằm tối ưu hóa tác dụng điều trị.

- Tôn trọng nguyên tắc khoa học và đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu, phát triển và sử dụng thuốc.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Thuốc kháng sinh và kháng khuẩn	15	15		
	1. Kháng sinh beta lactam;				
	2. Kháng sinh aminosid;				
	3. Kháng sinh tetracycline; chloramphenicol				

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	4. Kháng sinh polypeptid; quinolon				
	5. Kháng sinh macrolid; lincosamid				
2	Bài 2: Thuốc điều trị nấm Thời gian, bệnh do kí sinh trùng:	5	5		
	1. Thuốc trị nấm				
	2. Thuốc điều trị bệnh do ký sinh trùng				
3	Bài 3: Thuốc chống virus	4	4		
	1. Đại cương;				
	2. Các thuốc điển hình.				
4	Bài 4: Thuốc vaccin	6	5		1
	1. Khái niệm				
	2. Các loại vaccin				
Phần Thực Hành					
6	Bài 1: Kiểm nghiệm Glucose, định tính mannitol	5		5	
	1. Định tính				
	2. Định lượng glucose				
7	Bài 2: Kiểm nghiệm Procain hydroclorid	5		5	
	1. Định tính				
	2. Định lượng procain bằng chuẩn độ nitrit				
8	Bài 3: Kiểm nghiệm thiamin	5		5	
	1. Định tính				
	2. Định lượng				
9	Bài 4: Kiểm nghiệm isoniazid	5		5	
	1. Định tính				
	2. Định lượng				
10	Bài 5: Kiểm nghiệm mebendazole,	5		5	
	1. Định tính				
	2. Định lượng				
11	Bài 6: Định tính metronidazol	5		4	1
	1. Định tính				
	2. Định lượng				
	Tổng cộng:	60	29	29	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Thuốc kháng sinh và kháng khuẩn

Thời gian: 15 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được phân loại thuốc. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Kháng sinh beta lactam;

2.1.1. Cấu trúc, phân loại

2.1.2. Tính chất, Tác dụng, định tính, định lượng

2.2. Kháng sinh aminosid;

2.2.1. Cấu trúc, phân loại

2.2.2. Tính chất, Tác dụng, định tính, định lượng

2.3. Kháng sinh tetracycline; chloramphenicol

2.3.1. Cấu trúc, phân loại

2.3.2. Tính chất, Tác dụng, định tính, định lượng

2.4. Kháng sinh polypeptid; quinolon

2.4.1. Cấu trúc, phân loại

2.4.2. Tính chất, Tác dụng, định tính, định lượng

2.5. Kháng sinh macrolid; lincosamid

2.5.1. Cấu trúc, phân loại

2.5.2. Tính chất, Tác dụng, định tính, định lượng

Bài 2: Thuốc điều trị nấm Thời gian, bệnh do kí sinh trùng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được phân loại thuốc. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Thuốc trị nấm

2.1.1. Các Azol: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định.

2.1.2. Allyl Amin và dẫn chất: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định.

2.1.3. Kháng sinh chống nấm: cấu trúc, phân loại tính chất, tác dụng, chỉ định.

2.2. Thuốc điều trị bệnh do ký sinh trùng

2.2.1. Thuốc điều trị bệnh giun sán;

2.2.2. Thuốc điều trị bệnh sốt rét;

2.2.3. Thuốc điều trị lỵ amip và trichomonas.

Bài 3: Thuốc chống virus

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được phân loại thuốc. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Đại cương

2.2. Các thuốc điển hình.

Bài 4: Thuốc vaccin

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày phân loại thuốc. Vẽ, đọc tên, trình bày tính chất của 1 số thuốc.

2. Nội dung

1. Khái niệm

2.1. Các loại vaccin

2.1.1. Vaccin phòng đại

2.1.2. Vaccin phòng sởi, bạch hầu

2.1.3. Vaccin phòng cúm

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Kiểm nghiệm Glucose, định tính mannitol

Thời gian: 5 giờ

1. **Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này sinh viên làm được các phản ứng định tính, định lượng để kiểm nghiệm Glucose, định tính mannitol .

2. **Nội dung**

2.1. Định tính định tính glucose, mannitol

2.2. Định lượng Glucose bằng phương pháp oxi - kh

Bài 2: Kiểm nghiệm Procain hydroclorid

Thời gian: 5 giờ

1. **Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này sinh viên làm được các phản ứng định tính, định lượng để kiểm nghiệm Procain hydroclorid .

2. **Nội dung**

2.1. Định tính

2.2. Định lượng

Bài 3: Kiểm nghiệm thiamin

Thời gian: 5 giờ

1. **Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này sinh viên làm được các phản ứng định tính, định lượng để kiểm nghiệm thiamin.

2. **Nội dung**

2.1. Định tính

2.2. Định lượng

Bài 4: Kiểm nghiệm isoniazid

Thời gian: 5 giờ

1. **Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này sinh viên làm được các phản ứng định tính, định lượng để kiểm nghiệm isoniazid.

2. **Nội dung**

2.1. Định tính

2.2. Định lượng

Bài 5: Kiểm nghiệm mebendazole

Thời gian: 5 giờ

1. **Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này sinh viên làm được các phản ứng định tính, định lượng để kiểm nghiệm mebendazole.

2. **Nội dung**

2.1. Định tính mebendazol

2.2. Định lượng mebendazol

Bài 6: Định tính metronidazol

Thời gian: 4 giờ

1. **Mục tiêu:** Sau khi học xong bài này sinh viên làm được các phản ứng định tính metronidazol, định tính metronidazol.

2. **Nội dung**

2.1. Định tính metronidazol.

2.2. Kiểm tra thực hành

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. *Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:*

Phòng học chuyên dùng cho mô đun: Hóa dược 2

2. *Trang thiết bị máy móc:*

- Máy chiếu Projector

- Máy tính, bảng, phấn bảng

- Tủ thuốc, các loại cây thuốc mẫu

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:*

- Giáo trình: Hóa dược 2

- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học
 - Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly
4. Các điều kiện khác. Đến công ty dược thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về công thức; tính chất hoá học thuốc kháng sinh; kháng khuẩn; thuốc chống virus;.....
- *Kỹ năng:* Thực hiện một số phản ứng hóa học cơ bản trong tổng hợp hoặc biến đổi hoạt chất trong điều kiện phòng thí nghiệm.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
Chủ động phân tích, nhận xét, đề xuất cải tiến công thức, hoạt chất nhằm tối ưu hóa tác dụng điều trị.

2. Phương pháp:

- Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:
- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
 - Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun “Hóa dược 2” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các hóa chất thí nghiệm, các bước lấy mẫu đúng qui định, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Thuốc kháng sinh và kháng khuẩn; thuốc điều trị nấm; thuốc vacxin;...

4. Tài liệu học tập:

- Hóa dược tập I, II- Trường Đại học Dược Hà Nội NXBYH.
- Dược điển Việt Nam, Mỹ, Nga
- Hóa dược - Trần Đức Hậu NXBYH Hà Nội, 2007.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: DƯỢC LIỆU 2

Mã mô đun: MĐ 31

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun

1. Vị trí: Mô đun Dược liệu 2 thường được bố trí học sau mô đun Hóa dược 2 trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là mô đun chuyên ngành tập trung giới thiệu về hệ thống phân loại các nhóm chất, cấu trúc và các phân nhóm dựa theo cấu trúc; các phương pháp kiểm nghiệm dược liệu; giới thiệu về các cây thuốc, vị thuốc. Mô đun vừa có lý thuyết vừa có thực hành.

II. Mục tiêu mô đun:

1. Về kiến thức

- Trình bày được: Hệ thống phân loại các nhóm chất theo thành phần hóa học;
- Phân tích được: Nguồn gốc, thành phần hóa học, kiểm nghiệm, của một số dược liệu thường dùng;
- Mô tả được tác dụng của một số dược liệu thường dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được khoảng 80 dược liệu thường dùng;
- Thực hiện được các thao tác cơ bản trong kiểm nghiệm dược liệu bằng kính hiển vi và bằng phương pháp hóa học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Ý thức bảo tồn và khai thác hợp lý nguồn dược liệu, tôn trọng giá trị tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học.
- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình phân loại, kiểm nghiệm và đánh giá chất lượng dược liệu, đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy trong công tác chuyên môn.
- Chủ động tìm hiểu, cập nhật kiến thức về dược liệu mới, các phương pháp chiết xuất, kiểm nghiệm, và ứng dụng hiện đại trong sử dụng dược liệu.
- Tinh thần trách nhiệm trong việc xác định, sử dụng đúng chủng loại dược liệu, tránh gây nhầm lẫn dẫn đến hậu quả cho sức khỏe cộng đồng.
- Năng lực làm việc nhóm trong khảo sát, nghiên cứu, kiểm nghiệm và phát triển sản phẩm từ dược liệu.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	Bài 1: Dược liệu chứa Flavonoid	3	3		
	1. Định nghĩa, cấu trúc; phân loại				
	2. Dược liệu chứa Flavonoid.				
	Bài 2: Dược liệu chứa Coumarin, Tannin	3	3		
	1. Dược liệu chứa Coumarin				

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2. Dược liệu chứa Tanin				
	Bài 3: Dược liệu chứa Alcaloid	4	4		
	1. Định nghĩa, cấu trúc; phân loại;				
	2. Dược liệu chứa Alcaloid.				
	Bài 4: Dược liệu chứa tinh dầu, nhựa, chất béo	5	4		1
	1. Dược liệu chứa tinh dầu				
	2. Dược liệu nhựa, chất béo				
Phần Thực Hành					
	Bài 1: Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hóa học	5		5	
	1. Định tính Anthranoid trong dược liệu bằng các phản ứng hóa học;				
	2. Làm vi thăng hoa;				
	3. Nhận biết dược liệu				
	Bài 2: Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hóa học	6		6	
	1. Định tính Flavonoid trong dược liệu bằng các phản ứng hóa học;				
	2. Định tính Tanin trong dược liệu bằng các phản ứng hóa học;				
	3. Nhận biết dược liệu				
	Bài 3: Định tính Alcaloid trong dược liệu	6		6	
	1. Định tính Alcaloid trong hạt Mã tiền bằng thuốc thử chung và thuốc thử đặc hiệu (để phân biệt Strychnin và Brucin)				
	2. Nhận biết dược liệu				
	Bài 4: Kiểm nghiệm chất béo trong dược liệu	6		6	
	1. Định lượng chất béo trong hạt Vừng (bằng dụng cụ Zaichenko, Soxhlet);				
	2. Nhận biết dược liệu				
	Bài 5: Kiểm nghiệm tinh dầu trong dược liệu	7		6	1
	1. Định lượng tinh dầu trong vỏ Quýt, lá Bạch đàn				
	2. Nhận biết dược liệu				
	Tổng cộng	45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết:

PHẦN LÝ THUYẾT

Bài 1: Dược liệu chứa Flavonoid

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, cấu trúc; phân loại:

2.2. Dược liệu chứa Flavonoid: nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình

Bài 2: Dược liệu chứa Coumarin, tanin

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, cấu trúc; phân loại:

2.2. Dược liệu chứa Coumarin, tanin: nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình

Bài 3: Dược liệu chứa Alcaloid

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên cần trình bày các cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, cấu trúc; phân loại, định tính, định lượng:

2.2. Dược liệu chứa Alcaloid: nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình

Bài 4: Dược liệu chứa tinh dầu, nhựa, chất béo

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các cấu trúc, nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình.

2. Nội dung:

2.1. Định nghĩa, cấu trúc; phân loại, định tính, định lượng:

2.2. Dược liệu chứa tinh dầu, nhựa, chất béo: nguồn gốc, tác dụng, một số dược liệu điển hình

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hóa học

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên định tính được Anthranoid. Nhận biết được dược liệu.

2. Nội dung:

- Định tính Anthranoid trong dược liệu bằng các phản ứng hóa học;

- Làm vi thăng hoa;

- Nhận biết dược liệu: Thông thảo, Hương phụ, Tri mẫu, Trắc bách diệp, Tô mộc, Xạ căn, Kim anh tử, Cốt toái, Nhân sâm, Sinh địa, Tam thất, Thục địa.

Bài 2: Kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp hóa học

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên định tính được Flavonoid, Tanin. Nhận biết được dược liệu.

2. Nội dung:

2.1. Định tính Flavonoid trong dược liệu bằng các phản ứng hóa học;

2.2. Định tính Tanin trong dược liệu bằng các phản ứng hóa học;

2.3. Nhận biết dược liệu: Sơn thù, Táo nhân, Sa sâm, Ba kích, Đan sâm, Đảng sâm, Hoàng cầm, Phòng phong, Hoàng kỳ, Hồng hoa, Huyền sâm, Tắc kè.

Bài 3: Định tính Alcaloid trong dược liệu

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên định tính được Alcaloid. Nhận biết được dược liệu.

2. Nội dung:

2.1. Định tính Alcaloid trong hạt Mã tiền bằng thuốc thử chung và thuốc thử đặc hiệu (để phân biệt Strychnin và Brucin)

2.2. Nhận biết dược liệu: Câu đằng, Lựu (tươi), Cỏ sữa nhỏ lá, cỏ sữa lớn lá, hạt Keo giậu, Tục đoạn, Thỏ ty tử, Câu kỷ tử, Chỉ xác, Chỉ thực.

Bài 4: Kiểm nghiệm chất béo trong dược liệu

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên định lượng được chất béo. Nhận biết được dược liệu.

2. Nội dung:

2.1. Định lượng chất béo trong hạt Vừng (bằng dụng cụ Zaichenko, Soxhlet);

2.2. Nhận biết dược liệu: Thầu dầu (tươi), sáp ong, Sủ quân tử, Xương bồ, Kinh giới, Thiên niên kiện, Thảo quả, Tiểu hồi, Hương nhu trắng (tươi), Hương nhu tía.

Bài 5: Kiểm nghiệm tinh dầu trong dược liệu

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên định lượng được tinh dầu. Nhận biết được dược liệu.

2. Nội dung:

2.1. Định lượng tinh dầu trong vỏ Quýt, lá Bạch đàn...;

2.2. Nhận biết dược liệu: Đại hồi, Tiền hồ, Hương phụ, Long não(tươi), Ngô thù du, Tế tân, Sài hồ (Nam, bắc), Địa liên, Bạch truật, Xuyên khung.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. *Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:*

Phòng học chuyên dùng cho mô đun: Dược liệu 2

2. *Trang thiết bị máy móc:*

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ thuốc, các loại thuốc mẫu

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:*

- Giáo trình: Dược liệu 2
 - Các slide, tranh vẽ liên quan đến mô đun
 - Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly
4. *Các điều kiện khác.* Đến công ty dược thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về cấu trúc, phân loại các dược liệu chứa Flavonoid; tinh dầu, nhựa; chất béo;....

- *Kỹ năng:*

+ Nhận biết và hướng dẫn sử dụng các dược liệu thường dùng;

+ Thực hiện các thao tác cơ bản trong kiểm nghiệm dược liệu bằng kính hiển vi và bằng phương pháp hóa học.

- *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình phân loại, kiểm nghiệm và đánh giá chất lượng dược liệu.

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%

- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun “Dược liệu 2” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các hóa chất thí nghiệm, các bước lấy mẫu đúng quy định, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: cấu trúc dược liệu chứa alkaloid; coumarin;....

4. Tài liệu học tập:

- Bài giảng dược liệu (tập I,II) - Trường Đại học Dược Hà Nội- NXBYH, 2002.

- Dược điển Việt Nam;

- Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam - Đỗ Tất Lợi,- NXBYH Hà Nội, 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Dược lý học 2

Mã mô đun: MĐ 32

Thời gian thực hiện mô đun: 60 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Mô đun Dược lý học 2 thường được bố trí học sau mô đun Dược liệu 2 trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là mô đun chuyên ngành giúp sinh viên có được những kiến thức về tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm, liều dùng của các nhóm thuốc cụ thể.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm chung về tác dụng, cơ chế tác dụng, lưu ý của các nhóm thuốc.
- Phân tích được Dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác của một số thuốc trong các nhóm.
- Mô tả được chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng của một số thuốc trong các nhóm.

2. Về kỹ năng

Làm được một số thực nghiệm để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc và chứng minh tác dụng của thuốc trên một số cơ quan cụ thể và nhận thức được một số thuốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Ý thức trách nhiệm trong việc vận dụng kiến thức dược lý vào việc hướng dẫn, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả cho người bệnh.
- Chủ động học tập và cập nhật kiến thức mới về thuốc (cơ chế tác động, tác dụng phụ, tương tác thuốc, chỉ định, chống chỉ định) để phù hợp với sự thay đổi nhanh chóng của y học và dược học.
- Tinh thần trung thực, khách quan trong tiếp cận các thông tin về thuốc.

III. Nội dung mô đun:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
A	Lý thuyết				
1	Bài 1: Thuốc kháng sinh 1. Khái niệm, phân loại kháng sinh, nguyên tắc sử dụng kháng sinh; 2. Thuốc kháng sinh Beta lac tam	5	5		
2	Bài 2: Thuốc hormone 1. Hormon tuyến thượng thận, tuyến sinh dục, tuyến giáp 2. Thuốc điều trị bệnh tiểu đường:	5	5		

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
3	Bài 3: Thuốc điều trị giun sán, Thuốc dùng ngoài 1. Thuốc điều trị giun sán 2. Thuốc dùng ngoài	5	5		
4	Bài 4: Thuốc điều trị nấm 1. Thuốc điều trị nấm 2. Thuốc điều trị bệnh do ký sinh trùng	5	5		
5	Bài 5: Thuốc chống virus 1. Đại cương 2. Các thuốc điển hình.	5	5		
6	Bài 6: Thuốc vacxin 1. Khái niệm 2. Các loại vacxin	5	4		1
B	Thực hành				
1	Bài 1: Tác dụng của adrenalin trên mạch	6		6	
2	Bài 2: Ảnh hưởng của ảnh hưởng của giống đực và giống cái đến tác dụng của thuốc	6		6	
3	Bài 3: Ảnh hưởng của pH đến tác dụng của thuốc	6		6	
4	Bài 4: Nhận thức thuốc kháng sinh macrolid, quinolon, penicillin, polypeptide	6		6	
5	Bài 5: Nhận thức thuốc dùng ngoài, thuốc trị giun sán	6		5	1
	Tổng cộng (LT&TH):	60	29	29	2

2. Nội dung chi tiết

Bài 1: Thuốc kháng sinh

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm, phân loại kháng sinh, nguyên tắc sử dụng kháng sinh, phân loại, một số thuốc: tác dụng, chỉ định, lưu ý, cách dùng một số thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, phân loại kháng sinh, nguyên tắc sử dụng kháng sinh;

2.1.1. Khái niệm, phân loại kháng sinh

2.1.2. Nguyên tắc sử dụng kháng sinh

2.2. Thuốc kháng sinh Beta lac tam

2.2.1. Penicillin

- 2.2.1.1. Phân loại
- 2.2.1.2. Đặc điểm chung
- 2.2.2. Cephalosporin
 - 2.2.2.1. Phân loại
 - 2.2.2.2. Đặc điểm chung
- 2.2.3. Kháng sinh Aminosit;
 - 2.2.3.1. Phân loại
 - 2.2.3.2. Đặc điểm chung
- 2.2.4. Kháng sinh Macrolid, Lincosamid
 - 2.2.4.1. Phân loại
 - 2.2.4.2. Đặc điểm chung
- 2.2.5. Kháng sinh Quinolon;
 - 2.2.5.1. Phân loại
 - 2.2.5.2. Đặc điểm chung
- 2.2.6. Kháng sinh Penicillin, Tetracycline, Rifampicin.
 - 2.2.6.1. Phân loại
 - 2.2.6.2. Đặc điểm chung

Bài 2: Thuốc hormone

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được khái niệm, phân loại Hormone, một số thuốc: tác dụng, chỉ định, lưu ý, cách dùng một số thuốc.

2. Nội dung:

- 2.1. Hormon tuyến thượng thận, tuyến sinh dục, tuyến giáp
 - 2.1.1. Hormon tuyến thượng thận: Cơ chế hoạt động của tuyến, tác dụng, chỉ định, lưu ý, một số thuốc.
 - 2.1.2. Hormon tuyến sinh dục, tuyến giáp: Cơ chế hoạt động của tuyến, tác dụng, chỉ định, lưu ý, một số thuốc.
- 2.2. Thuốc điều trị bệnh tiểu đường: Cơ chế hoạt động của tuyến, tác dụng, chỉ định, lưu ý, một số thuốc.
 - 2.2.1. Insulin: nguồn gốc, tác dụng
 - 2.2.2. Các thuốc điều trị tiểu đường

Bài 3: Thuốc điều trị giun sán, Thuốc dùng ngoài

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các loại giun sán gây bệnh, các thuốc trị giun sán, thuốc dùng ngoài, nêu được tác dụng, chỉ định, lưu ý của một số thuốc điển hình.

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc điều trị giun sán
 - 2.1.1. Bệnh giun sán
 - 2.1.2. Các thuốc trị giun sán
- 2.2. Thuốc dùng ngoài
 - 2.2.1. Thuốc dùng ngoài điều trị bệnh về mắt
 - 2.2.2. Thuốc dùng ngoài điều trị bệnh tai, mũi, họng.

Bài 4: Thuốc điều trị nấm

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các thuốc trị nấm, ký sinh trùng, nêu tác dụng, chỉ định, cơ chế, các lưu ý của thuốc được học trong bài.

2. Nội dung

- 2.1. Thuốc điều trị nấm

2.1.1. Phân loại

2.1.2. Dược động học tác dụng, cơ chế, chỉ định, chống chỉ định chung, một số thuốc.

2.2. Thuốc điều trị bệnh do ký sinh trùng

2.2.1. Thuốc điều trị bệnh giun sán;

2.2.2. Thuốc điều trị bệnh sốt rét;

2.2.3. Thuốc điều trị lỵ amip và trichomonas.

Bài 5: Thuốc chống virus

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các loại thuốc chống virus, nêu được các thuốc điển hình

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Các thuốc điển hình

Bài 6: Thuốc vaccin

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày khái niệm về vaccine, các loại vaccin

2. Nội dung

1. Khái niệm

2. Các loại vaccin

2.1. Vaccin phòng dại

2.2. Vaccin phòng sởi, bạch hầu

2.3. Vaccin phòng cúm

Phần Thực Hành

Bài 1: Tác dụng của adrenalin trên mạch

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên chứng minh được: Tác dụng của adrenalin trên mạch; tác dụng của atropin, acetylcholin trên tim ếch tại chỗ, nhận thức thuốc

2. Nội dung:

2.1. Tác dụng của adrenalin trên mạch;

2.2. Thử tác dụng của atropin, acetylcholin trên tim ếch tại chỗ;

2.3. Nhận biết các nhóm thuốc tác dụng trên hệ tim mạch.

Bài 2: Ảnh hưởng của ảnh hưởng của giống đực và giống cái đến tác dụng của thuốc

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên chứng minh được: Ảnh hưởng của ảnh hưởng của giống đực và giống cái đến tác dụng của thuốc, nhận thức thuốc

2. Nội dung:

2.1. Ảnh hưởng của giống đực và giống cái đến tác dụng của thuốc

2.2. Nhận thức thuốc giảm đau, hạ sốt, chống viêm, thuốc hormon

Bài 3: Ảnh hưởng của pH đến tác dụng của thuốc

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên chứng minh được: Ảnh hưởng của pH đến tác dụng của thuốc, nhận thức thuốc

2. Nội dung:

- Ảnh hưởng của PH dạ dày đến tác dụng của thuốc

- Nhận thức thuốc kháng sinh nhóm beta lactam, kháng sinh aminosid, tetracyclin

Bài 4: Nhận thức thuốc kháng sinh macrolid, quinolon, penicillin, polypeptide

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên nhận thức được thuốc

2. Nội dung: Nhận thức thuốc kháng sinh macrolid, quinolon, penicillin, polypeptide

Bài 5: Nhận thức thuốc dùng ngoài, thuốc trị giun sán

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên nhận thức được thuốc

2. Nội dung: Nhận thức thuốc dùng ngoài, thuốc trị giun sán

2.1. Nhận thức thuốc dùng ngoài

2.2. Nhận thức thuốc trị giun sán

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. *Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:*

Phòng học chuyên dùng cho mô đun: Dược lý học 2

2. *Trang thiết bị máy móc:*

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ thuốc, các loại thuốc mẫu

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:*

- Giáo trình: Dược lý học 2
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến mô đun
- Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly

4. *Các điều kiện khác.* Đến công ty dược thực hành.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về khái niệm, phân loại, nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh; thuốc hormon; thuốc chống virus;.....

- *Kỹ năng:* Tiến hành một số thực nghiệm để đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của thuốc.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

Trách nhiệm trong việc vận dụng kiến thức dược lý vào việc hướng dẫn, sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và hiệu quả cho người bệnh.

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc môn học gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun:*

Mô đun “Dược lý học 2” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược .

2 .Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các hóa chất thí nghiệm, các bước lấy mẫu đúng quy định, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Dược động học, tác dụng, cơ chế tác dụng, tác dụng không mong muốn, tương tác, chỉ định, chống chỉ định, chế phẩm và liều dùng của một số thuốc trong các nhóm: thuốc kháng sinh; thuốc trị nấm;.....

4. Tài liệu học tập:

- Dược lý học tập I,II- Bộ Y tế - NXBYH, 2007.
- Hóa sinh học - Đại học Dược Hà Nội;
- Dược lý lâm sàng - Đại học Y Hà Nội–NXBYH 2004;
- Dược thư Quốc gia Việt Nam - Bộ Y tế - NXBYH, 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: MARKETING DƯỢC

Mã môn học: MH33

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 29 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Marketing dược thường được bố trí học sau môn học Dược lý học 2 trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn học chuyên ngành nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về marketing và marketing dược như: các chính sách trong marketing, ứng dụng của những chính sách đó trong hoạt động marketing dược phẩm. Môn học chỉ có lý thuyết, không có thực hành.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- Trình bày được khái niệm về nhu cầu, mong muốn, yêu cầu và mục tiêu của marketing dược;
- Phân tích được 4 chính sách của marketing
- Mô tả được các đặc trưng của marketing dược;

2. Về kỹ năng

- Vận dụng được kiến thức đã học vào thực tế ngành dược.
- Giới thiệu cho khách hàng về các loại thuốc, công dụng, cách dùng.
- Hỗ trợ quản lý quầy thuốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Ý thức trách nhiệm trong việc xây dựng, triển khai và giám sát các chiến lược marketing dược phẩm theo đúng quy định pháp luật và chuẩn mực đạo đức ngành dược.
- Chủ động sáng tạo trong việc phát triển các chiến lược marketing, truyền thông sản phẩm thuốc, đảm bảo thông tin đưa ra là chính xác, minh bạch và khoa học.
- Tinh thần tự học, tự cập nhật các xu hướng mới trong marketing dược, digital marketing y tế, hành vi khách hàng, và các quy định về quảng cáo, tiếp thị thuốc.
- Năng lực phản biện và phân tích các chiến dịch marketing nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông, đồng thời phòng ngừa các hành vi tiếp thị sai lệch hoặc vi phạm đạo đức.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí	Kiểm tra

				nhịệm/ bài tập/thảo luận	
1	Chương 1: Đại cương về Marketing	4	4	0	
	1. Khái niệm về nhu cầu, mong muốn, yêu cầu và marketing;				
	2. Các mục tiêu của marketing;				
2	Chương 2: Bốn chính sách của marketing	12	12	0	
	1. Chính sách sản phẩm;				
	2. Chính sách giá;				
	3. Chính sách phân phối;				
	4. Chính sách xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh.				
3	Chương 3: Marketing Được	4	4	0	
	1. Khái niệm, đặc điểm, các đặc trưng;				
	2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến marketing Được.				
4	Chương 4: Bài tập vận dụng	5	5	0	
	1. Xây dựng chiến lược marketing sản phẩm mới				
	2. Thực hiện marketing sản phẩm mới				
5	Chương 5: Thực địa Hiệu thuốc	5	4	0	1
	Cộng:	30	29	0	1

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Đại cương về Marketing

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm và mục tiêu của marketing.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm về nhu cầu, mong muốn, yêu cầu và marketing;

2.2. Các mục tiêu của marketing;

Chương 2: Bốn chính sách của marketing

Thời gian: 12 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được bốn chính sách của marketing.

2. Nội dung:

- 2.1. Chính sách sản phẩm;
- 2.2. Chính sách giá;
- 2.3. Chính sách phân phối;
- 2.4. Chính sách xúc tiến và hỗ trợ kinh doanh.

Chương 3: Marketing Dược

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm, các yếu tố ảnh hưởng của marketing dược.

2. Nội dung:

- 2.1. Khái niệm, đặc điểm, các đặc trưng;
- 2.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến marketing Dược.

Chương 4: Bài tập vận dụng

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên làm được 1 số bài tập về marketing sản phẩm mới.

2. Nội dung:

- 2.1. Xây dựng chiến lược marketing sản phẩm mới
- 2.2. Thực hiện marketing sản phẩm mới

Chương 5: Thực địa hiệu thuốc

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên nắm được quy trình tư vấn, bán một số sản phẩm thuốc thông dụng.

2. Nội dung:

- Chia nhóm sinh viên đến thực địa thực tế tại hiệu thuốc
- Giới thiệu, hướng dẫn sinh viên quy mô, quy trình tư vấn, bán thuốc

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Marketing dược

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ thuốc, các loại thuốc mẫu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình: Marketing dược
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học

4. Các điều kiện khác. Đến công ty dược tham quan.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về các mục tiêu của marketing dược; các chính sách và các yếu tố ảnh hưởng của marketing dược.
 - *Kỹ năng:* Giới thiệu sản phẩm, bán hàng, tư vấn trong kinh doanh dược.
 - *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
- + Chủ động sáng tạo trong việc phát triển các chiến lược marketing, truyền thông sản phẩm thuốc, đảm bảo thông tin đưa ra là chính xác, minh bạch và khoa học.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%.

- Thi kết thúc môn học: phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Marketing dược” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên:*

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* khái niệm về nhu cầu, mong muốn, yêu cầu và mục tiêu của marketing dược; 4 chính sách của marketing và các đặc trưng của marketing dược;

4. Tài liệu học tập:

- Giáo trình Marketing Dược - Trường Đại học Dược Hà Nội.

- Giáo trình kinh tế Dược - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2006.

- Giáo trình Marketing thương mại - Trường Đại học Dược Hà Nội;

- Marketing quốc tế - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 1999;

- Marketing trong quản trị kinh doanh - Trương Đình Chiến, Tăng Văn Bền, 1998;

- Marketing management- Philip Kotler, 2001.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: ĐẠO ĐỨC HÀNH NGHỀ

Mã môn học: MH34

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học Đạo đức hành nghề thường được bố trí học sau môn học Marketing được trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn học chuyên ngành nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hành nghề dược. Môn học chỉ có lý thuyết, không có thực hành.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- Trình bày được các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hành nghề dược.
- Trình bày vai trò của đạo đức trong nghiên cứu và thực hành Dược.
- Trình bày các quy định pháp luật liên quan đến đạo đức nghề nghiệp Dược

2. Về kỹ năng

- Vận dụng kiến thức đạo đức vào thực tế hành nghề.
- Phân tích và giải quyết các tình huống đạo đức trong lĩnh vực Dược

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Khả năng tự đánh giá hành vi và quyết định của bản thân trong công việc, luôn thực hiện theo các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và chuẩn mực pháp luật.
- Đảm bảo việc cung cấp thông tin, sử dụng thuốc và các dịch vụ dược phẩm đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật, không gây hại cho cộng đồng.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về đạo đức nghề nghiệp	8	8	0	
	1. Khái niệm và vai trò của đạo đức trong nghề Dược.				
	2. Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật trong hành nghề.				

2	Chương 2: Các nguyên tắc đạo đức trong hành nghề Được	13	12	0	1
	1. Trung thực và minh bạch trong công việc.				
	2. Tôn trọng quyền lợi và sự an toàn của bệnh nhân.				
	3. Bảo mật thông tin và dữ liệu cá nhân.				
	4. Trách nhiệm xã hội và cộng đồng.				
3	Chương 3: Đạo đức trong nghiên cứu Được	4	4	0	
	1. Nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu lâm sàng.				
	2. Bảo vệ quyền lợi của đối tượng nghiên cứu.				
4	Chương 4: Các tình huống đạo đức trong thực hành Được	5	4	0	1
	1. Phân tích các tình huống vi phạm đạo đức thường gặp.				
	2. Phương pháp giải quyết và phòng ngừa vi phạm đạo đức.				
Cộng:		30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về đạo đức nghề nghiệp

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm và quá trình hình thành và phát triển của các nghiên cứu về Đạo đức hành nghề được.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chức năng và nhiệm vụ của Đạo đức hành nghề được.

2.2. Quá trình hình thành và phát triển của các nghiên cứu về Đạo đức hành nghề được.

Chương 2: Các nguyên tắc đạo đức trong hành nghề được

Thời gian: 13 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các nguyên tắc đạo đức trong hành nghề được.

2. Nội dung:

2.1. Các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hành nghề dược.

2.2. Áp dụng các nguyên tắc đạo đức vào thực tiễn.

Chương 3: Đạo đức trong nghiên cứu Dược

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các đạo đức trong việc phát triển và phân phối thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Đạo đức trong nghiên cứu lâm sàng và thử nghiệm thuốc.

2.2. Đạo đức trong việc phát triển và phân phối thuốc.

Chương 4: Các tình huống đạo đức trong thực hành Dược

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên xử lý được các tình huống đạo đức trong ngành Dược.

2. Nội dung:

2.1. Đạo đức trong quản lý nhà thuốc và kinh doanh Dược phẩm.

2.2. Đạo đức trong quảng cáo và tiếp thị Dược phẩm.

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Đạo đức hành nghề

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ thuốc, các loại thuốc mẫu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình: Đạo đức hành nghề
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học

4. Các điều kiện khác. Đến công ty dược tham quan.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về khái niệm về nhu cầu, mong muốn, yêu cầu và mục tiêu của đạo đức hành nghề và các đặc trưng của đạo đức hành nghề.
- *Kỹ năng:* Thực hành các tình huống trong ngành Dược.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Chấp hành nghiêm túc quy chế đào tạo.
 - + Năng lực tư duy phản biện trong các tình huống nghề nghiệp.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc môn học: kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Đạo đức hành nghề” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.

+ Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên:*

+ Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học

+ Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.

+ Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chức năng và nhiệm vụ của Đạo đức hành nghề dược; Các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong hành nghề dược; Đạo đức trong quản lý nhà thuốc và kinh doanh Dược phẩm

4. Tài liệu học tập:

- Đề cương học phần Đạo đức hành nghề dược -Trường Đại học Nam Cần Thơ.

- Các văn bản pháp luật liên quan đến ngành Dược và y tế.

- Tài liệu giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực Đạo đức hành nghề dược.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ TƯ VẤN SỨC KHOẺ

Mã môn học: MH35

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sức khỏe thường được bố trí học sau môn học Đạo đức hành nghề trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn học tự chọn nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản các kỹ năng giao tiếp cơ bản và nâng cao trong chăm sóc sức khỏe. Môn học chỉ có lý thuyết, không có thực hành.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- Trình bày được khái niệm, vai trò và nguyên tắc của giao tiếp trong lĩnh vực y tế.
- Trình bày được các kỹ năng giao tiếp cơ bản và nâng cao trong chăm sóc sức khỏe.
- Trình bày được các phương pháp và kỹ thuật tư vấn sức khỏe hiệu quả

2. Về kỹ năng

- Áp dụng các kỹ năng giao tiếp trong tương tác với bệnh nhân, gia đình và đồng nghiệp.
- Thực hiện tư vấn sức khỏe cá nhân và nhóm một cách chuyên nghiệp.
- Sử dụng các phương tiện và phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Năng lực giao tiếp hiệu quả: Có khả năng giao tiếp rõ ràng, dễ hiểu và phù hợp với đối tượng bệnh nhân, người chăm sóc, đồng nghiệp và cộng đồng trong các tình huống khác nhau.
- Năng lực tư vấn sức khỏe chuyên nghiệp: Có khả năng tư vấn, hướng dẫn bệnh nhân về cách sử dụng thuốc đúng, chế độ dinh dưỡng, phòng ngừa bệnh tật và duy trì lối sống lành mạnh.
- Năng lực xử lý tình huống: Biết cách xử lý các tình huống khó khăn trong giao tiếp với bệnh nhân, người thân bệnh nhân hoặc trong các tình huống khẩn cấp
- Trách nhiệm trong việc bảo mật thông tin sức khỏe: Luôn tôn trọng quyền riêng tư của bệnh nhân, bảo mật thông tin y tế và không tiết lộ thông tin mà không có sự đồng ý.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/	Kiểm tra

				bài tập/thảo luận	
1	Chương 1: Tổng quan về giao tiếp trong y tế	9	8	0	1
	1. Khái niệm, vai trò và nguyên tắc của giao tiếp.				
	2. Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp trong môi trường y tế.				
2	Chương 2: Kỹ năng giao tiếp cơ bản	6	6	0	
	1. Giao tiếp bằng lời nói và không lời.				
	2. Kỹ năng lắng nghe tích cực và phản hồi hiệu quả.				
3	3. Giao tiếp trong các tình huống khó khăn và căng thẳng	4	4	0	
	Chương 3: Giao tiếp với bệnh nhân và gia đình				
	1. Xây dựng mối quan hệ tin cậy với bệnh nhân.				
4	2. Giao tiếp với bệnh nhân có nhu cầu đặc biệt.	4	4	0	
	3. Giao tiếp với gia đình bệnh nhân trong quá trình chăm sóc				
	Chương 4: Tư vấn sức khỏe	4	4	0	
5	1. Khái niệm và nguyên tắc tư vấn sức khỏe.				
	2. Quy trình tư vấn sức khỏe cá nhân và nhóm.				
	3. Kỹ thuật đặt câu hỏi và cung cấp thông tin hiệu quả				
	Chương 5: Truyền thông giáo dục sức khỏe	7	6		1
	1. Lập kế hoạch và triển khai các chương trình truyền thông.				

	2. Sử dụng các phương tiện và tài liệu truyền thông phù hợp.				
	3. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe				
	Cộng:	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về giao tiếp trong y tế

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm, vai trò và nguyên tắc của giao tiếp.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, vai trò và nguyên tắc của giao tiếp.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến giao tiếp trong môi trường y tế.

Chương 2: Kỹ năng giao tiếp cơ bản

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các kỹ năng giao tiếp cơ bản.

2.1. Giao tiếp bằng lời nói và không lời.

2.2. Kỹ năng lắng nghe tích cực và phản hồi hiệu quả.

2.3. Giao tiếp trong các tình huống khó khăn và căng thẳng

Chương 3: Giao tiếp với bệnh nhân và gia đình

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được cách giao tiếp với bệnh nhân và gia đình.

2. Nội dung:

2.1. Xây dựng mối quan hệ tin cậy với bệnh nhân.

2.2. Giao tiếp với bệnh nhân có nhu cầu đặc biệt.

2.3. Giao tiếp với gia đình bệnh nhân trong quá trình chăm sóc.

Chương 4: Tư vấn sức khỏe

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên biết cách tư vấn sức khỏe với bệnh nhân.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm và nguyên tắc tư vấn sức khỏe.

2.2. Quy trình tư vấn sức khỏe cá nhân và nhóm.

2.3. Kỹ thuật đặt câu hỏi và cung cấp thông tin hiệu quả.

Chương 5: Truyền thông giáo dục sức khỏe

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên biết cách truyền thông về giáo dục sức khỏe.

2. Nội dung:

2.1. Lập kế hoạch và triển khai các chương trình truyền thông.

2.2. Sử dụng các phương tiện và tài liệu truyền thông phù hợp.

2.3. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe.

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sức khỏe.

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ thuốc, các loại thuốc mẫu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình: Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sức khỏe.
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học

4. Các điều kiện khác. Đến công ty dược tham quan

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về khái niệm về yêu cầu và mục tiêu, các kỹ năng về giao tiếp và tư vấn sức khỏe.
- *Kỹ năng:* Thực hiện kỹ năng giao tiếp và tư vấn sức khỏe.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:* Năng lực tư vấn sức khỏe chuyên nghiệp: Có khả năng tư vấn, hướng dẫn bệnh nhân về cách sử dụng thuốc đúng, chế độ dinh dưỡng, phòng ngừa bệnh tật và duy trì lối sống lành mạnh.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc môn học: kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Kỹ thuật giao tiếp và tư vấn sức khỏe” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên:

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sức khỏe.

4. *Tài liệu học tập:*

- Tài liệu giảng dạy của Trường Đại học Y Khoa Huế.
- "Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sức khỏe" – Bộ Y tế.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: DƯỢC CỘNG ĐỒNG

Mã môn học: MH36

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học Dược cộng đồng thường được bố trí học sau môn học Marketing dược trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn học tự chọn nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản các nguyên tắc và quy định pháp luật liên quan đến hành nghề dược tại cộng đồng. Môn học chỉ có lý thuyết, không có thực hành.

II. Mục tiêu môn học:

1. Về kiến thức

- Trình bày được khái niệm, vai trò và chức năng của Dược cộng đồng trong hệ thống y tế.
- Trình bày được các nguyên tắc và quy định pháp luật liên quan đến hành nghề dược tại cộng đồng.
- Trình bày được về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà thuốc và vai trò của Dược sĩ cộng đồng

2. Về kỹ năng

- Thực hiện các hoạt động tư vấn sử dụng thuốc hợp lý, an toàn và hiệu quả cho người dân.
- Quản lý và vận hành nhà thuốc theo đúng quy định và tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc (GPP).

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức rõ vai trò và trách nhiệm của người dược sĩ trong việc cung cấp thuốc an toàn, hiệu quả cho cộng đồng.
- Chủ động cập nhật các văn bản pháp quy, chính sách y tế và hướng dẫn chuyên môn có liên quan.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về Dược cộng đồng	8	8	0	

	1. Khái niệm và vai trò của Dược cộng đồng trong hệ thống y tế.				
	2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của nhà thuốc cộng đồng.				
	3. Mối quan hệ giữa Dược sĩ cộng đồng và các nhân viên y tế khác				
2	Chương 2: Pháp luật và đạo đức trong hành nghề Dược tại cộng đồng	7	6	0	1
	1. Các quy định pháp luật liên quan đến hành nghề Dược tại cộng đồng.				
	2. Tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc (GPP).				
	3. Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của Dược sĩ cộng đồng				
3	Chương 3: Quản lý và vận hành nhà thuốc	6	6	0	
	1. Quản lý tồn kho và bảo quản thuốc.				
	2. Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh tại nhà thuốc.				
	3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà thuốc.				
4	Chương 4: Tư vấn và giáo dục sức khỏe tại cộng đồng	9	8	0	1
	1. Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc cho người dân.				
	2. Tham gia vào các chương trình giáo dục sức khỏe và phòng bệnh.				
	3. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động tư vấn và giáo dục sức khỏe.				
	Cộng:	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về Dược cộng đồng

Thời gian: 8 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được khái niệm và mục tiêu của marketing.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm và vai trò của Dược cộng đồng trong hệ thống y tế.

2.2. Cơ cấu tổ chức và hoạt động của nhà thuốc cộng đồng.

2.3. Mối quan hệ giữa Dược sĩ cộng đồng và các nhân viên y tế khác

Chương 2: Pháp luật và đạo đức trong hành nghề dược tại cộng đồng

Thời gian: 7 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các quy định pháp luật và đạo đức trong hành nghề dược tại cộng đồng.

2. Nội dung:

2.1. Các quy định pháp luật liên quan đến hành nghề dược tại cộng đồng.

2.2. Tiêu chuẩn thực hành tốt nhà thuốc (GPP).

2.3. Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của Dược sĩ cộng đồng.

Chương 3: Quản lý và vận hành nhà thuốc

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được cách quản lý và vận hành nhà thuốc

2. Nội dung:

2.1. Quản lý tồn kho và bảo quản thuốc.

2.2. Lập kế hoạch và tổ chức hoạt động kinh doanh tại nhà thuốc.

2.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà thuốc.

Chương 4: Tư vấn và giáo dục sức khỏe tại cộng đồng

Thời gian: 9 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên biết cách tư vấn và giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.

2. Nội dung:

2.1. Kỹ năng giao tiếp và tư vấn sử dụng thuốc cho người dân.

2.2. Tham gia vào các chương trình giáo dục sức khỏe và phòng bệnh.

2.3. Đánh giá hiệu quả của các hoạt động tư vấn và giáo dục sức khỏe.

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Dược cộng đồng

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ thuốc, các loại thuốc mẫu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình: Dược cộng đồng
- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học

4. Các điều kiện khác. Đến công ty dược tham quan.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về trình bày cách quản lý và vận hành nhà thuốc, cách tư vấn và giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.
- *Kỹ năng:* Thực hiện tư vấn và giáo dục sức khỏe tại cộng đồng.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Chủ động áp dụng các kiến thức trong các tình huống thực tế.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc môn học phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn học chiếm 60%.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. *Phạm vi áp dụng môn học:* Môn học “Dược cộng đồng” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng Dược .

2. *Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:*

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên:*

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* Các quy định pháp luật và đạo đức trong hành nghề dược tại cộng đồng.

4. *Tài liệu học tập:*

- Giáo trình Dược cộng đồng – Trường Đại học Dược Hà Nội.
- Các văn bản pháp luật liên quan đến hành nghề dược tại cộng đồng.
- Tài liệu hướng dẫn thực hành tốt nhà thuốc (GPP).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: DƯỢC XÃ HỘI HỌC

Mã môn học: MH37

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ; (Lý thuyết: 28 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 0 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

1. Vị trí: Môn học Dược xã hội học thường được bố trí học sau môn học Dược cộng đồng trong chương trình khung Đào tạo cao đẳng Dược.

2. Tính chất: Là môn học chuyên ngành nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức quá trình hình thành và phát triển của các nghiên cứu về Dược xã hội học. Môn học chỉ có lý thuyết, không có thực hành.

II. Mục tiêu môn học

1. Về kiến thức

- Trình bày được khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chức năng và nhiệm vụ của Xã hội học, xã hội học Y tế, dược xã hội học.
- Trình bày được quá trình hình thành và phát triển của các nghiên cứu về Dược xã hội.
- Trình bày được các thành phần cấu thành Dược xã hội học

2. Về kỹ năng

- Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ số thống kê y tế.
- Phân tích được vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Chủ động tìm hiểu, cập nhật kiến thức về mối quan hệ giữa thuốc, con người và xã hội.
- Nhận thức được vai trò, trách nhiệm xã hội của người dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.
- Hành động có đạo đức, phù hợp với chuẩn mực nghề nghiệp và văn hóa xã hội.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số tiết	Lý thuyết	Thực hành/ Thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/thảo luận	Kiểm tra
1	Chương 1: Tổng quan về Dược xã hội học	5	5	0	

	1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chức năng và nhiệm vụ của Dược xã hội học.				
	2. Quá trình hình thành và phát triển của các nghiên cứu về Dược xã hội.				
	Chương 2: Tổ chức ngành Y tế và ngành Dược Việt Nam				
2	1. Cơ cấu tổ chức và chức năng của ngành Y tế và ngành Dược.	5	4	0	1
	2. Vai trò của các cơ quan quản lý trong hệ thống y tế.				
	Chương 3: Chính sách quốc gia về thuốc và bảo hiểm y tế				
3	1. Chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam.	6	6	0	0
	2. Luật Bảo hiểm y tế và các chính sách liên quan.				
	Chương 4: Các chương trình y tế quốc gia				
4	1. Mục tiêu và nội dung của các chương trình y tế quốc gia.	4	4	0	
	2. Vai trò của dược sĩ trong việc thực hiện các chương trình này.				
	Chương 5: Thuốc thiết yếu và chính sách quốc gia về thuốc thiết yếu	3	3		
5	1. Khái niệm và danh mục thuốc thiết yếu.				
	2. Chính sách quốc gia về thuốc thiết yếu.				
6	Chương 6: Thống kê y tế và các chỉ số sức khỏe	4	3	0	1

	1. Các chỉ số thống kê y tế cơ bản.				
	2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ số sức khỏe				
7	Chương 7: Vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3	3	0	
	1. Chức năng và nhiệm vụ của dược sĩ trong cộng đồng.				
	2. Tham gia vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe và giáo dục sức khỏe				
	Cộng:	30	28	0	2

2. Nội dung chi tiết

Chương 1: Tổng quan về Dược xã hội học

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được quá trình hình thành và phát triển của các nghiên cứu về Dược xã hội.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, đối tượng nghiên cứu, chức năng và nhiệm vụ của Dược xã hội học.

2.2. Quá trình hình thành và phát triển của các nghiên cứu về Dược xã hội.

Chương 2: Tổ chức ngành Y tế và ngành Dược Việt Nam

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được cơ cấu tổ chức và chức năng của ngành Y tế và ngành Dược.

2. Nội dung:

2.1. Cơ cấu tổ chức và chức năng của ngành Y tế và ngành Dược.

2.2. Vai trò của các cơ quan quản lý trong hệ thống y tế.

Chương 3: Chính sách quốc gia về thuốc và bảo hiểm y tế

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các chính sách quốc gia về thuốc và bảo hiểm y tế.

2. Nội dung:

2.1. Chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam.

2.2. Luật Bảo hiểm y tế và các chính sách liên quan.

Chương 4: Các chương trình y tế quốc gia

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các chương trình y tế quốc gia.

2. Nội dung:

2.1. Mục tiêu và nội dung của các chương trình y tế quốc gia.

2.2. Vai trò của dược sĩ trong việc thực hiện các chương trình này.

Chương 5: Thuốc thiết yếu và chính sách quốc gia về thuốc thiết yếu

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được các loại thuốc thiết yếu và chính sách quốc gia về thuốc thiết yếu.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm và danh mục thuốc thiết yếu.

2.2. Chính sách quốc gia về thuốc thiết yếu.

Chương 6: Thống kê y tế và các chỉ số sức khỏe

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên thực hiện được thống kê y tế và các chỉ số sức khỏe.

2. Nội dung:

2.1. Các chỉ số thống kê y tế cơ bản.

2.2. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ số sức khỏe.

Chương 7: Vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Thời gian: 3 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên biết được vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng

2. Nội dung:

2.1. Chức năng và nhiệm vụ của dược sĩ trong cộng đồng.

2.2. Tham gia vào các hoạt động chăm sóc sức khỏe và giáo dục sức khỏe

IV. Điều kiện thực hiện môn học.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho môn học: Dược xã hội học

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector

- Máy tính, bảng, phấn bảng

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình: Dược xã hội học

- Các slide, tranh vẽ liên quan đến môn học

4. Các điều kiện khác. Đến công ty dược tham quan.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về trình bày được các chương trình y tế quốc gia; vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

- *Kỹ năng:* phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến các chỉ số sức khỏe.

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Tự tin tham gia vào các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe liên quan đến thuốc.

+ Tích cực tham gia các hoạt động học thuật liên quan đến lĩnh vực xã hội trong dược.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc môn học phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học

1. Phạm vi áp dụng môn học:

Môn học “Dược xã hội học” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên:

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Chương trình y tế quốc gia; vai trò của dược sĩ trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

4. Tài liệu học tập:

- Đề cương Dược xã hội học – Trường Đại học Nam Cần Thơ.
- Các văn bản pháp luật liên quan đến ngành Dược và y tế.
- Tài liệu giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực Dược xã hội học.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Thực hành thực tập nghề nghiệp (tại bệnh viện, trạm y tế)

Mã mô đun: MD 38

Thời gian thực hiện mô đun: 405 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 395 giờ; Kiểm tra: 10 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Đã hoàn thành các môn cơ sở ngành, chuyên ngành

2. Tính chất: Là môn học nhằm giúp sinh viên tiếp cận và hiểu rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của ngành dược cũng như của một Dược sỹ trong lĩnh vực quản lý và cung ứng thuốc phục vụ sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Trên cơ sở đó, xác định cho mình trách nhiệm học tập, rèn luyện tốt nhằm đáp ứng cao nhất yêu cầu nhiệm vụ sau khi tốt nghiệp. Môn học chỉ có thực hành ngoài trường, không có lý thuyết.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng quy định pháp luật liên quan đến quản lý và sử dụng thuốc trong cơ sở y tế.
- Nắm vững quy trình quản lý thuốc: bảo quản, cấp phát, lập kế hoạch cung ứng, kiểm soát tồn kho thuốc.
- Hiểu rõ nguyên tắc kê đơn hợp lý, an toàn, hiệu quả, và theo dõi sử dụng thuốc cho bệnh nhân.
- Nắm kiến thức về tương tác thuốc, tác dụng phụ, hướng dẫn sử dụng thuốc an toàn cho bệnh nhân.

2. Về kỹ năng

- Thực hiện thành thạo công việc tiếp nhận, lưu trữ, kiểm kê thuốc tại nhà thuốc bệnh viện hoặc kho dược.
- Kỹ năng tư vấn sử dụng thuốc cho bệnh nhân (liều lượng, cách dùng, tác dụng phụ cần lưu ý).
- Hướng dẫn sử dụng thuốc đúng cho bệnh nhân nội trú và ngoại trú.
- Ghi chép, cập nhật hồ sơ quản lý thuốc, hồ sơ theo dõi thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần theo quy định.
- Tham gia phối hợp trong công tác kiểm soát nhiễm khuẩn liên quan đến thuốc và vật tư y tế tiêu hao.

3. Về năng lực và trách nhiệm

- Thể hiện sự nghiêm túc, chính xác trong thao tác chuyên môn liên quan đến thuốc.
- Tuân thủ quy trình, nội quy về quản lý thuốc, đảm bảo an toàn trong cấp phát và sử dụng thuốc.
- Rèn luyện tác phong chuyên nghiệp, có ý thức bảo mật thông tin liên quan đến bệnh nhân và thuốc.
- Chủ động học hỏi, cập nhật kiến thức mới về thuốc và quy định pháp luật ngành Dược.
- Chịu trách nhiệm trước người hướng dẫn về công việc được giao trong quá trình thực tập.
- Góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng thuốc và an toàn cho bệnh nhân tại cơ sở thực tập.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Thực tập về dược bệnh viện (Dược sự nghiệp) tại Khoa dược bệnh viện quận, huyện, thị xã trở lên	290	0	290	
1.1	Khoa cấp cứu	42	0	42	
1.2	Khoa dược	42	0	42	
1.3	Khoa nội	42	0	42	
1.4	Khoa ngoại	41	0	41	
1.5	Khoa sản	41	0	41	
1.6	Khoa nhi	41	0	41	
1.7	Khoa truyền nhiễm	41	0	41	
2	Thực tập cộng đồng tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn.	105	0	105	
	Kiểm tra	10			10
	Cộng:	405	0	395	10

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. Phòng học chuyên môn hóa/khoa phòng điều trị, khoa dược, nhà thuốc bệnh viện, nhà thuốc trạm y tế, vườn thuốc đông y trạm y tế:

- Học thực hành tại các khoa phòng của bệnh viện và trạm y tế

2. Trang thiết bị máy móc:

- Các quy trình cấp phát thuốc cho từng khoa, quy trình sắp xếp thuốc và phát thuốc cho người bệnh

- Quy trình tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình dược lâm sàng

4. Các điều kiện khác.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- Kiến thức: Đánh giá học sinh về tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh

- Kỹ năng:

Thực hiện quy trình cấp phát thuốc cho từng khoa, quy trình sắp xếp thuốc và phát thuốc cho người bệnh

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chấp hành nghiêm túc quy chế đào tạo.

+ Có tinh thần tích cực trong học tập

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Điểm thành phần: Chiếm 40% đánh giá bằng hình thức

- + Điểm kiểm tra thường xuyên: Điểm chuyên cần đi thực tập tại các khoa phòng của bệnh viện, trạm y tế
- + Điểm kiểm tra định kỳ: Sinh viên viết báo cáo thực tập sau khi kết thúc thực tập trạm y tế nộp lại cho giảng viên phụ trách chấm điểm tính hệ số 2.
(Điểm định kỳ x1 + điểm thường xuyên x2)/3
- Điểm thi kết thúc môn học (điểm báo cáo thực tập tốt nghiệp): chiếm 60%
Sinh viên viết báo cáo thực tập bệnh viện sau khi kết thúc thực tập tại bệnh viện nộp lại cho giảng viên phụ trách chấm điểm.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun: “Thực tập tốt nghiệp” được sử dụng cho sinh viên ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Tiếp đón sinh viên đến bệnh viện thực tập, hướng dẫn sinh viên thực hiện các mục tiêu kế hoạch thực tập và giám sát quá trình thực tập của sinh viên
- + Hướng dẫn và giám sát sinh viên thực hiện các quy trình cấp phát thuốc cho từng khoa, quy trình sắp xếp thuốc và phát thuốc cho người bệnh
- + Đôn đốc nhắc nhở học sinh thực hiện nghiêm túc các quy định thực tập của nhà trường và bệnh viện
- + Hướng dẫn đánh giá cho điểm kiểm tra đầy đủ theo hệ số và đánh giá kết thúc môn học.

- Đối với sinh viên:

- + Chuẩn bị mỗi sinh viên 1 cuốn sổ tay thực tập, ghi chép đầy đủ các nội dung đã thực tập tại mỗi khoa phòng của bệnh viện theo kế hoạch
- + Trưởng nhóm sinh viên thực hiện chấm công cho thành viên của nhóm đầy đủ, chính xác và có xác nhận của bệnh viện
- + Sinh viên đến bệnh viện theo kế hoạch thực tập của nhà trường cần thực hiện đầy đủ mục tiêu, nội dung của kế hoạch thực tập. Thực hiện nghiêm túc các quy định của cơ sở thực tập về chế độ giờ làm việc, học tập, chế độ trực chuyên môn theo yêu cầu của mỗi cơ sở; có đầy đủ trang phục y tế khi thực tập tại cơ sở thực tập (áo blouse, mũ, khẩu trang, đeo thẻ sinh viên).
- + Cuối đợt thực tập, Nhóm trưởng tập hợp báo cáo của các sinh viên trong nhóm. giảng viên khoa Y – Dược phụ trách thực tập tại cơ sở thực tập có trách nhiệm phối hợp với giảng viên kiêm nhiệm của bệnh viện đánh giá kết quả của từng sinh viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Khi đi thực tập cần tuân thủ tuyệt đối các quy định chuyên môn, các quy định nội quy của khoa phòng bệnh viện và các quy định của nhà trường

CHƯƠNG TRÌNH THỰC TẬP TỐT NGHIỆP

Tên mô đun: Thực tập tốt nghiệp (tại bệnh viện, Công ty dược và nhà thuốc)

Mã mô đun: MĐ 39

Thời gian thực hiện mô đun: 450 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 440 giờ; Kiểm tra: 10 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Đã hoàn thành các môn cơ sở ngành, chuyên ngành, thực hành nghề nghiệp

2. Tính chất: Là mô đun nhằm giúp sinh viên tiếp cận và hiểu rõ hơn chức năng, nhiệm vụ của ngành dược cũng như của một Dược sỹ trong lĩnh vực quản lý và cung ứng thuốc phục vụ sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Trên cơ sở đó, xác định cho mình trách nhiệm học tập, rèn luyện tốt nhằm đáp ứng cao nhất yêu cầu nhiệm vụ sau khi tốt nghiệp. Mô đun chỉ có thực hành ngoài trường, không có lý thuyết.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

- Hiểu và vận dụng các quy định pháp luật liên quan đến quản lý, sản xuất, kinh doanh và sử dụng thuốc.
- Nắm vững quy trình quản lý thuốc tại bệnh viện (cấp phát, bảo quản, kê đơn, sử dụng thuốc an toàn).
- Hiểu rõ quy trình sản xuất thuốc tại công ty dược (theo nguyên tắc GMP - Thực hành tốt sản xuất thuốc).
- Nắm được quy trình vận hành, kinh doanh và tư vấn bán thuốc tại nhà thuốc GPP (Good Pharmacy Practice).
- Hiểu về các loại sản phẩm dược phẩm, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm y tế, thiết bị y tế thông dụng.
- Có kiến thức về tương tác thuốc, tác dụng phụ, cảnh báo an toàn thuốc và hướng dẫn sử dụng thuốc hợp lý.

2. Về kỹ năng

- Thực hiện đúng quy trình kiểm tra, tiếp nhận, bảo quản, cấp phát thuốc trong kho dược bệnh viện và nhà thuốc.
- Tham gia vào công tác sản xuất, đóng gói, kiểm nghiệm, bảo đảm chất lượng tại công ty dược phẩm.
- Tư vấn sử dụng thuốc cho người bệnh tại nhà thuốc theo đúng quy định chuyên môn.
- Kỹ năng ghi chép hồ sơ lô sản xuất, hồ sơ quản lý thuốc, báo cáo tồn kho và báo cáo tác dụng bất lợi của thuốc.
- Kỹ năng giao tiếp chuyên nghiệp với bệnh nhân, bác sĩ, đồng nghiệp, khách hàng.
- Sử dụng thành thạo một số phần mềm quản lý thuốc, bán hàng, và kiểm kê tồn kho.

3. Về năng lực và trách nhiệm

- Thể hiện thái độ nghiêm túc, trung thực, chính xác trong mọi thao tác chuyên môn liên quan đến thuốc.

- Tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản lý thuốc, sản xuất thuốc, kinh doanh thuốc và tư vấn sử dụng thuốc.
- Rèn luyện tác phong chuyên nghiệp: đúng giờ, tôn trọng quy định nơi thực tập, giữ bí mật thông tin nghề nghiệp.
- Chủ động học hỏi, tự tìm kiếm kiến thức mới và đề xuất sáng kiến trong công việc.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Thực tập về sản xuất, kinh doanh, tồn trữ, bảo quản và cung ứng thuốc tại Công ty dược, Doanh nghiệp dược.	210	0	210	
1.1	Mô hình tổ chức cơ sở sản xuất kinh doanh Dược (lãnh đạo, các phòng ban, phân xưởng)	53	0	53	
1.2	Các dây chuyền sản xuất trong doanh nghiệp dược, công ty dược.	53	0	53	
1.3	Bảo quản sắp xếp thuốc trong kho đảm bảo tiêu chuẩn GMP, GSP - WHO theo quy định của bộ y tế.	52	0	52	
1.4	Quy trình pha chế, sản xuất thuốc trong doanh nghiệp, công ty dược.	52	0	52	
2	Thực tập tại Nhà thuốc, Hiệu thuốc tuyến quận, huyện, thị xã trở lên.	230	0	230	
2.1	Bảo quản và sắp xếp thuốc tại nhà thuốc, hiệu thuốc của công ty, doanh nghiệp dược.	90	0	90	
2.2	Tư vấn sử dụng thuốc cho khách hàng tại nhà thuốc, hiệu thuốc của công ty dược.	140	0	140	
	Kiểm tra	10			10
	Tổng Cộng	450	0	440	10

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng công ty, kho thuốc, nhà thuốc:

- Học thực hành thực tế tại công ty sản xuất dược và nhà thuốc

2. Trang thiết bị máy móc

- Các quy trình sản xuất thuốc, quy trình đóng gói, quy trình bảo quản
- Quy trình tư vấn bán hàng, quy trình sắp xếp thuốc trên các tủ thuốc

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình chăm sóc người bệnh nội khoa, giáo trình điều dưỡng cơ bản 1,2

4. Các điều kiện khác.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về bào chế thuốc, về quản trị kinh doanh dược

- *Kỹ năng:*

Thực hiện các bước trong quy trình sản xuất thuốc, quy trình đóng gói, quy trình bảo quản, quy trình sắp xếp thuốc trên tủ thuốc, tư vấn bán hàng cho người bệnh

- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*

+ Chịu trách nhiệm cá nhân đối với các nhiệm vụ được phân công dưới sự hướng dẫn.

+ Góp phần vào việc nâng cao chất lượng quản lý thuốc, sản xuất thuốc, kinh doanh và chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Điểm thành phần: Chiếm 40 % đánh giá bằng hình thức

+ Điểm thường xuyên: Điểm chuyên cần đi thực tập tại công ty và nhà thuốc.

+ Điểm định kỳ: Sinh viết báo cáo thực tập sau khi kết thúc thực tập tại công ty được nộp lại cho giảng viên phụ trách chấm điểm tính hệ số 2. (Điểm định kỳ x1 + điểm thường xuyên x2)/3

- Điểm thi kết thúc môn học (điểm báo cáo thực tập): chiếm 60%

Sinh viên viết báo cáo thực tập sau khi kết thúc thực tập tại nhà thuốc nộp lại cho giảng viên phụ trách chấm lấy điểm

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun: “Thực tập tốt nghiệp” được sử dụng cho sinh viên ngành, nghề Dược trình độ cao đẳng

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*

+ Tiếp đón sinh viên đến công ty, nhà thuốc thực tập, hướng dẫn sinh viên thực hiện các mục tiêu kế hoạch thực tập và giám sát quá trình thực tập của sinh viên

+ Hướng dẫn và giám sát sinh viên thực hiện các quy trình sản xuất thuốc, bảo quản thuốc, đóng gói thuốc, quy trình sắp xếp tủ thuốc, tư vấn bán hàng cho người bệnh

+ Đôn đốc nhắc nhở sinh viên thực hiện nghiêm túc các quy định thực tập của nhà trường và công ty, nhà thuốc

+ Hướng dẫn đánh giá cho điểm kiểm tra đầy đủ theo hệ số và đánh giá kết thúc môn học.

- *Đối với sinh viên:*

+ Trưởng nhóm học sinh thực hiện chấm công cho thành viên của nhóm đầy đủ, chính xác và có xác nhận của công ty và nhà thuốc

+ Sinh viên đến công ty và nhà thuốc theo kế hoạch thực tập của nhà trường cần thực hiện đầy đủ mục tiêu, nội dung của công ty và nhà thuốc. Thực hiện nghiêm túc các quy định của cơ sở thực tập về chế độ giờ làm việc, học tập, chế độ trực chuyên môn theo yêu cầu của mỗi cơ sở; có đầy đủ trang phục y tế khi thực tập tại cơ sở thực tập (áo blouse, mũ, khẩu trang, đeo thẻ sinh viên).

+ Cuối đợt thực tập, Nhóm trưởng tập hợp báo cáo của các sinh viên trong nhóm. giảng viên khoa Y – Dược phụ trách thực tập tại cơ sở thực tập có trách nhiệm phối hợp với giảng viên kiêm nhiệm đánh giá kết quả của từng sinh viên.

3. Những trọng tâm cần chú ý: Khi đi thực tập cần tuân thủ tuyệt đối các quy định chuyên môn, các quy định nội quy của khoa phòng bệnh viện và các quy định của nhà trường

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Hóa dược nâng cao

Mã mô đun: MĐ 40

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Đã hoàn thành các môn cơ sở ngành, chuyên ngành, thực hành nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp

2. Tính chất: Là môn học nâng cao nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức, kỹ năng nâng cao về: công thức cấu tạo, nguyên tắc điều chế, mối liên quan giữa cấu trúc – tác dụng, đặc điểm cấu tạo và tính chất hoá học, các phương pháp kiểm nghiệm và công dụng của các nhóm thuốc chính và các thuốc thông thường trong mỗi nhóm để phòng và điều trị bệnh. Mô đun vừa có lý thuyết vừa có thực hành,

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

- Trình bày được: công thức cấu tạo, nguyên tắc điều chế, mối liên quan giữa cấu trúc

- Phân tích được tác dụng, đặc điểm cấu tạo và tính chất hoá học, các phương pháp kiểm nghiệm và công dụng.

- Mô tả được: Công thức cấu tạo, phương pháp điều chế, tính chất lý hóa học và ứng dụng các tính chất đó trong pha chế, bảo quản, kiểm nghiệm, chỉ định điều trị của một số thuốc cụ thể.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được những kiến thức, kỹ năng đã học để tiến hành kiểm nghiệm được một số nguyên liệu làm thuốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Phân tích, tổng hợp kiến thức: Vận dụng kiến thức hóa học, dược học để phân tích cấu trúc, tính chất hóa học, cơ chế tác dụng của các hoạt chất dược phẩm.

- Đánh giá và thiết kế phân tử thuốc: Hiểu và áp dụng các nguyên lý thiết kế thuốc, cải thiện cấu trúc phân tử nhằm tối ưu hóa tác dụng sinh học và giảm độc tính.

- Phân tích dược động học và dược lực học: Hiểu rõ mối liên hệ giữa cấu trúc hóa học và hoạt tính sinh học, khả năng dự đoán các đặc tính dược lý, độc tính của thuốc.

- Cập nhật kiến thức liên tục: Chủ động học hỏi, nghiên cứu các tiên bộ mới trong lĩnh vực hóa dược và phát triển thuốc.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Thuốc hạ huyết áp 1. Phân loại, cấu tạo chung	4	4	0	

TT	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2. Liên quan cấu trúc – tác dụng, đặc điểm cấu tạo và tính chất hoá học 3. Định tính, định lượng. 4. Một số thuốc: propranolol, captopril, methyldopa, nifedipin				
2	Bài 2: Thuốc kháng sinh 1. Nhóm beta-lactam 2. Kháng sinh Quinolon	11	10	0	1
	Cộng phần lý thuyết:	15	14	0	1
	<u>PHẦN THỰC HÀNH</u>				
1	Kiểm nghiệm Promethazin, định tính clorpheniramin maleat	5	0	5	
2	Kiểm nghiệm Dexamethason	5	0	5	
3	Kiểm nghiệm Aspirin, định tính acid salicylic:	5	0	5	
4	Kiểm nghiệm ampicillin, định tính rifampicin	5	0	5	
5	Kiểm nghiệm procain hydroclorid, định tính lidocain	5	0	5	
6	Thực tập bù, ôn tập, kiểm tra	5	0	4	1
	Cộng phần thực hành:	30	0	29	1
	Tổng cộng:	45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết

Phần Lý thuyết

Bài 1: Thuốc hạ huyết áp

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được phân loại, cấu tạo, Liên quan cấu trúc – tác dụng định tính, định lượng một số thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Phân loại, cấu tạo chung

2.2. Liên quan cấu trúc – tác dụng, đặc điểm cấu tạo và tính chất hoá học

2.3. Định tính, định lượng.

2.4. Một số thuốc: propranolol, captopril, methyldopa, nifedipin.

2.4.1. Propranolol: công thức cấu tạo, tính chất, định tính, định lượng, tác dụng, chỉ định.

2.4.2. Captopril: công thức cấu tạo, tính chất, định tính, định lượng, tác dụng, chỉ định.

2.4.3. Nifedipin: công thức cấu tạo, tính chất, định tính, định lượng, tác dụng, chỉ định.

Bài 2: Thuốc kháng sinh

Thời gian: 11 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được phân loại, cấu tạo, Liên quan cấu trúc – tác dụng định tính, định lượng một số thuốc.

2. Nội dung:

2.1. Nhóm beta-lactam

2.1.1. Phân loại, cấu tạo

2.1.2. Liên quan cấu trúc – tác dụng, đặc điểm cấu tạo và tính chất hoá học

2.1.3. Định tính, định lượng.

2.1.4. Một số thuốc: Cephalixin, cefuroxim, ceftriaxone, amoxicillin, ampicillin, penicillin G, V: công thức cấu tạo, tính chất, định tính, định lượng, tác dụng, chỉ định.

2.1.4.1. Cephalixin, cefuroxim, ceftriaxone: công thức cấu tạo, tính chất, định tính, định lượng, tác dụng, chỉ định.

2.1.4.2. Amoxicillin, ampicillin, penicillin G, V: công thức cấu tạo, tính chất, định tính, định lượng, tác dụng, chỉ định.

2.2. Kháng sinh Quinolon

2.2.1. Phân loại, cấu tạo

2.2.2. Liên quan cấu trúc – tác dụng, đặc điểm cấu tạo và tính chất hoá học

2.2.3. Định tính, định lượng.

2.2.4. Một số thuốc: ciprofloxacin, ofloxacin

Phần thực hành

Bài 1: Kiểm nghiệm Promethazin, định tính clorpheniramin maleat

Thời gian: 05 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được cơ sở lý thuyết và các phản ứng hóa học đặc trưng dùng trong định tính và định lượng Promethazin, Clorpheniramin maleat; thực hiện thành thạo các thao tác kiểm nghiệm, bao gồm sắc ký lớp mỏng (TLC), sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC), và chuẩn độ (nếu áp dụng); Đọc và phân tích kết quả kiểm nghiệm.

2. Nội dung:

1. Giới thiệu dược chất

2. Định tính Clorpheniramin maleat

2.1. Phương pháp sắc ký lớp mỏng (TLC)

2.2. Phản ứng đặc trưng (nếu áp dụng):

2.2.1. Phản ứng với TT alcaloid

2.2.2. Phản ứng với acid picric/acid nitric

3. Kiểm nghiệm Promethazin

3.1. Định tính

3.2. Sử dụng TLC tương tự như với Clorpheniramin

3.3. Định lượng

3.3.1. Phương pháp HPLC

Bài 2: Kiểm nghiệm Dexamethason

Thời gian: 5 tiết

1. Mục tiêu: Thực hiện được các phương pháp định tính và định lượng

Dexamethason theo đúng quy trình và yêu cầu của Dược điển Việt Nam; Phân biệt và nhận biết được Dexamethason trong chế phẩm thông qua phản ứng hóa

học đặc trưng và sắc ký lớp mỏng; Tiến hành định lượng Dexamethason bằng phương pháp HPLC hoặc UV-VIS, từ đó tính toán hàm lượng và so sánh với tiêu chuẩn cho phép.

2. Nội dung:

2.1. Định tính Dexamethason

2.1.1. Phương pháp: Sắc ký lớp mỏng (TLC)

2.1.1.1. Bản mỏng silica gel F254.

2.1.1.2. Hệ dung môi: hỗn hợp chloroform – acetone (7:3) hoặc tương đương.

2.1.1.3. Phát hiện dưới đèn UV 254 nm hoặc phun thuốc thử sulfuric rồi nung.

2.1.1.4. So sánh vị trí (Rf) và màu vết với mẫu chuẩn Dexamethason.

2.1.2. Phản ứng hóa học đặc trưng

2.2. Định lượng Dexamethason

2.2.1. Phương pháp: Sắc ký lỏng hiệu năng cao (HPLC)

2.2.2. Kiểm tra giới hạn tạp chất (nếu yêu cầu)

2.2.3. Thực hành và xử lý mẫu

2.2.4. Đánh giá và thảo luận kết quả

Bài 3: Kiểm nghiệm Aspirin, định tính acid salicylic Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được cấu trúc, tính chất hóa học và công dụng của Aspirin (acid acetylsalicylic) và acid salicylic. Thực hiện được các phản ứng định tính acid salicylic; vận dụng được các phương pháp kiểm nghiệm Aspirin; Đánh giá chất lượng Aspirin

2. Nội dung:

2.1. Định tính Aspirin

2.1.1. Phản ứng với FeCl_3 (sắt (III) clorid)

2.1.2. Thủy phân Aspirin $\rightarrow$ acid salicylic rồi phản ứng với FeCl_3

2.1.3. Sắc ký lớp mỏng (TLC)

2.2. Định tính acid salicylic (tạp trong Aspirin)

2.2.1. Phản ứng đặc trưng với FeCl_3

2.3. Định lượng Aspirin

2.3.1. Phương pháp chuẩn độ acid-base (chuẩn độ gián tiếp)

2.3.2. Phương pháp chuẩn độ trực tiếp

2.3.2. Phương pháp quang phổ (UV-Vis) hoặc HPLC

3. Kiểm tra tạp chất: acid salicylic

Bài 4: Kiểm nghiệm ampicillin, định tính rifampicin

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu: Thực hành thành thạo một số kỹ thuật kiểm nghiệm: định tính, định lượng, độ trong, pH, độ ẩm; Phân biệt được Ampicillin với các kháng sinh β -lactam khác thông qua phản ứng đặc trưng; Đánh giá được độ tinh khiết và hàm lượng hoạt chất theo tiêu chuẩn Dược điển; Nhận diện được Rifampicin trong nguyên liệu và chế phẩm dựa vào các phản ứng hóa học và phổ hấp thụ; Biết cách sử dụng phổ UV-Vis hoặc IR để định tính Rifampicin khi cần thiết.

2. Nội dung:

2.1. Kiểm nghiệm Ampicillin

2.1.1. Định tính:

2.1.1.1. Phản ứng với thuốc thử nhóm amin.

2.1.1.2. Phản ứng đặc trưng vòng β -lactam (với acid mạnh, NaOH, hoặc thuốc thử iod).

2.1.2. Định lượng

2.1.2.1. Phương pháp chuẩn độ không nước (dùng acid perchloric).

2.1.2.2. Phương pháp vi sinh (nếu dùng trong kiểm nghiệm chế phẩm).

2.2. Định tính Rifampicin

2.2.1. Phản ứng hóa học:

2.2.2. Phổ UV-Vis/IR:

Bài 5: Kiểm nghiệm procain hydroclorid, định tính lidocain

Thời gian: 5 giờ

1. Mục tiêu:

- Đánh giá được chất lượng nguyên liệu và chế phẩm chứa procain hydroclorid.
- Vận dụng các phản ứng đặc trưng của amin thơm và este trong kiểm nghiệm.
- Thực hiện được các phản ứng định tính đặc trưng của Lidocain.
- Nhận biết được Lidocain trong nguyên liệu và chế phẩm thông qua phản ứng hóa học.

2. Nội dung:

2.1. Kiểm nghiệm Procain Hydroclorid

2.1.1. Định tính:

- o Phản ứng với thuốc thử nhóm amin bậc hai (đặc trưng cho phần base hữu cơ).
- o Phản ứng đặc trưng với ion Cl^- (dùng AgNO_3 tạo kết tủa trắng AgCl).
- o Phản ứng đặc trưng với nhóm este (thủy phân và kiểm tra sản phẩm).

2.1.2. Định lượng:

- o Chuẩn độ acid-base với dung dịch NaOH trong ethanol khan (chuẩn độ base yếu).
- o Có thể dùng phương pháp quang phổ hấp thụ UV nếu yêu cầu cao hơn.

2.2. Định tính Lidocain

2.2.1. Phản ứng hóa học đặc trưng:

- o Phản ứng với $\text{HNO}_2 \rightarrow$ tạo nitroso $\rightarrow$ màu đặc trưng.
- o Phản ứng với thuốc thử Dragendorff (tạo tủa vàng cam).
- o Phản ứng với thuốc thử nhóm amid (tạo sản phẩm màu).

2.2.2. Phổ hấp thụ:

- **IR:** nhận biết nhóm amid và amin.
- **UV:** hấp thụ đặc trưng quanh 263 nm (nếu thực hiện trong phòng phổ).

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho mô đun: Hóa dược nâng cao

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector
- Máy tính, bảng, phấn bảng
- Tủ thuốc, các loại thuốc mẫu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình: Hóa dược nâng cao
 - Các slide, tranh vẽ liên quan đến mô đun
 - Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly
- 4. Các điều kiện khác.* Đến công ty dược thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về cấu tạo chung; liên quan cấu trúc -tác dụng; đặc điểm cấu tạo của thuốc hạ huyết áp; thuốc kháng sinh.
- *Kỹ năng:* Kiểm nghiệm được một số nguyên liệu làm thuốc.
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Phân tích, tổng hợp kiến thức đã học để áp dụng vào thực tế.
 - + Chủ động cập nhật kiến thức mới.

2. Phương pháp

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc mô đun gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun “Hóa dược nâng cao” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- *Đối với giáo viên, giảng viên:*
 - + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
 - + Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các hóa chất thí nghiệm, các bước lấy mẫu đúng quy định, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất
 - + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- *Đối với sinh viên:*

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. *Những trọng tâm cần chú ý:* công thức cấu tạo, nguyên tắc điều chế, mối liên quan giữa cấu trúc – tác dụng, đặc điểm cấu tạo và tính chất hoá học, các phương pháp kiểm nghiệm và công dụng của thuốc kháng sinh và thuốc hạ huyết áp.

4. *Tài liệu học tập:*

- Hóa dược tập I, II- Trường Đại học Dược Hà Nội NXBYH.
- Dược điển Việt Nam, Mỹ, Nga
- Thực tập Hóa dược - NXBYH Hà Nội, 2005.
- Liên quan cấu trúc – tác dụng GS.TS Nguyễn Hải Nam

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Dược liệu nâng cao

Mã mô đun: MĐ 41

Thời gian thực hiện mô đun: 45 giờ; (Lý thuyết: 14 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Đã hoàn thành các môn cơ sở ngành, chuyên ngành, tự chọn, thực hành nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp

2. Tính chất: Là mô đun nâng cao, bổ sung kiến thức về cấu trúc và các phân nhóm dựa theo cấu trúc; các phương pháp kiểm nghiệm dược liệu; giới thiệu về các cây thuốc, vị thuốc. Mô đun vừa có lý thuyết vừa có thực hành.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

- Trình bày được: phân loại alkaloid, tinh dầu, trong dược liệu theo cấu tạo hóa học;

- Phân tích được: Nguồn gốc, thành phần hóa học, kiểm nghiệm, tác dụng học của dược liệu thường dùng;

- Mô tả được phương pháp chiết xuất, phân lập một số thành phần hoá học của dược liệu thường dùng;

2. Về kỹ năng

- Nhận biết và hướng dẫn sử dụng được khoảng 50 dược liệu thường dùng;

- Thực hiện được các thao tác cơ bản trong kiểm nghiệm dược liệu bằng kính hiển vi và bằng phương pháp hóa học, định lượng chất hoá học trong dược liệu.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có khả năng nhận diện chính xác các loại dược liệu, kể cả dược liệu quý hiếm hoặc có tính tương tự dễ nhầm lẫn.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật kiểm nghiệm cơ bản và nâng cao đối với dược liệu (kiểm tra vi học, hóa học, cảm quan...).

- Vận dụng kiến thức chuyên sâu về thành phần hóa học, tác dụng dược lý, độc tính và cách sử dụng dược liệu trong thực hành.

- Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật liên quan đến quản lý, khai thác, chế biến và sử dụng dược liệu.

- Thực hiện thao tác chuyên môn chính xác, trung thực trong phân tích, đánh giá, và báo cáo về dược liệu.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

T T	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Dược liệu chứa Alkaloid 1. Khái niệm 2. Dược liệu chứa Alkaloid	6	6	0	
2	Bài 2: Dược liệu chứa tinh dầu là dẫn chất monoterpen, nhân thơm 1. Khái niệm	4	4	0	

T T	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2. Dược liệu chứa tinh dầu và tình hình khai thác sử dụng tinh dầu ở Việt Nam				
3	Bài 3: Động vật dùng làm thuốc 1. Đặc điểm phân bố, tên gọi; 2. Bộ phận dùng, thành phần hoá học; 3. Cách chế biến, công dụng	5	4	0	1
	Cộng phần lý thuyết:	15	14	0	1
	<u>PHẦN THỰC HÀNH</u>				
1	Bài 1: Dược liệu chứa alkaloid 1. Soi bột, vi phẫu thân ma hoàng 2. Định tính, định lượng 3. Nhận thức dược liệu ba gác, hoàng cầm, sâm dương hoắc, cúc hoa, câu đằng, trần bì, cỏ ngọt.	4	0	4	
2	Bài 2: Dược liệu chứa sponin 1. Làm vi phẫu cam thảo bắc 2. Soi bột cam thảo bắc 3. Nhận biết dược liệu: tang chi, tang diệp, tang bạch bì, sơn tra, hạ khô thảo, kim anh, bạch thược, sa sâm.	5	0	5	
3	Bài 3: Dược liệu chứa Glycosid tim 1. Định tính Glycosid tim trong dược liệu 2. Nhận thức dược liệu: trúc đào, đan sâm, kê huyết đằng, hoàng kỳ, cốt toái bổ, đỗ trọng, đương quy.	5	0	5	
4	Bài 4: Dược liệu chứa Glycosid tim 1. Định tính saponin trong dược liệu, xác định chỉ số phá huyết của saponin trong ngưu tất 2. Nhận biết dược liệu: cát cánh, bán hạ, thiên môn, viễn chí, mạch môn, táo nhân, cam thảo, rau má	5	0	5	
5	Bài 5: Dược liệu chứa Glycosid tim	5	0	5	

T T	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	1. Định lượng, định tính tinh dầu trong vỏ sa nhân; 2. Nhận biết dược liệu: Đại hồi, Tiền hồ, hương nhu, sả, long não, sài đất, bạch chỉ, Xuyên khung, sa nhân.				
6	Thực tập bù và ôn tập	5	0	5	
	Kiểm tra thực hành	1			1
	Cộng thực hành:	30	0	29	1
	Tổng cộng:	45	14	29	2

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Dược liệu chứa Alcaloid

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các khái niệm alkaloid, tính chất, định tính, định lượng.

2. Nội dung:

2.1. Khái niệm, danh pháp, phân bố, phân loại, sự tạo thành Alkaloid trong cây, tính chất, chiết xuất, định lượng

2.1.1. Khái niệm, danh pháp, phân bố, phân loại

2.1.2. Sự tạo thành Alkaloid trong cây, tính chất, chiết xuất, định lượng

2.2. Dược liệu chứa Alcaloid: Tên, phân bố, thành phần, định tính, định lượng, chiết xuất

Bài 2: Dược liệu chứa tinh dầu là dẫn chất monoterpen, nhân thơm

Thời gian: 4 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được các khái niệm monoterpen, nhân thơm, tính chất, định tính, định lượng.

2. Nội dung:

2. 1. Khái niệm, thành phần; sự hình thành tinh dầu, phương pháp xác định hàm lượng tinh dầu trong dược liệu;

2.1.1. Khái niệm, thành phần; sự hình thành tinh dầu

2.1.2. Phương pháp xác định hàm lượng tinh dầu trong dược liệu;

2.2. Dược liệu chứa tinh dầu và tình hình khai thác sử dụng tinh dầu ở Việt Nam

Bài 3: Động vật dùng làm thuốc

Thời gian 5 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được đặc điểm phân bố, tên gọi, bộ phận dùng, thành phần hoá học .

2. Nội dung:

2.1. Đặc điểm phân bố, tên gọi;

2.2. Bộ phận dùng, thành phần hoá học;

2.3. Cách chế biến, công dụng.

PHẦN THỰC HÀNH

Bài 1: Dược liệu chứa alkaloid

Thời gian: 4

giờ

1. Mục tiêu: Soi được bột, làm được vi phẫu thân ma hoàng. Định tính, định lượng. Nhận thức được dược liệu.

2. Nội dung:

2.1. Soi bột, vi phẫu thân ma hoàng

2.2. Định tính, định lượng

2.3. Nhận thức dược liệu ba gác, hoàng cầm, sâm dương hoắc, cúc hoa, câu đằng, trần bì, cỏ ngọt.

Bài 2: Dược liệu chứa saponin

Thời gian 5 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên soi được bột, làm được vi phẫu thân cam thảo bắc. Định tính, định lượng . Nhận thức được dược liệu.

2. Nội dung:

2.1. Làm vi phẫu cam thảo bắc

2.2. Soi bột cam thảo bắc

2.3. Nhận biết dược liệu: tang chi, tang diệp, tang bạch bì, sơn tra, hạ khô thảo, kim anh, bạch thược, sa sâm.

Bài 3: Dược liệu chứa Glycosid tim

Thời gian 5 giờ

1. Mục tiêu: Định tính được Glycosid ,xác định được chỉ số phá huyết của saponin . Nhận thức được dược liệu .

2. Nội dung:

2.1. Định tính Glycosid tim trong dược liệu

2.2. Nhận thức dược liệu: trúc đào, đan sâm, kê huyết đằng, hoàng kỳ, cốt toái bổ, đỗ trọng, đương quy.

Bài 4: Dược liệu chứa Glycosid tim

Thời gian 5 giờ

1. Mục tiêu: Định tính, định lượng được Glycosid. Nhận thức được dược liệu .

2. Nội dung:

2.1. Định tính saponin trong dược liệu, xác định chỉ số phá huyết của saponin trong gừng tươi

2.2. Nhận biết dược liệu: cát cánh, bán hạ, thiên môn, viễn chí, mạch môn, táo nhân, cam thảo, rau má

Bài 5: Dược liệu chứa Glycosid tim

Thời gian 5 giờ

1. Mục tiêu: Định tính , định lượng được tinh dầu. Nhận thức được dược liệu .

2. Nội dung:

2.1. Định lượng, định tính tinh dầu trong vỏ sa nhân;

2.2. Nhận biết dược liệu: Đại hồi, Tiền hồ, hương nhu, sả, long não, sài đất, bạch chỉ, Xuyên khung, sa nhân.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

Phòng học chuyên dùng cho mô đun: Dược liệu nâng cao

2. Trang thiết bị máy móc:

- Máy chiếu Projector

- Máy tính, bảng, phấn bảng

- Tủ thuốc, các loại thuốc mẫu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

- Giáo trình: Dược liệu nâng cao

- Các slide, tranh vẽ liên quan đến mô đun

- Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly

4. Các điều kiện khác. Đến công ty dược thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về khái niệm alkaloid, tinh dầu; Nguồn gốc, thành phần hóa học, kiểm nghiệm, tác dụng, phương pháp chiết xuất, phân lập một số thành phần hoá học của dược liệu thường dùng;
- *Kỹ năng:* Kiểm nghiệm các dược liệu chứa alkaloid; sponin; glycosid;.....
- *Năng lực tự chủ và trách nhiệm:*
 - + Thực hiện thao tác chuyên môn chính xác, trung thực trong phân tích, đánh giá, và báo cáo về dược liệu.
 - + Chủ động cập nhật các tiêu chuẩn mới về chất lượng dược liệu và các phương pháp kiểm nghiệm tiên tiến.

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc mô đun

- Kiểm tra thường xuyên chủ yếu tập trung vào phần kiến thức, kiểm tra định kỳ chủ yếu tập trung vào thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%
- Thi kết thúc mô đun gồm 2 phần; phần kiến thức thi viết (trắc nghiệm/tự luận) hoặc thi vấn đáp; phần thực hành. Điểm thực hành chiếm 60%. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. Phạm vi áp dụng mô đun:

Mô đun “Dược liệu nâng cao” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các hóa chất thí nghiệm, các bước lấy mẫu đúng quy định, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên:

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: đặc điểm phân bố tên gọi; thành phần hoá học; công dụng và cách chế biến động vật dùng làm thuốc.

4. Tài liệu học tập:

- Bài giảng dược liệu (tập I,II) - Trường Đại học Dược Hà Nội- NXBYH, 2002.
- Dược điển Việt Nam;
- Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam - Đỗ Tất Lợi,- NXBYH Hà Nội, 2002.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Bào chế nâng cao

Mã mô đun: MĐ 42

Thời gian thực hiện mô đun: 30 giờ; (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 29 giờ; Kiểm tra: 01 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

1. Vị trí: Đã hoàn thành các môn cơ sở ngành, chuyên ngành, tự chọn, thực hành nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp

2. Tính chất: Là môn nâng cao nhằm giúp sinh viên có được những kiến thức và kỹ năng nâng cao về: Khái niệm, thành phần, ưu nhược điểm, tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật bào chế các dạng thuốc đặc biệt.

II. Mục tiêu mô đun

1. Về kiến thức

- Trình bày được ưu, nhược điểm và thành phần các dạng thuốc.
- Phân tích được quy trình bào chế của các dạng thuốc.
- Mô tả được tiêu chuẩn chất lượng của các dạng thuốc.

2. Về kỹ năng

- Hướng dẫn đúng cách sử dụng và bảo quản các dạng thuốc.
- Bào chế được một số dạng thuốc cụ thể với qui mô phòng thí nghiệm.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Rèn luyện ý thức chịu khó trong học tập
- Tự đánh giá, phân tích và phản biện các công thức bào chế, quy trình sản xuất theo hướng tối ưu hóa.
- Đề xuất các giải pháp sáng tạo trong thiết kế công thức, lựa chọn tá dược hoặc kỹ thuật cải tiến.

III. Nội dung mô đun

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

T T	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Xây dựng quy trình bào chế thuốc xịt naphazolin. 1. Công thức bào chế thuốc xịt naphazolin . 2. Phân tích vai trò các chất. 3. Tiến hành bào chế theo quy trình.	6	0	6	
2	Bài 2: Xây dựng quy trình bào chế dầu xoa. 1. Công thức bào chế dầu xoa. 2. Phân tích vai trò các chất. 3. Tiến hành bào chế theo quy trình.	6	0	6	
3	Bài 3: Xây dựng quy trình hỗn dịch antacid 1. Công thức bào chế hỗn dịch antacid.	6	0	6	

T T	Nội dung	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
	2. Phân tích vai trò các chất. 3. Tiến hành bào chế theo quy trình.				
4	Bài 4: Xây dựng quy trình bào chế thuốc dạng gel, emulgel. 1. Công thức bào chế thuốc dạng gel, emulgel. 2. Phân tích vai trò các chất. 3. Tiến hành bào chế theo quy trình.	6	0	6	
5	Bài 5: Xây dựng quy trình bào chế viên bao tan trong ruột Aspirin. 1. Công thức bào chế viên bao tan trong ruột Aspirin. 2. Phân tích vai trò các chất. 3. Tiến hành bào chế theo quy trình.	6	0	5	1
	Tổng Cộng	30	0	29	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Xây dựng quy trình bào chế thuốc xịt naphazolin.

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được công thức, nắm được vai trò các chất trong công thức, tiến hành bào chế theo quy trình.

2. Nội dung:

2.1. Công thức bào chế thuốc xịt naphazolin .

2.2. Phân tích vai trò các chất.

2.3. Tiến hành bào chế theo quy trình.

Bài 2: Xây dựng quy trình bào chế dầu xoa.

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được công thức, nắm được vai trò các chất trong công thức, tiến hành bào chế theo quy trình.

2. Nội dung:

2.1. Công thức bào chế dầu xoa.

2.2. Phân tích vai trò các chất.

2.3. Tiến hành bào chế theo quy trình.

Bài 3: Xây dựng quy trình hỗn dịch antacid.

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được công thức, nắm được vai trò các chất trong công thức, tiến hành bào chế theo quy trình.

2. Nội dung:

2.1. Công thức bào chế hỗn dịch antacid.

2.2. Phân tích vai trò các chất.

2.3. Tiến hành bào chế theo quy trình.

Bài 4: Xây dựng quy trình bào chế thuốc dạng gel, emulgel.

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Trình bày được công thức, nắm được vai trò các chất trong công thức, tiến hành bào chế theo quy trình.

2. Nội dung:

2.1. Công thức bào chế thuốc dạng gel, emulgel.

2.2. Phân tích vai trò các chất.

2.3. Tiến hành bào chế theo quy trình.

Bài 5: Xây dựng quy trình bào chế viên bao tan trong ruột Aspirin.

Thời gian: 6 giờ

1. Mục tiêu: Sau khi học xong bài này sinh viên trình bày được công thức, nắm được vai trò các chất trong công thức, tiến hành bào chế theo quy trình.

2. Nội dung:

2.1. Công thức bào chế viên bao tan trong ruột Aspirin.

2.2. Phân tích vai trò các chất.

2.3. Tiến hành bào chế theo quy trình.

IV. Điều kiện thực hiện mô đun.

1. *Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:*

Phòng học chuyên dùng cho mô đun: Bào chế nâng cao

2. *Trang thiết bị máy móc:*

- Máy chiếu Projector

- Máy tính, bảng, phấn bảng

- Tủ thuốc, các loại thuốc mẫu

3. *Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:*

- Giáo trình: Bào chế nâng cao

- Các slide, tranh vẽ liên quan đến mô đun

- Các dụng cụ thí nghiệm như hóa chất, đèn cồn, pipet, ống nghiệm, cân tiểu ly

4. *Các điều kiện khác.* Đến công ty dược thực hành thực tập

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung:

- *Kiến thức:* Đánh giá sinh viên về xây dựng quy trình bào chế thuốc xịt naphazolin; xây dựng quy trình bào chế dầu xoa.

- *Kỹ năng:*

+ Hướng dẫn sử dụng và bảo quản các dạng thuốc;

+ Bào chế được một số dạng thuốc cụ thể với quy mô phòng thí nghiệm.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Chủ động tìm hiểu, cập nhật kiến thức và công nghệ mới trong lĩnh vực bào chế thuốc.

+ Nhận thức được ảnh hưởng của sai sót kỹ thuật đến chất lượng thuốc và sức khỏe người dùng.

2. Phương pháp:

Đánh giá thông qua kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kỳ và thi kết thúc môn học:

- Kiểm tra thường xuyên vào quá trình sinh viên thực hành (thời gian khoảng 45 phút). Trọng số điểm kiểm tra thường xuyên, định kỳ chiếm 40%.

- Thi kết thúc môn học phần thực hành. Trọng số điểm thi kết thúc môn chiếm 60%.

VI. Hướng dẫn thực hiện mô đun

1. *Phạm vi áp dụng mô đun*

Mô đun “Bào chế nâng cao” được sử dụng cho sinh viên cho cao đẳng ngành, nghề Dược .

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Sử dụng các trang thiết bị và học cụ, vật thật kết hợp với trình chiếu các hình ảnh để minh họa trực quan trong giờ học lý thuyết.
- + Khi học thực hành: Giáo viên cần cho sinh viên nhận dạng các hóa chất thí nghiệm, các bước lấy mẫu đúng quy định, tiến hành làm mẫu thí nghiệm để sinh viên quan sát và lưu ý các vấn đề an toàn khi sử dụng hóa chất
- + Giáo viên trước khi giảng dạy cần phải căn cứ vào chương trình và điều kiện thực tế tại trường để chuẩn bị nội dung giảng dạy đầy đủ, phù hợp để đảm bảo chất lượng dạy và học.

- Đối với sinh viên:

- + Kết hợp giữa nghe giảng và đọc thêm sách, tài liệu liên quan để hiểu sâu sắc nội dung các bài học
- + Tăng cường trao đổi, giúp nhau trong nhóm học tập.
- + Tích cực phát biểu xây dựng bài tại lớp học

3. Những trọng tâm cần chú ý: Ưu, nhược điểm và thành phần các dạng thuốc; Xây dựng được quy trình bào chế, trình bày tiêu chuẩn chất lượng của các dạng thuốc.

4. Tài liệu học tập:

- Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc (tập 1,2)- Bộ Y tế- NXBYH, 2008.
- Bào chế nâng cao, Bộ Y tế- NXBYH, 2009.
- Dược điển Việt Nam, Mỹ, Nga;
- Các tài liệu liên quan đến môn học Bào chế bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài.